



BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH/NGHỀ KẾ TOÁN
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NĂM 2020

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	4
PHẦN I:.....	4
GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM, KHOA KẾ TOÁN TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG.....	4
1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM.....	4
1.1. Khái quát về lịch sử phát triển của trường	4
1.2. Những thành tích nổi bật của trường	7
1.3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của nhà trường.....	9
1.4. Quy mô đào tạo.....	13
1.5. Kết quả tuyển sinh.....	15
2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA KẾ TOÁN – TCNH.....	15
2.1. Giới thiệu chung	15
2.2. Đội ngũ nhân sự.....	16
2.3. Chương trình đào tạo	16
2.4. Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp	17
3. THÔNG TIN VỀ CTĐT NGÀNH KẾ TOÁN.....	17
3.1. Mục tiêu đào tạo	17
3.2. Chuẩn đầu ra	18
3.3. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học	21
PHẦN II	21
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CTĐT	21
1. Tổng quan chung	21
1.1. Căn cứ tự đánh giá	21
1.2. Mục đích tự đánh giá	22
1.3. Yêu cầu tự đánh giá.....	22
1.4. Phương pháp tự đánh giá.....	23
1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá.....	23
2. Tự đánh giá	24
2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Kế toán trình độ cao đẳng	24

2.2 Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn.....	32
PHẦN III.....	163
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CTĐT	163
1. Về công tác nhân sự	163
2. Về công tác quản lý đào tạo.....	164
3. Về công tác Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	166
4. Về công tác quản trị thiết bị vật tư	166
5. Về công tác nghiên cứu khoa học	167
PHẦN IV	168
ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....	168
1. Kết luận	168
2. Kiến nghị	168
PHỤ LỤC	172

CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLĐTHXH	- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
TPHCM	- Thành phố Hồ Chí Minh
CĐCT	- Cao Đẳng Công Thương
TCNH	- Tài chính ngân hàng
THPT	- Trung học phổ thông
GDDN	- Giáo dục nghề nghiệp
CTĐT	- Chương trình đào tạo
TC	- Tín chỉ
THPT	- Trung học phổ thông
CBGD	- Cán bộ giảng dạy
HĐTS	- Hội đồng tuyển sinh
SV	- Sinh viên
TT	- Thông tư
NH	- Năm học
HD	- Hướng dẫn
BC	- Báo cáo
TT-MC	- Thông tin- minh chứng
KH	- Kế hoạch
TN	- Tốt nghiệp
DN	- Doanh nghiệp

PHẦN I:
GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM, KHOA
KẾ TOÁN TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM

Trường cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Bộ Công Thương, được thành lập ngày 20/10/1976, với tên gọi là Trường Nghiệp vụ Kỹ thuật Công nghiệp nhẹ. Đến ngày 30/7/1991 Trường được đổi tên thành Trường Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp nhẹ Thủ Đức, trực thuộc Bộ Công Nghiệp nhẹ. Đến năm 2000 Trường được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Kinh Tế Kỹ Thuật Công Nghiệp II, theo quyết định số 5945/QĐ-BGD&ĐT ngày 27 tháng 12 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến năm 2009 đổi tên thành Trường cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 418/QĐ-BGD&ĐT ngày 20 tháng 01 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thông tin liên hệ:

Tên trường: TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (viết tắt: CĐCT)

Tên tiếng anh: Ho Chi Minh City Industry and Trade College, (viết tắt: HITC).

Cơ quan chủ quản: Bộ Lao Động – Thương Binh và Xã Hội

Địa chỉ trường: Số 20 Tăng Nhơn Phú, Phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37313631

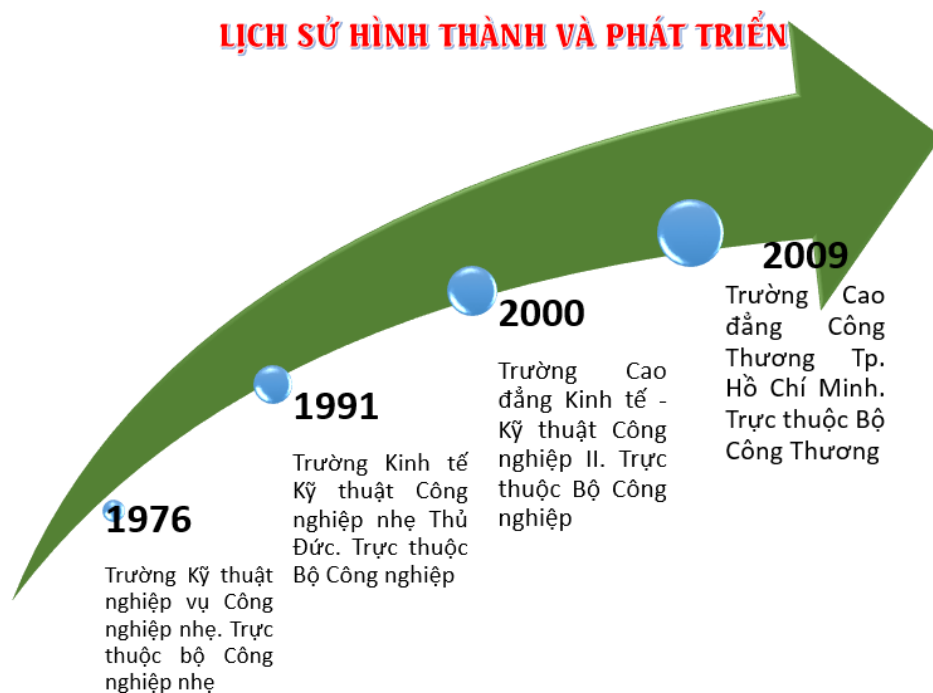
Số fax: 028.38978501

Email: tttkkdcl@hitu.edu.vn;

Website: www.hitu.edu.vn

1.1. Khái quát về lịch sử phát triển của trường

Đến năm 2020, trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh đã có lịch sử phát triển 44 năm với 4 giai đoạn như sau:



• **Giai đoạn 1 (Từ 20/10/1976 đến 30/07/1991):**

Trường Nghiệp vụ Kỹ thuật Công nghiệp nhẹ trực thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ, đào tạo hệ trung cấp chuyên nghiệp, kỹ thuật viên 7 ngành kỹ thuật và nghiệp vụ thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ: dệt, sợi, may, nhuộm, giấy, tổ chức sản xuất, lao động – tiền lương. Bên cạnh đó, trường còn đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý làm việc trong ngành công nghiệp nhẹ ở khu vực miền Nam, với các chức danh từ tổ trưởng sản xuất, chuyên trưởng đến quản đốc, giám đốc xí nghiệp, thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ. Từ con số 500 sinh viên vào năm học 1976 - 1977 đến năm học 1990 - 1991 đã lên đến 2.000 sinh viên theo học tại trường.

• **Giai đoạn 2 (Từ 30/07/1991 đến 27/12/2000):**

Trường phát triển và đổi tên thành Trường Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp nhẹ Thủ Đức trực thuộc Bộ Công nghiệp, được phép đào tạo thêm một số ngành:

- Đào tạo thêm 5 ngành đối với trình độ trung cấp chuyên nghiệp và trung học nghề.
- Đào tạo công nhân kỹ thuật đối với 10 ngành.
- Liên kết với trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp I, đào tạo bậc cao đẳng chính quy được 3 khóa.

- Chuẩn bị đủ điều kiện để nâng cấp thành trường cao đẳng.

Trong năm học 1999 – 2000, đã có 5.000 sinh viên học tại trường.

• **Giai đoạn 3 (Từ 27/12/2000 đến 20/01/2009):**

Trường chính thức được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp II trực thuộc Bộ Công Nghiệp (nay là Bộ Công Thương), trường thực hiện thêm các nhiệm vụ sau:

- Đào tạo trình độ cao đẳng, hệ chính quy đối với 19 ngành.
- Đào tạo trung cấp nghề.
- Đào tạo liên thông thí điểm đối với 3 ngành kế toán, công nghệ dệt, công nghệ kỹ thuật cơ khí.
- Liên kết với 2 trường Đại học đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học.

Năm học 2008 – 2009, số sinh viên của trường lên đến 12.804 người theo học.

• **Giai đoạn 4 (Từ 20/01/2009 đến nay: tháng 11/2020):**

Trường được đổi tên thành Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh, trực thuộc Bộ Công Thương. Đây là thời điểm đầu của giai đoạn phát triển thứ tư của nhà trường với định hướng phấn đấu trở thành Trường Cao đẳng chất lượng cao trong hệ thống các trường Đại học, Cao đẳng tại Việt Nam.

Trường Cao đẳng Công thương Thành phố Hồ Chí Minh (HITC) là địa chỉ tin cậy trong đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và kinh tế; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu xã hội; là cơ sở nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ quản lý, sản xuất, kinh doanh đa lĩnh vực; có năng lực hội nhập khu vực và quốc tế, giúp người học trở thành những công dân có học thức, tự tin lập thân, lập nghiệp, làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội.

Đến năm 2025 trở thành Trường chất lượng cao, cơ bản hoàn thành chuyển đổi số. Chất lượng đào tạo không ngừng được nâng cao, quy mô đào tạo được duy trì hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao và đa dạng của xã hội.

Đến năm 2030, Trường đủ điều kiện trở thành trường đại học đào tạo đa ngành theo hướng ứng dụng, tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4, được xã hội tín nhiệm cao về chất lượng đào tạo với phương châm ***“Học tập gắn liền với thực tiễn cuộc sống”***, góp phần vào sự nghiệp phát triển của đất nước.

1.2 Những thành tích nổi bật của trường

Với nhiều thành tích đóng góp cho hoạt động giáo dục trong suốt 46 năm hoạt động, trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM đã đạt được một số thành tựu sau:

- Được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương lao động hạng ba (năm 1992), Huân chương lao động hạng nhì (năm 1997), Huân chương lao động hạng nhất (năm 2001) và Huân chương độc lập hạng ba (năm 2006), Huân chương Độc lập hạng nhì (2011), Cờ thi đua xuất sắc do Chính phủ CHXHCN Việt Nam tặng (2012); và nhiều bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương tặng (hàng năm).

- Giảng viên của trường đạt được nhiều giải thưởng trong các Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp thành phố, cấp quốc gia như: 01 giải nhất, 02 giải ba, 02 giải khuyến khích Giáo viên dạy giỏi TP.HCM năm 2014; 01 giải ba Giáo viên dạy giỏi toàn quốc năm 2015; 03 giải nhì, 01 giải ba, 02 giải khuyến khích Giáo viên dạy giỏi TP.HCM năm 2016; 01 giải nhì, 01 giải ba Giáo viên dạy giỏi TP.HCM năm 2018; 02 giải khuyến khích Giáo viên dạy giỏi cấp quốc gia năm 2018.

- Sinh viên của Trường sau khi tốt nghiệp đều có việc làm và đạt được một số thành công nhất định như: Phạm Xuân Trinh (Tổng Giám đốc Tổng công ty Phong Phú; Phạm Phú Chung (Tổng Giám đốc Công ty Dệt Đông Nam); Lê Thanh Liêm (Tổng Giám đốc Công ty Phước Long); Nguyễn Văn Đạt (Giám đốc Công ty Hưng Phát Đạt); Ngô Văn Nhiệm (Giám đốc Công ty Dệt gia dụng Phong Phú); Nguyễn Thị Kim Yến (Phó Giám đốc Công ty nhựa Bình Minh); Ngô Văn Hòa (Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Dệt May Thắng Lợi), Dương Quốc Thủy (Tổng giám đốc Công ty Đất Xanh Tây Nam Bộ, chủ tịch HĐQT Đất Xanh An Giang), Ngô Quốc Trụ (Giám đốc Nhà máy dệt, Tổng Cty Việt Thắng), Đỗ Hải (Giám đốc điều hành, Công ty cổ phần đầu tư phát triển VINATEX Thuộc Tập Đoàn Dệt May Việt Nam), Nguyễn Xuân Ninh (Giám đốc, Công ty TNHH Công nghệ Hoàng Phát), Huỳnh Cân (Giám đốc, Công ty Cổ phần Cơ điện Nam Hòa), ...

Sinh viên hiện đang theo học tại trường cũng rất tích cực tham gia cuộc thi sáng tạo Robot Việt Nam, vào được vòng chung kết toàn quốc 3 năm liền (2007, 2008 và 2013), trong đó, năm 2008, đạt được giải ba toàn quốc và giải thưởng Robot tự động tốt nhất.

- Trường chủ động liên kết đào tạo trong hợp tác quốc tế: được công nhận là cơ sở đào tạo của City and Guilds; được Tập đoàn dệt Texhong (Trung Quốc) đưa sinh viên của Trường sang Trung Quốc thực tập và nhận về làm việc trong cơ sở của họ đặt tại Việt Nam; được Trường Cao đẳng Swansea (Vương Quốc Anh) mời sang nước Anh trao đổi hợp tác đào tạo, mở ra triển vọng liên kết đào tạo bậc cao đẳng chính quy.

- Trường đã ký một số thỏa thuận liên kết đào tạo với ĐH Chosun Hàn Quốc, Học viện Genetic Computer Singapore, Học viện Hòa Xuân Đài Loan, hợp tác với cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (KOICA), Trường Đại học Khoa học & Công nghệ Lunghwa, Trường Đại học Berjaya, Malaysia, Cơ quan Giáo dục IDP của Úc, Trường đang kết hợp với Hiệp hội Da – Giày – Túi xách Việt Nam (Lefaso) tham dự các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng chuyên môn gia công ngành giày da với sự hỗ trợ của Thương vụ Ý tại TP.HCM (ITA) và Hiệp hội doanh nghiệp da giày - thuộc da Ý (ASSOMAC)

- Giảng viên được đi học tập tại CHLB Đức, trường đã khai giảng lớp chất lượng cao đào tạo thí điểm cấp quốc tế ngành cắt gọt kim loại theo tiêu chuẩn của Châu Âu.

- Hoạt động hợp tác quốc tế luôn được nhà trường chú trọng:

- + Thực hiện 06 chương trình, dự án quốc tế với các nước như: Ủy ban Châu Âu 01 dự án, Đan Mạch 01 dự án, Hàn Quốc 02 dự án, Đài Loan 01 dự án, Hà Lan 01 dự án.

- + Tổ chức các hội thảo quốc tế tại trường: 02 hội thảo quốc tế trong khuôn khổ các dự án hợp tác với Ủy ban Châu Âu và Đan Mạch.

- + Số lượng giảng viên và sinh viên đi đào tạo tại nước ngoài tăng dần theo từng năm học.

+ Trường có 06 sinh viên đi học nâng cao trình độ tại Đài Loan; 04 sinh viên đi học tập ngắn hạn về ngành da giày tại Ý.

+ 21 cán bộ, giảng viên của trường đã được đi đào tạo, tham quan mô hình giảng dạy tiên tiến của các đối tác trong khuôn khổ hợp tác các dự án quốc tế với Phần Lan.

+ 03 giảng viên đi học tập và đào tạo tại Ấn Độ.

+ 03 giảng viên đi học tập tại Hàn Quốc về nghiệp vụ sư phạm giáo dục.

+ 03 giảng viên học tập khóa thiết kế giày do chuyên gia Ý đào tạo.

+ 01 giảng viên nghiên cứu sinh tiến sĩ tại Đài Loan.

+ 01 giảng viên đi giảng dạy tại Hàn Quốc trong khuôn khổ chương trình hợp tác đào tạo giảng dạy giữa trường CĐ Công Thương TP.HCM và ĐH Jeonju Hàn Quốc

+ 06 giảng viên học tập ngắn hạn tại Đức.

+ Nhà trường đã mời chuyên gia Hàn Quốc hỗ trợ xây dựng đào tạo ngành CNTT cho trường.

+ 01 chuyên gia Hà Lan sang đào tạo kiến thức khởi nghiệp cho giảng viên và sinh viên nhà trường trong khuôn khổ dự án PUM giữa Hà Lan và trường CĐ Công Thương TP.HCM.

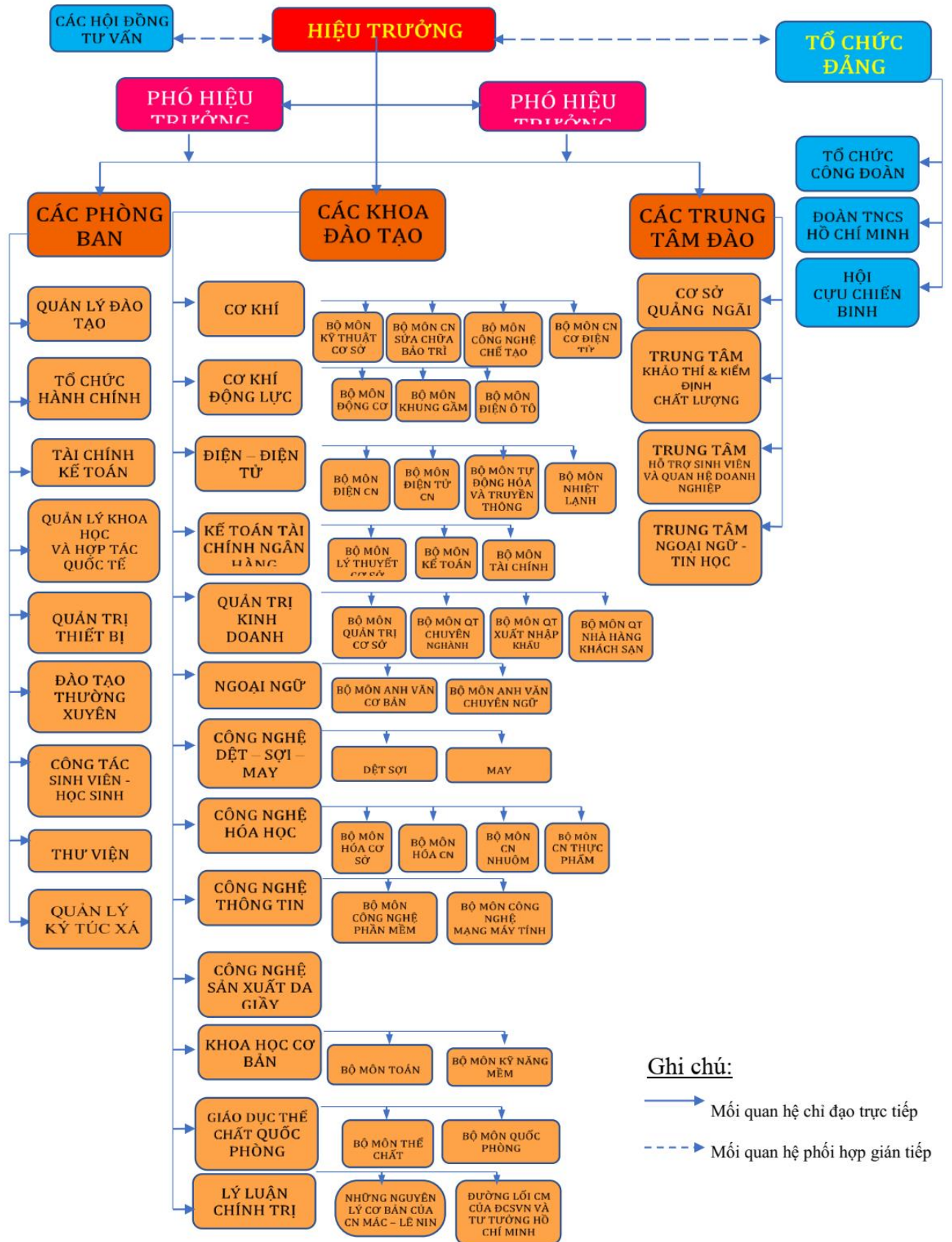
- Trường được Bộ LĐ – TBXH phê duyệt và đầu tư tập trung cho 8 ngành trọng điểm theo quyết định số 1769/QĐ-LĐTBXH gồm các ngành cụ thể như sau: Cắt gọt kim loại, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử, Công nghệ kỹ thuật cơ khí, Công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử, Quản trị Nhà hàng & Dịch vụ ăn uống, Công nghệ Thực phẩm, Công nghệ Da giày và Công nghệ May.

- Năm 2019 Trường được lựa chọn bổ sung vào đề án phát triển trường cao đẳng chất lượng cao đến năm 2020 theo quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 11/10/2019 của Thủ tướng chính phủ.

1.3 Cơ cấu tổ chức và nhân sự của nhà trường

1.3.1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức và nhân sự

Sơ đồ 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức nhân sự



1.3.2. Cán bộ, nhân viên trong trường: (tính đến thời điểm tự đánh giá)

Tổng số cán bộ quản lý, nhân viên tính đến tháng 11 năm 2020 là: 351 người, trong đó:

Trong biên chế : 319 người

- Hợp đồng lao động : 32 người

1.3.3. Đội ngũ giáo viên: (tính đến thời điểm tự đánh giá)

Tổng số: 250 giảng viên, trong đó:

- Nam: 145 GV - Nữ: 105 GV

- Cơ hữu: 250 GV - Thỉnh giảng: GV

Trình độ đào tạo	Tổng số
Tiến sĩ	11
Thạc sĩ	207
Đại học	32
Cao đẳng	0
Trung cấp	0
Công nhân bậc 5/7 trở lên	0
Trình độ khác	0
Tổng số	250

1.3.4. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của nhà trường

Thông tin các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh, học vị, chức vụ
1. Ban Giám hiệu			
Hiệu trưởng	Bùi Mạnh Tuấn	1971	Thạc sĩ
Phó Hiệu trưởng	Đặng Công Quốc	1968	Thạc sĩ
Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Anh Tuấn	1974	Thạc sĩ

Thông tin các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh, học vị, chức vụ
2. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội HSSV			
Đảng bộ	Bùi Mạnh Tuấn	1971	ThS, Bí thư
Công đoàn	Trần Vũ Vượng	1975	ThS, Chủ tịch
Đoàn Thanh niên CSHCM	Đặng Minh Tuấn	1988	Bí thư
Hội HSSV	Nguyễn Phạm Mai Trang	1987	ThS, Chủ tịch
3. Các phòng, ban chức năng			
- Phòng TCHC	Trần Vũ Vượng	1975	ThS, TP
- Phòng TCKT	Hoàng Mạnh Khiêm	1965	ThS, TP
- Phòng QTTB	Lê Thanh Hải	1969	ThS, TP
- Phòng QL Đào tạo	Nguyễn Tấn Thắng	1983	Ths, TP
- Phòng ĐTTX	Nguyễn Thị Minh	1976	ThS, TP
- Phòng CTHS-SV	Hoàng Mạnh Tùng	1980	ThS, TP
- Phòng KTX	Nguyễn Trung Hiếu	1965	CN, TP
- Phòng QLKH – HTQT	Hồ Hoài Nam	1979	TS, PTP
- Phòng Thông tin thư viện	Nguyễn Thị Thanh Giang	1978	ThS, TP
- TT Khảo thí & ĐBCL	Trần Minh Nhựt	1974	ThS, Giám đốc
- TT Hỗ trợ SV& QHDN	Lê Quang Vinh	1978	ThS, Giám đốc
- Cơ sở II (Quảng Ngãi)	Phạm Ngọc Hoàng Khôi	1978	ThS, Giám đốc
4. Các trung tâm/viện trực thuộc			
TT Ngoại ngữ - Tin học	Bùi Mạnh Tuấn	1971	ThS, HT, GD
5. Các khoa			
- Khoa Kế toán – Tài chính	Nguyễn Thị Kim Thoa	1976	GV, ThS, TK

Thông tin các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh, học vị, chức vụ
ngân hàng			
- Khoa Cơ khí	Lê Thanh Vũ	1969	GVC, ThS, TK
- Khoa Điện – điện tử	Lâm Quang Chuyên	1972	GV, TS, TK
- Khoa CNTT	Huỳnh Trọng Đức	1968	GV, ThS TK
- Khoa CNHH & TP	Đặng Công Quốc	1968	ThS, PHT phụ trách
- Khoa CN Dệt May	Đặng Phước Thịnh	1972	GV, ThS, PTK
- Khoa CN Da giày	Võ Quỳnh Liên	1977	GV, ThS, TK
- Khoa KH Cơ bản	Nguyễn Thị Lê	1974	GV, ThS, TK
- Khoa LLCT	Lê Văn Chuyên	1974	GV, ThS, TK
- Khoa Ngoại ngữ	Đỗ Thị Thanh Thủy	1975	GV, ThS, TK
- Quản trị Kinh doanh	Vũ Nhật Tân	1964	GV, ThS, TK
- GD TC- Quốc phòng	Nguyễn Trung Lục	1965	GV, ThS, TK
- Cơ khí động lực	Trương Thái Minh	1979	GV, ThS, TK

1.4. Quy mô đào tạo

Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh, qua 46 năm phát triển, hiện nay đã trở thành trường cao đẳng có quy mô đào tạo lớn của cả nước (quy mô hơn 12.000 sinh viên) và là trường đào tạo đa ngành (22 ngành).

Trong những năm gần đây, trường đã ổn định về quy mô đào tạo và áp dụng phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ đã đi vào quy củ sau 9 năm thực hiện.

Các ngành đào tạo hiện nay của trường:

STT	Ngành học	Khối xét tuyển	Chỉ tiêu
------------	------------------	-----------------------	-----------------

1	Công nghệ sợi, dệt	A, A1, B, D1	50
2	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	A, A1, B, D1	240
3	Công nghệ chế tạo máy	A, A1, B, D1	180
4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (chuyên ngành Điện công nghiệp và Điện tử công nghiệp)	A, A1, B, D1	330
5	Công nghệ da giày	A, A1, B, D1	150
6	Công nghệ giấy và bột giấy	A, A1, B, D1	30
7	Công nghệ kỹ thuật hóa học (chuyên ngành Hóa nhuộm, Hóa hữu cơ, Hóa phân tích)	A, A1, B, D1	210
8	Kế toán	A, A1, B, D1	390
9	Công nghệ thông tin	A, A1, B, D1	210
10	Quản trị kinh doanh (chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp, Quản trị kinh doanh xuất nhập khẩu)	A, A1, B, D1	420
11	Công nghệ may	A, A1, B, D1	390
12	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	A, A1, B, D1	70
13	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	A, A1, B, D1	70
14	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A, A1, B, D1	300
15	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	A, A1, B, D1	100
16	Tài chính - Ngân hàng	A, A1, B, D1	230
17	Công nghệ thực phẩm	A, A1, B, D1	300
18	Truyền thông và mạng máy tính	A, A1, B, D1	70

19	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	A, A1, B, D1	70
20	Tiếng Anh	A, A1, B, D1	200
21	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	A, A1, B, D1	100
22	Quản trị khách sạn	A, A1, B, D1	100

1.5. Kết quả tuyển sinh

Trường luôn hoàn thành và vượt chỉ tiêu tuyển sinh liên tục từ năm 2018 đến năm 2020. Hiện nay, chỉ tiêu của trường là 4.210.

Kết quả tuyển sinh những năm gần đây:

Trình độ	Năm		
	2018	2019	2020
Cao đẳng chính quy	4.210	4.210	4.210

2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ KHOA KẾ TOÁN – TCNH

2.1. Giới thiệu chung

Tiền thân của Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng là Khoa Kinh Tế được thành lập từ năm 1976 cùng với sự ra đời của Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh.

Trải qua 44 năm xây dựng và phát triển Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng luôn lấy mục tiêu đào tạo đáp ứng nhu cầu thực tế xã hội, tạo cơ hội cao nhất cho người học về kỹ năng nghề nghiệp làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động.

Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng được xem là một trong những khoa chủ chốt của trường, thu hút số lượng sinh viên đông đảo và ngày càng phát triển về số lượng và chất lượng.

Hiện tại Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng đang đào tạo 2 chuyên ngành là Kế toán và Tài chính Ngân hàng ở các hệ Cao đẳng chính quy, Cao đẳng liên thông. Ngoài ra, Khoa còn đào tạo các khóa ngắn hạn về nghiệp vụ kế toán và khai báo thuế,...

Kết quả tuyển sinh

TÊN NGÀNH	NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2020
Kế toán	423	386	423
Tài chính ngân hàng	246	243	246
Tổng cộng	669	629	669

Tỷ lệ học sinh, sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp: 100%

Hiện nay, Khoa Kế toán – Tài chính ngân hàng đã ký kết hợp tác với gần 100 doanh nghiệp trên địa bàn TP.HCM và các tỉnh lân cận như: công ty TNHH tư vấn thuế ACB, công ty TNHH Một thành viên Giao nhận và vận tải Quốc tế HBT, Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Thuế Tây Nam, Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn thuế 247, Công ty TNHH Vạn Tường Trung Văn, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam, Công ty TNHH TM Dược phẩm Úc Châu, Công ty Cổ phần đào tạo ứng dụng quốc tế IAP, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TPBank), ... Theo khảo sát cả trường có hơn 70% SV tìm kiếm được việc làm phù hợp ngay sau khi ra trường. 90% SV được tư vấn giới thiệu việc làm và tìm được việc làm sau 6 tháng. Sinh viên ngành Kế toán 80% có việc làm đúng và gần ngành trong thời gian 3 tháng sau khi tốt nghiệp. Đặc biệt, một số sinh viên có việc làm đúng ngành ngay sau kỳ thực tập doanh nghiệp (trước khi tốt nghiệp).

2.2. Đội ngũ nhân sự

Khoa Kế toán – Tài chính ngân hàng có đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý gồm 35 người, trong đó: 03 giảng viên có trình độ tiến sĩ, 31 giảng viên có trình độ thạc sĩ và 1 giảng viên có trình độ đại học đúng chuyên ngành. Các giảng viên đều đạt chuẩn về chuyên môn kỹ thuật, đều có nghiệp vụ sư phạm, có khả năng giảng dạy tích hợp, biết khai thác nguồn tài liệu trên internet, sử dụng tốt máy tính cho công việc chuẩn bị bài và giảng dạy bằng giáo án điện tử, một số giảng viên có khả năng tương đối tốt về tiếng Anh để tham khảo tài liệu chuyên môn của nước ngoài.

Đội ngũ giảng viên có trách nhiệm cao, tích cực, nhiệt huyết, yêu nghề, năng động, sáng tạo, có nhiều kinh nghiệm thực tế công tác tại các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh và các ngân hàng tổ chức tín dụng lớn.

2.3. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở đảm bảo tính ứng dụng, tính thực hành và tính linh hoạt.

Ngành kế toán	Ngành tài chính ngân hàng
- Sinh viên được trang bị kiến thức về các hệ thống kế toán doanh nghiệp, ngân hàng, đơn vị hành chính sự nghiệp. - Chương trình thực tập mô phỏng tại trường, giúp sinh viên làm quen với môi trường làm việc thực tế. - Chương trình được thiết kế theo học chế tín chỉ, có nhiều lựa chọn cho sinh viên để xây dựng kế hoạch học tập của mình phù hợp với mục tiêu nghề nghiệp khi ra trường.	- Chương trình đào tạo cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu thực tế trong lĩnh vực kinh tế và tài chính ngân hàng. - Cơ hội làm việc sau tốt nghiệp với các đối tác ngân hàng lớn. - Chương trình học linh hoạt, nhiều lựa chọn theo học chế tín chỉ.

2.4. Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp

- **Ngành Kế toán:** Sau tốt nghiệp sinh viên có thể làm việc tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, với các chức danh Kế toán viên, kế toán ngân quỹ, thủ quỹ, nhân viên tư vấn kinh doanh, nhân viên tín dụng, nhân viên hành chính văn phòng, kế toán trưởng, kế toán tổng hợp, ...
- **Ngành Tài chính Ngân hàng:** Sau tốt nghiệp sinh viên có thể làm việc tại các ngân hàng tổ chức tín dụng với các chức danh nhân viên tín dụng, nhân viên thanh toán, nhân viên môi giới tín dụng, môi giới bất động sản, kế toán thanh toán, nhân viên văn phòng, nhân viên kinh doanh, ...

3. THÔNG TIN VỀ CTĐT NGÀNH KẾ TOÁN

3.1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình cử nhân cao đẳng kế toán đào tạo nhân viên kế toán và khối ngành kinh tế có nền tảng kiến thức trong lĩnh vực kinh tế tài chính, hiểu biết về hệ thống

chuẩn mực kế toán Việt Nam, Kế toán tài chính, Kế toán quản trị, Thuế, Kiểm toán, Phần mềm kế toán và Thị trường tài chính tiền tệ.

Cử nhân theo học chuyên ngành Kế toán sẽ đáp ứng được các yêu cầu về tiếng Anh tương đương bậc A2 hoặc Tiếng Nhật trình độ N5, có khả năng đọc hiểu và dịch được một số tài liệu tiếng Anh, tiếng Nhật chuyên ngành Kế toán. Người học đạt kỹ năng ứng dụng tin học căn bản và tin học chuyên ngành phục vụ cho các công việc hành chính văn phòng, khai thác sử dụng thành thạo các phần mềm kế toán, phần mềm khai báo thuế, lập, đọc và phân tích được báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thuế. Ngoài ra, CTĐT còn định hướng cho sinh viên phát triển các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, và kỹ năng lập luận- giải quyết vấn đề để có thể thích ứng nhanh và hiệu quả với các công việc có tính chất khác nhau trong sản xuất kinh doanh. CTĐT sẽ tạo dựng những nền tảng cho sự thành công và phát triển nghề nghiệp trong tương lai của người học, hướng đến khả năng tự nghiên cứu để người học sau khi tốt nghiệp có thể hành nghề một cách độc lập.

3.2. Chuẩn đầu ra

Sau khi học xong chương trình đào tạo ngành kế toán người đạt được:

3.2.1. Kiến thức.

Anh ngữ đạt trình độ A2 trở lên (hoặc các chứng nhận khác tương đương) hoặc N5 đối với Nhật ngữ.

Tin học đạt kỹ năng ứng dụng căn bản trở lên hoặc có chứng chỉ MOS 1 trong 2 kỹ năng (Word, Excel).

Có kiến thức về giáo dục thể chất để duy trì và rèn luyện sức khỏe; kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, an ninh quốc phòng; vận dụng kiến thức khoa học cơ bản vào lĩnh vực chuyên ngành.

Trình bày được những kiến thức cơ bản về kế toán, tài chính, kinh doanh

Vận dụng được phương pháp nhận diện đặc trưng doanh nghiệp để đề xuất cách thức mã hóa thông tin phù hợp

Trình bày được chức năng, vai trò, nhiệm vụ, yêu cầu và nguyên tắc kế toán trong doanh nghiệp

Giải thích được các chuẩn mực kế toán, chuẩn mực kiểm toán, luật kế toán, chế

độ và chính sách kế toán tài chính

Mô tả và nhận diện được các hình thức kế toán trong doanh nghiệp, liệt kê và trình bày được các mẫu biểu chứng từ và sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp

Trình bày được các yêu cầu, nội dung và phương pháp kiểm tra, đối chiếu số liệu kế toán

Trình bày được nội dung và phương pháp lập các báo cáo thuế, báo cáo tài chính

Giải thích được các phương pháp lập kế hoạch kinh doanh, kế hoạch doanh thu, đầu tư xây dựng cơ bản, tiền lương và tài chính

Trình bày được nội dung, yêu cầu và phương pháp lập các báo cáo phân tích sản xuất kinh doanh

3.2.2. Kỹ năng

Đọc được các văn bản chuyên ngành và giao tiếp được tiếng Anh/Nhật ở mức cơ bản

Sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng để soạn thảo văn bản, lập chứng từ kế toán; Sử dụng thành thạo công cụ mạng Internet, email trong tìm kiếm, gửi và nhận thông tin

Sử dụng thành thạo các thiết bị văn phòng như máy fax, in, scan và các thiết bị chuyên dùng để phục vụ công tác kế toán

Xử lý được các nghiệp vụ phát sinh, lập được chứng từ kế toán, ghi chép chứng từ vào hệ thống sổ sách kế toán đúng chế độ chuẩn mực kế toán Việt Nam

Soạn thảo được các văn bản hành chính và các loại hợp đồng

Kiểm tra được tính hợp lệ, chính xác của các chứng từ kế toán

Sử dụng thành thạo phần mềm hỗ trợ khai báo thuế (HTKK) của Tổng Cục thuế và phần mềm kế toán MISA, Excel trong công tác kế toán

Ghi nhận được chính xác các thông tin kế toán vào các loại sổ chi tiết, sổ tổng hợp theo đúng chuẩn mực kế toán

Kê khai và lập được báo cáo thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt

Tính toán được doanh thu, chi phí, lợi nhuận và lập được kế hoạch sản xuất kinh doanh

Lập, đọc và phân tích được các báo cáo thuế, báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị

Mã hóa được các thông tin trong doanh nghiệp bằng các phương pháp phân tích, thống kê

Phân tích được tình hình tài chính doanh nghiệp và đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh

3.2.3. Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm.

Có tinh thần chịu khó, trung thực, cẩn thận và quyết đoán trong công việc

Có ý chí cầu tiến, tự hoàn thiện bản thân, suy nghĩ độc lập có tinh thần hợp tác trong công việc và luôn cập nhật các chính sách, chế độ mới của Nhà nước có liên quan đến nghề

Có khả năng làm việc nhóm, xử lý tốt các tình huống với các bộ phận

Chịu trách nhiệm các công việc do mình đảm nhận với cấp trên

3.2.4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp.

Sau khi tốt nghiệp, người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu và vị trí công việc như:

Nhân viên kế toán doanh nghiệp: Kế toán vốn bằng tiền và thanh toán, kế toán tài sản, bất động sản đầu tư và đầu tư tài chính, kế toán bán hàng, kế toán tiền lương, kế toán doanh thu chi phí, thuế và kế toán tổng hợp

- + Nhân viên phòng ngân quỹ, thủ quỹ, thu ngân, nhân viên bán hàng, thư ký tài chính.
- + Kế toán viên đơn vị hành chính sự nghiệp, kế toán viên của các tổ chức tín dụng, ngân hàng, kho bạc.
- + Nhân viên kiểm toán nội bộ, thanh toán quốc tế, môi giới và kinh doanh chứng khoán.
- + Nhân viên tư vấn tài chính, giao dịch viên, chuyên viên lập dự án đầu tư và phân tích thống kê.

3.2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ.

Sau khi tốt nghiệp người học có khả năng tự học, tự cập nhật kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực kế toán tài chính hoặc liên thông đại học, thạc sỹ để nắm giữ các vị trí chủ chốt trong doanh nghiệp

như:

- + Kế toán tổng hợp
- + Kế toán trưởng
- + Trưởng, phó phòng kế toán tài chính.
- + Giám đốc tài chính kinh doanh.
- + Phụ trách nhóm lập và phân tích tài chính.
- + Học liên thông Đại học, văn bằng 2.
- + Giáo viên, trợ giảng tại các trường đào tạo có ngành liên quan kế toán, ngân hàng

3.3. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học: 38 môn
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 95 Tín chỉ (không tính môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất)
- Khối lượng các môn học chung: 26 tín chỉ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 69 tín chỉ
- Khối lượng lý thuyết: 782 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1718 giờ; Thi, kiểm tra 95 giờ.

PHẦN II

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CTĐT

1. Tổng quan chung

1.1. Căn cứ tự đánh giá

Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTĐ ngày 01 tháng 3 năm 2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm

định giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà SV đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL của Tổng cục GDNN ngày 25/3/2019 về việc Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

1.2. Mục đích tự đánh giá

Đánh giá, xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung đào tạo, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của đơn vị và các điều kiện học tập của học sinh, giảng dạy của giảng viên so với bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT trình độ trung cấp, cao đẳng;

Xác định mức độ đạt được của CTĐT ngành Kế toán thông qua việc đối chiếu, so sánh với các yêu cầu của bộ tiêu chí, tiêu chuẩn định chất lượng.

Phát hiện những điểm mạnh, điểm cần cải thiện trong thời gian tới, qua đó giúp cho Khoa hoàn thiện CTĐT ngành Kế toán.

1.3. Yêu cầu tự đánh giá

Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của CTĐT ngành Kế toán.

Có sự tham gia của tất cả các đơn vị trong toàn trường.

Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT trình độ trung cấp, cao đẳng hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.

Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.

Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nhà trường, được đăng tải lên website nhà trường, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

1.4. Phương pháp tự đánh giá

Nghiên cứu các tiêu chí, tiêu chuẩn trong bộ Tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm phục vụ quá trình tự đánh giá.

Thu thập thông tin, rà soát các hoạt động của Ngành Kế toán và tìm những chứng cứ để chứng minh nội hàm tiêu chuẩn được phân công.

Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến của cán bộ quản lý, viên chức, người lao động, người học và người sử dụng lao động.

Mô tả, làm rõ thực trạng của ngành Kế toán, phân tích, đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại từ đó đưa ra các biện pháp khắc phục, dự kiến kế hoạch hành động để cải tiến nâng cao chất lượng CTĐT.

1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá

Thực hiện tự đánh giá chất lượng theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành.

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng.
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng.
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng.
- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng và gửi cơ quan có thẩm quyền.

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Kế toán trình độ cao đẳng

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về CTĐT
	ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt/không đạt tiêu chuẩn kiểm định
	Tổng điểm	100	100
	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính	6	6
1	Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của CTĐT phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	Đạt
2	Tiêu chuẩn 1.2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách CTĐT và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện CTĐT; khoa/đơn vị phụ trách CTĐT hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến CTĐT.	2	Đạt
3	Tiêu chuẩn 1.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của CTĐT và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện CTĐT.	2	Đạt
	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo	14	14
4	Tiêu chuẩn 2.1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về CTĐT
	tuyển sinh đạt tối thiểu 90% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.		
5	Tiêu chuẩn 2.2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	Đạt
6	Tiêu chuẩn 2.3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung CTĐT, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	Đạt
7	Tiêu chuẩn 2.4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	Đạt
8	Tiêu chuẩn 2.5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	Đạt
9	Tiêu chuẩn 2.6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về CTĐT
10	Tiêu chuẩn 2.7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	Đạt
	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	16
11	Tiêu chuẩn 3.1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	Đạt
12	Tiêu chuẩn 3.2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	Đạt
13	Tiêu chuẩn 3.3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc CTĐT có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	Đạt
14	Tiêu chuẩn 3.4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	Đạt
15	Tiêu chuẩn 3.5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	Đạt
16	Tiêu chuẩn 3.6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	Đạt
17	Tiêu chuẩn 3.7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về CTĐT
18	Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	Đạt
	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	24	24
19	Tiêu chuẩn 4.1: CTĐT được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	Đạt
20	Tiêu chuẩn 4.2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định CTĐT.	2	Đạt
21	Tiêu chuẩn 4.3: CTĐT thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	Đạt
22	Tiêu chuẩn 4.4: CTĐT thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	Đạt
23	Tiêu chuẩn 4.5: CTĐT thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện CTĐT nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	Đạt
24	Tiêu chuẩn 4.6: CTĐT thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của CTĐT.	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về CTĐT
25	Tiêu chuẩn 4.7: CTĐT đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	Đạt
26	Tiêu chuẩn 4.8: CTĐT đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	Đạt
27	Tiêu chuẩn 4.9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của CTĐT.	2	Đạt
28	Tiêu chuẩn 4.10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	Đạt
29	Tiêu chuẩn 4.11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong CTĐT; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	Đạt
30	Tiêu chuẩn 4.12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	Đạt
	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	16
31	Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về CTĐT
	quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.		
32	Tiêu chuẩn 5.2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của CTĐT.	2	Đạt
33	Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	Đạt
34	Tiêu chuẩn 5.4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	Đạt
35	Tiêu chuẩn 5.5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	Đạt
36	Tiêu chuẩn 5.6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về CTĐT
	tạo.		
37	Tiêu chuẩn 5.7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	Đạt
38	Tiêu chuẩn 5.8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	Đạt
	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	8	8
39	Tiêu chuẩn 6.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về CTĐT; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	Đạt
40	Tiêu chuẩn 6.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	Đạt
41	Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về CTĐT
	nghiệp.		
42	Tiêu chuẩn 6.4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	Đạt
	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
43	Tiêu chuẩn 7.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	Đạt
44	Tiêu chuẩn 7.2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	Đạt
45	Tiêu chuẩn 7.3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	Đạt
46	Tiêu chuẩn 7.4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng	2	Đạt

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về CTĐT
	giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.		
47	Tiêu chuẩn 7.5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT theo quy định.	2	Đạt
48	Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng CTĐT trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	Đạt
49	Tiêu chuẩn 7.7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	Đạt
50	Tiêu chuẩn 7.8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	Đạt

2.2 Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

2.2.1. Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính

a) Mở đầu

Mục tiêu, CDR của CTĐT ngành Kế toán được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM đã công bố theo từng giai đoạn phát triển và xu thế hội nhập quốc tế. Các nội dung của CTĐT đáp ứng được yêu cầu của xã hội, đặc biệt là các nhà sử dụng lao động. Để đáp ứng được mục tiêu của CTĐT, nhà trường đã có các văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa Kế toán –

TCNH để thực hiện và hoàn thành. Ngoài ra, nhà trường có nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của CTĐT và có đủ nguồn lực hợp pháp để thực hiện CTĐT.

b) Những điểm mạnh

- Mục tiêu CTĐT ngành Kế toán rõ ràng, cụ thể bao quát được toàn bộ các kỹ năng từ cơ bản đến nâng cao giúp cho SV có được tay nghề vững sau khi ra trường, đáp ứng được nhu cầu người lao động có tay nghề cao.

CTĐT ngành Kế toán luôn có mục tiêu phù hợp mục tiêu của Nhà trường và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh đúng quy định. Theo từng năm Nhà trường có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho Khoa Kế toán – Tài chính ngân hàng và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện CTĐT; Khoa Kế toán – Tài chính ngân hàng luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao liên quan đến CTĐT.

Hàng năm, Khoa Kế toán – Tài chính ngân hàng tiến hành thực hiện tự đánh giá CTĐT theo kế hoạch được phân công và báo cáo kết quả thực hiện tự đánh giá cho nhà Trường, từ đó rà soát bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với nền công nghệ mới cũng như đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp.

CTĐT nghề Kế toán được Nhà trường đảm bảo kinh phí bằng nguồn thu hợp pháp để thực hiện đào tạo đảm bảo chất lượng, do Nhà trường hàng năm đã nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học.

c) Những tồn tại

Trong quá trình rà soát CTĐT, Khoa đã tham khảo nhiều CTĐT của các trường trong nước và quốc tế, tuy nhiên chưa tham khảo được nhiều. Mặt khác, Khoa Kế toán -TCNH còn chưa đa dạng các hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan nhằm điều chỉnh mục tiêu CTĐT ngành kế toán.

d) Kế hoạch nâng cao chất lượng

Trong những năm tới, khoa Kế toán – TCNH cùng với hội đồng khoa học và đào tạo của Nhà trường định kỳ tổ chức đánh giá, rà soát lại mục tiêu CTĐT theo hướng phù hợp và cập nhật với sứ mạng tầm nhìn và đáp ứng hơn nữa nhu cầu ngày càng cao

của xã hội, cập nhật CTĐT ngành kế toán quốc tế và các CTĐT tiên tiến, so sánh vận dụng các chuẩn mực kế toán, Luật kế toán và kiểm toán. Ngoài ra, để khắc phục mặt hạn chế trên khi điều chỉnh mục tiêu CTĐT ngành kế toán, Khoa sẽ mở rộng phạm vi các cuộc khảo sát nhằm đa dạng các hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan.

Bên cạnh đó, Khoa tiếp tục xây dựng các kế hoạch về công tác đầu tư mua sắm trang thiết bị để đáp ứng việc ứng dụng khoa học công nghệ đối với công tác giảng dạy. Đồng thời liên kết với các doanh nghiệp bằng các hợp đồng sử dụng thiết bị của doanh nghiệp trong việc đào tạo, không ngừng cải tiến quản lý, kiểm tra đánh giá về mọi mặt hoạt động của Khoa nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

e) Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	6
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2

Tiêu chuẩn 1.1: Mục tiêu của CTĐT phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chức năng, nhiệm vụ và mục tiêu của Trường thể hiện được vai trò của Trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành (**1.1.01 - QĐ số 52/QĐ-CDCT ngày 01/02/2018 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM**).

Mục tiêu CTĐT nghề Kế toán được xác định rõ ràng, cụ thể ngay trong lần ban hành năm 2017 sau khi cơ chế quản lý nhà nước được chuyển sang Bộ LĐTBXH:

- Chương trình cử nhân cao đẳng kế toán đào tạo nhân viên kế toán và khối ngành kinh tế có nền tảng kiến thức trong lĩnh vực kinh tế tài chính, hiểu biết về

hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Kế toán tài chính, Kế toán quản trị, Thuế, Kiểm toán, Phần mềm kế toán và Thị trường tài chính tiền tệ.

- Cử nhân theo học chuyên ngành Kế toán sẽ đáp ứng được các yêu cầu về tiếng Anh tương đương bậc A2 hoặc Tiếng Nhật trình độ N5, có khả năng đọc hiểu và dịch được một số tài liệu tiếng Anh, tiếng Nhật chuyên ngành Kế toán. Người học đạt kỹ năng ứng dụng tin học căn bản và tin học chuyên ngành phục vụ cho các công việc hành chính văn phòng, khai thác sử dụng thành thạo các phần mềm kế toán, phần mềm khai báo thuế, lập, đọc và phân tích được báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thuế.
- Mục tiêu của CTĐT ngành Kế toán: “Đào tạo cử nhân Kế toán có kiến thức đại cương cơ sở ngành, chuyên ngành để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kế toán, kinh tế, tài chính; có kỹ năng và trình độ để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn trong lĩnh vực kế toán, kinh tế, tài chính; có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; có khả năng thích ứng với công việc tại các cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán, kinh tế, tài chính; Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe; có khả năng tự học tự nghiên cứu, tự học suốt đời để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công việc
- Chương trình đào tạo ngành kế toán đến nay đã được rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật dựa trên cơ sở tham khảo ý kiến của các nhà tuyển dụng lao động, của người tốt nghiệp, doanh nghiệp, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tham khảo chương trình đào tạo của các trường có uy tín trong nước và quốc tế, tuy nhiên CTĐT quốc tế chưa nhiều.

CTĐT nghề Kế toán bao quát được toàn bộ các kỹ năng từ cơ bản đến nâng cao giúp cho HSSV có được kiến thức và kỹ năng vững sau khi ra trường, đáp ứng được nhu cầu người lao động (**1.1.02- QĐ số 185/QĐ-CDCT ngày 16/12/2017 ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kế toán**).

Mục tiêu chương trình được thể hiện rõ trong CTĐT và được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên website của Trường www.hitu.edu.vn (**1.1.03 – Địa chỉ website của Trường: www.hitu.edu.vn; 1.1.04 - Các ấn phẩm, tờ rơi, chứng nhận phát sóng, bài báo giới thiệu về Trường hàng năm**).

Căn cứ Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, Trường xây dựng và ban hành Chương trình đào tạo nghề Kế toán cho năm học từ 2019-2020 (**1.1.02- QĐ số 185/QĐ-CDCT ngày 16/12/2017 ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kế toán**) và đã được rà soát, bổ sung, hàng năm cho phù hợp với sự phát triển công nghệ mới cũng như đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp.

Cụ thể, năm 2019 Trường thành lập Tổ biên soạn lại chương trình (**1.1.05 - Quyết định số 152/QĐ-CDCT ngày 07/05/2019 thành lập Tổ biên soạn CTĐT cao đẳng nghề Kế toán**). Sau đó, Trường đã thành lập Hội đồng Thẩm định chương trình đúng quy định, có 2 chuyên gia từ các đơn vị sử dụng lao động (Ông Hồ Quang Dũng - Giám đốc công ty TNHH tư vấn thuế ACB và Ông Nguyễn Thanh Tùng - Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Thuế Tây Nam) và 01 chuyên viên trong Phòng GDNN – Sở LĐTBXH TP.HCM (Ông Đặng Minh Sự -Chuyên viên) có chức năng quản lý nhà nước (**1.1.06 - Quyết định số 309/QĐ-CDCT ngày 26/06/2019 thành lập Hội đồng Thẩm định CTĐT nghề Kế toán; 1.1.07 - Biên bản thẩm định CTĐT năm 2019**). Chương trình năm học 2019-2020 Trường đã có sự thay thế các môn học phù hợp hơn với giai đoạn mới áp dụng công nghệ thông tin trong nghề nghiệp so với chương trình năm học 2018-2019 (**1.1.08 - Quyết định số 352/QĐ-CDCT ngày 08/7/2019 ban hành cho năm học 2019-2020 có sự thay thế môn Kế toán sổ bằng môn Kế toán excel, môn Thực hành Khai báo thuế bằng môn Khai báo thuế, bổ sung môn Kỹ năng soạn thảo trên máy tính trong phân môn học tự chọn cho sinh viên...**).

Hàng năm, Trường đều có kế hoạch tổ chức lấy ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động, sinh viên và doanh nghiệp về CTĐT (**1.1.09 - Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học NH 2017-18, 2018-19, 2019-20; 1.1.10 - Phiếu khảo sát chất lượng giảng dạy của giảng viên; 1.1.11 - Đường link khảo sát ý kiến doanh nghiệp đối với SVTN ngành Kế toán về CTĐT năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20; 1.1.12 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến doanh nghiệp về CTĐT; 1.1.13 - Thông báo tuyển dụng của doanh nghiệp về ngành Kế toán**).

Thông qua kết quả khảo sát, đánh giá dự báo nhu cầu của thị trường lao động của 17 doanh nghiệp về mục tiêu đào tạo cho thấy, thị trường lao động yêu cầu đối với sinh viên ngành Kế toán của Trường phải có kiến thức nền tảng về kinh tế và kiến thức

chuyên sâu về lĩnh vực kế toán, có thái độ làm việc tích cực, có năng lực ngoại ngữ, có kỹ năng tổ chức, kỹ năng thuyết trình, trình bày ý tưởng,... thích ứng với môi trường hội nhập. (**1.1.11 - Đường link khảo sát ý kiến doanh nghiệp đối với SVTN ngành Kế toán về CTĐT năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20, 1.1.12 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến doanh nghiệp về chương trình đào tạo NH 2017-18, 2018-19, 2019-20**)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.1, tiêu chí 1: Đạt

Tiêu chuẩn 1.2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách CTĐT và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện CTĐT; khoa/đơn vị phụ trách CTĐT hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến CTĐT.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có đầy đủ các văn bản quy định về việc giao nhiệm vụ cụ thể hàng năm cho Khoa Kế toán – TCNH và các đơn vị phối hợp với Khoa Kế toán – TCNH để thực hiện CTĐT nghề Kế toán (**1.2.01 - Kế hoạch công tác năm khoa Kế toán năm 2018,2019,2020**).

Trong kế hoạch công tác của Khoa có thể hiện rõ về đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch của năm cũ và đưa ra kế hoạch công tác cho năm học mới. Trong đó, có chi tiết rõ ràng đặc biệt về công tác đào tạo có những kế hoạch về:

- Tổ chức điều chỉnh 02 chương trình đào tạo hệ Cao đẳng đúng tiến độ của Nhà trường;
- Điều chỉnh và biên soạn mới các chương trình môn học do Khoa quản lý;
- Lập kế hoạch biên soạn giáo trình cho 3 môn học;

Hàng năm, Khoa Kế toán – Tài chính ngân hàng tiến hành báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ đào tạo theo CTĐT đã ban hành và các chỉ tiêu kế hoạch được phân công, trong đó Khoa tự đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ từ 90% trở lên (**1.2.02 - Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của Khoa Kế toán – Tài chính ngân hàng năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020**).

Trong báo cáo tổng kết hàng năm của Trường từ năm học 2019-2020 đến nay đều đánh giá Khoa Kế toán – Tài chính ngân hàng luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao (**1.2.03 - Báo cáo tổng kết hàng năm của Trường năm học 2016-2017, 2017-2018, 2018-2019**). Cụ thể các năm qua Khoa đều được Hội đồng Thi đua Khen thưởng của Trường quyết định khen thưởng đạt danh hiệu Tập thể Lao động Tiên tiến các năm

học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020 (**1.2.04 – QĐ công nhận danh hiệu thi đua của tập thể khoa KT-TCNH 2017-18, 2018-19, 2019-20**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.2, tiêu chí 1: Đạt

Tiêu chuẩn 1.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của CTĐT và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện CTĐT.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Từ trước năm 2020, Khoa Kế toán – Tài chính ngân hàng đã có nghiên cứu từ thực tế để đề xuất định mức kinh tế kỹ thuật nghề Kế toán (cho một lớp lý thuyết 35 sinh viên, lớp thực hành 18 sinh viên) trình hiệu trưởng phê duyệt. Từ năm 2019, Trường căn cứ vào Thông tư 16/2020/TT-BLDTBXH quy định về định mức kinh tế kỹ thuật để ban hành định mức kinh tế kỹ thuật cho nghề Kế toán tại Trường (**1.3.01 - Định mức kinh tế kỹ thuật nghề Kế toán năm 2018, 2019, 2020**); từ đó Trường xây dựng và ban hành định mức chi tối thiểu cho một người học (**1.3.02 - Định mức chi tối thiểu cho một sinh viên năm 2018, 2019, 2020**).

Để đảm bảo chất lượng đào tạo, Trường đã chi kinh phí đúng và đủ theo định mức của nghề Kế toán bằng nguồn thu hợp pháp của Trường và từ các nguồn thu học phí của nghề Kế toán (**1.3.03 – Bảng tổng hợp thu chi ngành kế toán 2018, 2019, 2020**).

Nguồn tài chính hàng năm tại Trường đều được sử dụng đúng mục đích, rõ ràng, công khai và được cơ quan chủ quản (Bộ Công Thương) thẩm tra phê duyệt theo từng năm. Trường có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện các CTĐT trong đó có nghề Kế toán (**1.3.04 - Báo cáo tài chính năm 2018, 2019, 2020; 1.3.05 - Biên bản xét duyệt quyết toán và thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách các năm 2018, 2019, 2020**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.3, tiêu chí 1: Đạt

2.2.2. Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

a) Mở đầu

Để đảm bảo chất lượng trong quá trình dạy và học, kế hoạch đào tạo ngành Kế toán được xây dựng và thực hiện nghiêm túc, khoa học, phù hợp với các yêu cầu của thực tế tại doanh nghiệp. Nhà trường đã có chủ trương và thực hiện đổi mới phương

pháp dạy học, phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo, hình thức học tập và đặc thù của các môn học ngành Kế toán.

Công tác dạy và học ngành Kế toán được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, việc tuyển sinh đúng thủ tục, đúng quy chế, đa dạng hoá hình thức tổ chức, chương trình đào tạo theo yêu cầu đào tạo gắn với việc làm, theo nhu cầu của người học và xã hội.

b) Những điểm mạnh

Trong công tác đào tạo ngành Kế toán, nhà trường đã chú trọng thực hiện đa dạng hóa các hình thức tổ chức đào tạo, với hình thức dạy học dài hạn tập trung, ngắn hạn, đào tạo theo địa chỉ, thiết lập mối liên hệ chặt chẽ với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đáp ứng yêu cầu của người học, người sử dụng lao động.

Hàng năm, nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định, kết quả tuyển sinh ngành Kế toán luôn đạt và vượt chỉ tiêu theo kế hoạch. Kết quả tuyển sinh ngành Kế toán trình độ cao đẳng của Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng năm 2018 là 392 SV, năm 2019 là 386 SV, năm 2020 là 423 SV.

Các giảng viên trong khoa đều thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trau dồi kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Trong công tác đào tạo ngành Kế toán, nhà trường đã thiết lập được mối liên hệ chặt chẽ với các doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho SV trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành đào tạo.

c) Những tồn tại

Trường cũng như khoa luôn đối diện với các thách thức trong tuyển sinh sao đẳng nghề do tâm lý người học vẫn thích lựa chọn đào tạo đại học.

Việc ứng dụng ngoại ngữ như tiếng Anh trong giảng dạy các môn chuyên ngành vẫn còn nhiều hạn chế.

d) Kế hoạch nâng cao chất lượng

- Thường xuyên nâng cao chất lượng chuyên môn cho đội ngũ giảng viên thông qua các buổi dự giờ, đánh giá chất lượng giảng dạy, tổ chức rút kinh nghiệm và đưa ra các kiến nghị nhằm cải thiện phương pháp giảng dạy, giúp người học tăng tính tích cực, năng động trong học tập và làm việc sau này. Ngoài ra, Khoa còn tổ chức các buổi hội thảo về chuyên môn, về đổi mới phương pháp giảng dạy cho giảng viên nhằm trau dồi, cập nhật các thông tin về chuyên môn giảng dạy và nâng cao các kỹ năng sử dụng các công cụ giảng dạy hiện đại.

- Mở rộng hơn quan hệ giao lưu với các trường bạn và hợp tác quốc tế nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ, giáo viên nhà trường nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

- Thực hiện tốt việc gắn kết đào tạo giữa doanh nghiệp và Nhà trường để đảm bảo thời lượng đào tạo tại doanh nghiệp theo yêu cầu của chương trình đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	14
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2

Tiêu chuẩn 2.1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2018 Trường có ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động, sửa đổi ban hành lại năm 2019; trong đó thực hiện công tác tuyển sinh có giao nhiệm vụ cho phòng Quản lý Đào tạo. Từ năm 2019 đến năm 2019 Trường có ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng chính quy, được điều chỉnh bổ sung cho phù hợp quy định tại Thông tư số 05/2017/TT – BLĐT BXH ngày 02/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng và Thông tư số 07/2019/TT- BLĐT BXH ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2017/TT-BLĐT BXH ngày 02 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng bao gồm 4 chương, 24 điều trong đó quy định cụ thể về thời gian, đối tượng và hình thức tuyển sinh tại điều 2; khối xét tuyển và đối tượng ưu tiên tại điều 3; thủ tục và hồ sơ đăng ký xét tuyển tại điều 4; các tiêu chí và nguyên tắc xác định chỉ tiêu tuyển sinh được quy định tại chương 3 điều 22, 23 (**1.1.01 - Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM ngày 01/02/2018**

của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM ngày 07/01/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM; 2.1.01 - Quyết định số 506/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng chính quy 2019 Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM ngày 08/09/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM; Quyết định số 70/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng chính quy 2020 Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM ngày 27/02/2020 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM; Quyết định số 265/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng chính quy 2019 Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM ngày 27/02/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM).

Căn cứ vào Quy chế tuyển sinh hàng năm, căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNH (**2.1.02 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNH số 195/2017/GCNDKHH-TCGDNN ngày 28/06/2017 của Tổng cục Dạy nghề**), Trường có xây dựng Đề án tuyển sinh cao đẳng hệ chính quy từng năm 2018, 2019, 2020 (**2.1.03 – Đề án tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020**), trong đó có xác định rõ phương án, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu cụ thể từng ngành, nghề; Trong Khoa có 2 ngành, chỉ tiêu tuyển sinh của ngành Kế toán trình độ cao đẳng mỗi năm 2018, 2019, 2020 đều là 390, còn ngành TCNH mỗi năm 2018, 2019, 2020 đều là 230.

Căn cứ Đề án tuyển sinh từng năm, phòng Quản lý Đào tạo xây dựng, trình duyệt các kế hoạch tuyển sinh, thông báo tuyển sinh; thành lập Hội đồng tuyển sinh (HĐTS), Ban thư ký HĐTS, Ban tư vấn tuyển sinh, Ban truyền thông tuyển sinh và triển khai thực hiện (**2.1.04 - Thông báo tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020; 2.1.05 - Kế hoạch tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020; 2.1.06 - Các quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020; 2.1.07 - Các quyết định thành lập Ban thư ký hội đồng tuyển sinh, Ban tư vấn tuyển sinh, Ban truyền thông tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020**).

Để đạt chỉ tiêu tuyển sinh, Trường có kế hoạch tư vấn tuyển sinh tại các trường THPT trong TP.HCM và các Tỉnh, Thành từ khu vực miền Trung trở vào; do đó sinh viên học CTĐT ngành Kế toán đa số là người địa phương khác.

Hàng năm, Hội đồng tuyển sinh họp xét tuyển đối với các hồ sơ đăng ký dự tuyển đúng quy định (trước mỗi đợt tuyển sinh 15 ngày), theo đề nghị của Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh, Hiệu trưởng ban hành các quyết định công bố điểm chuẩn các ngành và công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển cao đẳng chính quy và biên chế số lớp cụ thể. Căn cứ vào quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển, Trường sẽ gửi giấy báo nhập học cho từng sinh viên. Căn cứ vào biên chế các lớp của từng khoa chuyên ngành, Trường lên kế hoạch và triển khai đến từng khoa tiến hành tổ chức đón sinh viên nhập học từng năm (**2.1.08 - Biên bản họp xét tuyển của Hội đồng tuyển sinh 2018, 2019, 2020; 2.1.09 - Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển năm 2018,**

2019, 2020; **2.1.10** - *Quyết định biên chế các lớp và quyết định thí sinh đã trúng tuyển năm 2018, 2019, 2020*).

Kết quả sinh viên trúng tuyển nhập học nghề Kế toán trình độ cao đẳng:

TT	Tên nghề đào tạo	2018			2019			2020		
		Chỉ tiêu	Trúng tuyển nhập học	Đạt tỷ lệ	Chỉ tiêu	Trúng tuyển nhập học	Đạt tỷ lệ	Chỉ tiêu	Trúng tuyển nhập học	Đạt tỷ lệ
1	Kế toán	390	392	100%	390	386	99%	390	423	108,5%

Căn cứ Đề án tuyển sinh 3 năm 2018, 2019, 2020 chỉ tiêu tuyển sinh nghề Kế toán đều là 390 cho thấy: số lượng sinh viên CTĐT ngành Kế toán trúng tuyển nhập học hàng năm đều đạt trên 80% chỉ tiêu.

Kết quả tuyển sinh hàng năm: Trường có báo cáo gửi Bộ Công Thương, Sở LĐTB&XH TP.HCM theo quy định (**2.1.11** - *Báo cáo công tác tuyển sinh, tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020*); có công khai trên website Trường <https://hitu.edu.vn/906-TRACUUTHONGTINDANGKY>, phụ huynh và SV đăng nhập đúng thông tin SV thì tra cứu được kết quả; (**2.1.12** - *Ảnh chụp tra cứu kết quả tuyển sinh*).

Hồ sơ SV nhập học đúng theo Quy chế tuyển sinh hàng năm; hồ sơ SV nhập học có lưu trữ đủ tại phòng CTHS-SV (**2.1.13** - *Hồ sơ thí sinh trúng tuyển nhập học CTĐT ngành Kế toán năm 2018, 2019, 2020*).

Hàng năm, trong báo cáo tổng kết năm học, Trường có đánh giá kết quả thực hiện công tác tuyển sinh; có thành lập Ban chỉ đạo Tổ kiểm tra, giám sát nội bộ để kiểm tra, giám sát các hoạt động, trong đó có công tác tuyển sinh. Tổ kiểm tra, giám sát nội bộ có kết luận cụ thể như: có ban hành Quy chế tuyển sinh năm học, xây dựng Đề án tuyển sinh xác định chỉ tiêu tuyển sinh ngành/ngành cụ thể, xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển sinh, thực hiện đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh (**1.2.03** - *Báo cáo tổng kết hàng năm của Trường NH 2018-2019, 2019-2020*; **2.1.14** - *Kết quả kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định của pháp luật trong việc quản lý, điều hành công tác tuyển sinh, quản lý đào tạo*).

Hàng năm, Nhà Trường thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định dựa trên các phương án tuyển sinh với các tiêu chí cụ thể được công khai trên website trường và thông tin rộng rãi trên cả nước với các phương tiện truyền thông. Để xây dựng phương án tuyển sinh, trường có tiến hành khảo sát người học năm học 2019-2020: 642 sinh viên, năm học 2019-2020: 657 sinh viên, năm học 2019-2020: 592 sinh viên. Kết quả khảo sát qua các năm học về mức độ hài lòng của người học về công tác tuyển sinh thông qua các năm cho thấy các hoạt động hỗ trợ SV của Trường Cao đẳng Công Thương Tp. HCM đạt tỷ lệ “đồng ý” và “Hoàn toàn đồng ý” tương đối cao trên 69,0%. (**2.1.15** - *Đường link*

[cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/](#) *mẫu nội dung khảo sát lấy ý kiến người học về các hoạt động bảo đảm chất lượng đào tạo các năm học có nội dung về tuyển sinh NH 2017-18; <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/> NH 2018-19, <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-4/> NH 2019-20; 2.1.16 - Báo cáo kết quả khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học (trong đó có tuyển sinh) NH 2017-18, 2018-19, 2019-20; 2.1.17 - Danh sách SV được khảo sát ý kiến về công tác tuyển sinh 3 năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.1.18 - Sổ hợp khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng đóng góp ý kiến về tổ chức tuyển sinh 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).*

Tiêu chuẩn 2.2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, Trường có xây dựng và ban hành quy định tổ chức đào tạo các trình độ theo phương thức tích lũy tín chỉ (**2.2.01 - Quyết định số 508/QĐ-CDCT ngày 05/09/2019 ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM**).

Trường có ban hành Quyết định chương trình đào tạo nghề **Kế toán** trình độ cao đẳng (**1.1.08 - Quyết định số 352/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kế toán NH 2017-18, 2018-19, 2019-20**), trong đó có khối lượng các môn học chung/đại cương: 26 tín chỉ; khối lượng các môn học/mô-đun chuyên môn: 56 tín chỉ; khối lượng tiết mang tính chất lý thuyết: 687 tiết, chiếm tỷ lệ 40%; mang tính chất thực hành, thực tập thí nghiệm: 992 tiết, chiếm tỷ lệ 60%. Chương trình đào tạo trên được triển khai thống nhất cho cả 3 năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20.

Căn cứ vào CTĐT nghề **Kế toán**, phòng Quản lý Đào tạo có phối hợp với khoa **Kế toán – Tài chính Ngân hàng** thực hiện lập kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, tiến độ đào tạo và trình duyệt Hiệu trưởng cho từng khóa học, từng học kỳ. Chương trình đào tạo mỗi năm tổ chức 2 học kỳ chính và 1 học kỳ (HK) phụ; kế hoạch giảng dạy HK có quy định số lượng tín chỉ SV cần tích lũy; bố trí từng mô-đun/môn học, giờ học lý thuyết, thực hành, thực tập phù hợp với phương thức tích lũy tín chỉ. (số lượng SV đang học gồm tuyển mới và các năm cũ chuyển qua) (**2.1.10 - Quyết định biên chế các lớp và Quyết định thí sinh đã trúng tuyển năm 2018, 2019, 2020; 2.2.02 - Danh sách**

SV các lớp nghề Kế toán năm học, 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.2.03 - Kế hoạch học tập và giảng dạy hàng năm của Trường NH, 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.2.04 - Tiến độ đào tạo 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.2.05 - Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học của giảng viên khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).

Hàng năm, khi có kế hoạch đào tạo (KHĐT), thời khóa biểu học kỳ, giảng viên lập kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án, lên lớp thực hiện sổ tay GV (*2.2.06 - Kế hoạch giảng dạy của giảng viên NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.2.07 - Giáo án giảng dạy của giảng viên NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.2.08 - Sổ lên lớp của giảng viên NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.2.09 - Sổ tay của giảng viên NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).*

Công tác tổ chức thi kết thúc môn học/mô-đun học kỳ khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng có thực hiện đúng theo quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp của Trường (*2.2.11- Các quyết định thi kết thúc khóa học, thi tốt nghiệp ngành Kế toán – Tài chính Ngân hàng NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.2.10 - Bảng ghi điểm môn học/học phần của Sinh viên NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).*

Hàng năm trường có thành lập Ban chỉ đạo Tổ kiểm tra, giám sát nội bộ có kết luận cụ thể về công tác quản lý đào tạo, Trường có thực hiện theo quy định; tổ chức công tác thi, kiểm tra nghiêm túc (*2.1.14 - Báo cáo kết luận kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định của pháp luật trong việc quản lý, điều hành công tác tuyển sinh, quản lý đào tạo năm 2018, 2019, 2020).*

Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (Trung tâm KT&ĐBCL) có thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học; sau từng đợt kiểm tra có đánh giá mặt mạnh, mặt hạn chế như giờ lên lớp khi thực hiện thời khóa biểu của GV; có đề nghị GV phải khắc phục sai sót, thực hiện nghiêm túc hơn, đồng thời có kiến nghị Ban thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng xem xét và đánh giá kết quả các trường hợp GV có sai phạm (*2.2.12 - Tập biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.2.13 - Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).*

Ngoài ra, Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng có thực hiện kiểm tra đột xuất, định kỳ và dự giờ giảng của giảng viên để giám sát GV thực hiện thời khóa biểu. Công tác tổ chức đào tạo CTĐT ngành Kế toán của khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng có đúng theo quy định thể hiện trong báo cáo tổng kết hàng năm của các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện CTĐT ngành Kế toán (*2.2.14 - Kế hoạch dự giờ, Phiếu dự giờ năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.2.15 - Báo cáo kết quả dự giờ, đánh giá giảng viên NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.2.16 - Báo cáo tổng kết hàng năm: khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng, phòng QLĐT, Trung tâm KT&ĐBCL, phòng CTHS-SV).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.2, tiêu chí 2: Đạt

Tiêu chuẩn 2.3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo năm học 2019-2020 có điều chỉnh so với CTĐT ban hành năm 2017 (**1.1.02** - *Quyết định số 910/QĐ-CDCT ngày 16/12/2017 ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kế toán của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TP HCM*; **1.1.08** - *Quyết định số 352/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kế toán của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TP HCM*; **2.3.01**- *Đề cương chi tiết 3 mô đun kỹ năng mềm*). Trường có bổ sung mô đun kỹ năng mềm gồm có Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân, Kỹ năng trả lời phỏng vấn khi dự tuyển dụng việc làm, Kỹ năng giao tiếp nơi làm việc, Kỹ năng thuyết trình; các kỹ năng mềm này được sắp xếp lại thành 3 mô đun để sinh viên tự chọn khi học; chứng tỏ ngoài việc trang bị cho SV không chỉ đủ kiến thức chuyên môn mà Trường còn tạo hành trang cho người học có thể tự tin, làm chủ bản thân, độc lập trong tư duy, tổ chức làm việc khi ra trường. Hàng năm, khoa Kế toán tổ chức định kỳ và dự giờ giảng của giảng viên dạy CTĐT nghề Kế toán để giám sát, đánh giá sự phù hợp của nội dung bài giảng, phương pháp giảng dạy và khả năng tiếp thu người học (**2.2.14** – *Kế hoạch dự giờ, Phiếu dự giờ năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020*; **2.2.15** - *Báo cáo kết quả dự giờ, đánh giá giảng viên NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020*; **2.3.02** - *Báo cáo tổng kết phòng QLĐT, khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020*; **2.2.07** - *Giáo án giảng dạy của giảng viên NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020*).

Hiện nay, các giảng viên của Khoa đang áp dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy tích cực, thảo luận nhóm, lấy người học làm trung tâm, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn giúp sinh viên phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Để đánh giá việc triển khai các phương pháp dạy học tích cực, Trường có tiến hành làm các khảo sát từ người học về việc sử dụng các giáo trình phục vụ cho các phương pháp dạy học tích cực ở các năm 2018-2019, 2019-2020 và 2019-2020 lần lượt có tỷ lệ đồng ý ở mức đạt yêu cầu là 96%, 98% và 98% (**1.1.09** - *Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020*; **2.1.15** - Đường link <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/> khảo sát ý kiến SV về các hoạt động bảo đảm chất lượng đào tạo các năm học có nội dung về tuyển sinh NH 2017-2018, <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>

2019-2020, <https://khaothi.hit.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-4/> 2019-2020; **2.1.16** – Báo cáo kết quả khảo sát người học về các phương pháp đào tạo năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).

Năm 2020, Trường xây dựng và bàn giao cho Khoa đưa vào sử dụng trung tâm mô phỏng với đầy đủ các trang thiết bị hiện đại, giả lập mô hình thực tế tại doanh nghiệp. Sinh viên được học tập, thực hành với các thiết bị máy tính hiện đại, thiết bị kết nối không dây, các thiết bị in ấn, máy đếm tiền như trong phòng làm việc chuyên môn tại các doanh nghiệp. Việc này giúp trang bị thêm cho sinh viên sớm tiếp cận với môi trường làm việc thực tế, chuyên nghiệp ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, từ đó khi tốt nghiệp các em sẽ sớm tự tin hơn khi tham gia vào lực lượng lao động chuyên môn tại các công ty.

Trường có phần mềm quản lý đào tạo Edusoft do công ty Anh Quân thiết kế và cung cấp; phần mềm được sử dụng có hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý thời khóa biểu dạy và học; giảng viên, SV có tài khoản vào truy cập và tra cứu được các thông tin về: tuyển sinh; thời khóa biểu; lịch thi, kiểm tra; tra cứu điểm hết môn, học phần; điểm đánh giá rèn luyện; kết quả công nhận tốt nghiệp (**2.3.03- Hợp đồng gói thầu: phần mềm quản lý đào tạo của Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM với Công ty TNHH Công nghệ Anh Quân; 2.3.04- Các ảnh chụp: website kết nối phần mềm Edusoft; truy cập và tra cứu được các thông tin về: tuyển sinh; thời khóa biểu; lịch thi, kiểm tra; tra cứu điểm hết môn, học phần; điểm đánh giá rèn luyện; kết quả công nhận tốt nghiệp**).

Trong chương trình đào tạo năm học 2019 – 2020 có bổ sung thêm các môn học thực hành trên máy tính để nâng cao kỹ năng sử dụng các phần mềm văn phòng, vốn là yêu cầu cấp thiết với nhân lực trong ngành kế toán. Cụ thể, sinh viên được bổ sung thêm môn Kỹ năng soạn thảo trên máy tính, giúp sinh viên trang bị những kiến thức, kỹ năng về soạn thảo, trình bày các văn bản chuyên nghiệp, đúng quy định, môn Kế toán excel trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng tổ chức, xử lý dữ liệu kế toán trên phần mềm kế toán excel, phù hợp cho các vị trí công việc tại các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ phổ biến tại Việt Nam (**2.3.05- Bảng danh mục các mô đun/môn học của CTĐT ngành Kế toán có ứng dụng CNTT**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.3, tiêu chí 2: Đạt

Tiêu chuẩn 2.4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Trường liên kết với các doanh nghiệp trên địa bàn TP.HCM và các tỉnh lân cận để đưa sinh viên đi thực tập, thực tế sản xuất tại DN; khoa phối hợp và liên kết chặt chẽ với các công ty, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất để tổ chức cho SV đi thực tập tốt nghiệp vào học kỳ cuối trong thời gian 2 tháng; đề cương thực tập tốt nghiệp (TTTN) của SV Trường khoa duyệt, phân công giảng viên hướng dẫn; kết thúc TTTN sinh viên có thực hiện báo cáo TTTN (quyển báo cáo), giảng viên hướng dẫn đánh giá điểm quá trình; có nhận xét và xác nhận của đơn vị thực tập. Điểm thi TTTN là điểm tổng kết suốt quá trình viết báo cáo thực tập, thể hiện qua các tiêu chí như hình thức trình bày, thời hạn thực hiện, thái độ làm việc, minh chứng qua chứng từ thu thập và nội dung bài báo cáo; thông tin SV đi thực tập, kết quả thực tập TN của sinh viên được lưu đầy đủ tại văn phòng khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng. Kế hoạch và triển khai thực hiện thực tập được tiến hành đúng theo thời gian trên thời khóa biểu công khai toàn trường tại website. Cụ thể năm 2017-2018, Trường cử 123 sinh viên khóa 2017 cùng 6 giảng viên đi thực tập tại 5 DN; năm 2018-2019, Trường cử 296 sinh viên khóa 2018 cùng 14 giảng viên thực tập tại 5 DN; năm 2019-2020, Trường cử 307 sinh viên khóa 2019 cùng 19 giảng viên thực tập tại 5 DN (**2.4.01 – Kế hoạch cho HSSV đi thực tập tại các đơn vị năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.4.02 - Biên bản ghi nhớ hợp tác với doanh nghiệp về việc cho SV thực hành, thực tập tại các doanh nghiệp năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.4.03 - Các Quyết định về việc cử sinh viên đi thực hành, thực tập tại doanh nghiệp năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.4.04 - Danh sách giảng viên hướng dẫn thực tập tốt nghiệp năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.4.05 - Đề cương thực hành, thực tập tại doanh nghiệp năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.4.06 - Báo cáo kết quả thực tập của sinh viên, báo cáo của giảng viên về việc thực tập của nhóm SV tại đơn vị năm 2018, 2019, 2020; 2.4.07 - Danh sách sinh viên ngành Kế toán đã tốt nghiệp trong các năm 2018, 2019, 2020; 2.4.08 - Bảng tổng hợp kết quả thực tập, kết quả tốt nghiệp của HSSV năm 2018, 2019, 2020- bảng tổng hợp có đầy đủ thông tin: nghề, lớp, tên SV, ngày sinh, điểm, xếp loại).**

Trong 3 năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, có 337 sinh viên nghề Kế toán tốt nghiệp đều có đi thực tập tại doanh nghiệp trước khi tốt nghiệp, đạt tỉ lệ 100% (**2.4.09 - Các Quyết định thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp và các Quyết định công nhận tốt nghiệp năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.4, tiêu chí 2: Đạt

Tiêu chuẩn 2.5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Với phương thức đào tạo theo tín chỉ, phương pháp, quy trình đánh giá trong thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp và cấp phát bằng tốt nghiệp được thực hiện theo quy chế thi, kiểm tra, cấp bằng tốt nghiệp do nhà trường xây dựng dựa trên Thông tư số 09/2017/TT-BLDTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ LĐTBXH về việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ. Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp theo Thông tư 10/2017/TT-BLDTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ LĐTBXH về quy định mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát thu hồi, huỷ bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng.

Trường ban hành Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập (**2.2.01 - Quyết định số 508/QĐ-CDCT ngày 05/9/2019 ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM**); để thực hiện quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, Trường quy định có chất lượng hơn, phòng QLĐT nghiên cứu xây dựng và trình duyệt Hiệu trưởng ban hành Quy trình tổ chức thi kết thúc môn học (**2.5.01 - Quyết định số 705/QĐ-CDCT ngày 10/11/2019 ban hành Quy trình tổ chức thi kết thúc môn học Trường Cao đẳng Công Thương TPHCM**). Nội dung Quy trình tổ chức thi kết thúc môn học có xác định rõ mục đích: thống nhất quy định thời gian, hồ sơ cần thiết cho việc tổ chức kỳ thi kết thúc môn học. Quy trình có lượt đồ xác định trách nhiệm cụ thể các đơn vị: phòng QLĐT, Trung tâm KT&ĐBCL, các khoa theo quy định trình tự: Lập các quyết định của kỳ thi; Công tác chuẩn bị; Xếp lịch thi; Điều chỉnh lịch thi; Thông báo lịch thi chính thức; Thành lập Ban coi thi, Ban chấm thi; Thông báo lịch coi thi, Chuẩn bị hồ sơ phòng thi; Đề thi; Coi thi; Chấm thi, công bố kết quả.

Phòng QLĐT xây dựng Kế hoạch tổ chức thi, kiểm tra kết thúc môn; thành lập Hội đồng thi kết thúc môn, Ban coi thi, Ban chấm thi và trình duyệt Hiệu trưởng ban hành Kế hoạch thi, các quyết định thành lập (**2.5.02 - Kế hoạch tổ chức thi, kiểm tra kết thúc môn năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.5.03 - Quyết định thành lập Hội đồng thi kết thúc môn năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.5.04 - Quyết định thành lập Ban coi thi, Ban chấm thi kết thúc môn năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020**).

Hợp Hội đồng thi xét sinh viên đủ điều kiện dự thi và sinh viên không đủ điều kiện dự thi kết thúc môn, có giám sát kiểm tra của Trung tâm KT&ĐBCL (**2.5.05 - Biên bản họp xét điều kiện dự thi kết thúc môn học, mô đun, danh sách SV đủ điều kiện dự thi và SV không đủ điều kiện dự thi kết thúc môn năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.5.06 - Biên bản họp kết luận thanh kiểm tra, giám sát công tác tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ hàng năm**).

Đề thi kết thúc môn: Trường đang thực hiện xây dựng ngân hàng đề thi các môn các ngành, nghề; căn cứ quy định của chương trình chi tiết môn học, mô đun (các môn lý thuyết thi tự luận, trắc nghiệm), giảng viên bộ môn khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng biên soạn hai đề thi thông qua khoa, phòng QLĐT, Trung tâm KT&ĐBCL trình duyệt Ban giám hiệu: đề thi chính thức và đề thi dự bị *(2.5.07 - Đề thi kết thúc môn năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020)*.

Tổ chức coi thi, chấm thi kết thúc môn các đơn vị có thực hiện đúng theo quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; môn thi tự luận theo hai hình thức thi viết và thi trắc nghiệm; có phân công hai giảng viên coi thi, chấm thi *(2.5.08 - Danh sách người học dự thi có chữ ký của người học và cán bộ coi thi năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020)*; bài thi trắc nghiệm được lưu trữ trên máy tính; bài thi tự luận khi chấm có cắt phách, Trung tâm KT&ĐBCL có lưu trữ đầy đủ *(2.5.09 - Bài thi lưu kết thúc môn (bản cứng, bản mềm) năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.5.10 - Phiếu chấm bài thi lưu kết thúc môn năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020)*. Riêng các mô đun thực hành trong CTĐT chi tiết có quy định: đánh giá điểm thực hành mô đun là điểm trung bình cộng điểm giảng viên đánh giá trong quá trình SV học thực hành. Điểm các môn học, mô đun có công khai trên website Trường, sinh viên tra cứu được kết quả bằng tài khoản cá nhân *(2.5.11 - Bảng điểm SV các môn trong HK năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.5.12 - Ảnh tra cứu điểm trên website Trường)*.

Công tác xét công nhận tốt nghiệp: hàng năm, Trường tổ chức xét công nhận tốt nghiệp từ 1 đến 2 đợt cho sinh viên đã tích lũy đủ tín chỉ các môn học, mô đun theo quy định của chương trình đào tạo Kế toán; kết quả công nhận tốt nghiệp, không công nhận kết quả tốt nghiệp có công khai cho SV biết *(2.4.09 - Các quyết định thành lập Hội đồng thi và xét tốt nghiệp năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.5.13 - Bảng tổng hợp Danh sách SV các khóa xét điều kiện công nhận TN, công nhận kết quả học tập năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.5.14 - Các biên bản họp Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp, công nhận kết quả học tập năm học năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; Bảng thống kê về kết quả tốt nghiệp các khóa năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.5.15 - Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020; 2.5.16 - Ảnh tra cứu kết quả công nhận tốt nghiệp trên website Trường)*.

Hàng năm, khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng, phòng QLĐT có báo cáo tổng kết nhận xét đánh giá về công tác khảo thí *(2.3.02 - Báo cáo tổng kết phòng QLĐT, khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020)*. Cán bộ quản lý, giảng viên, cố vấn học tập có đóng góp Trường về công tác tổ chức khảo thí trong các buổi họp của khoa *(2.5.17 - Ý kiến của CBQL, GV, cố vấn học tập khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng về công tác tổ chức thi kết thúc môn, HK; xét*

công nhận tốt nghiệp, công nhận kết quả học tập, đánh giá rèn luyện SV năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020). Trung tâm KT&ĐBCL có kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện công tác khảo thí, xét và công nhận tốt nghiệp **(2.5.06 - Biên bản họp kết luận thanh kiểm tra, giám sát công tác tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ hàng năm).** Hàng năm, Trường có báo cáo đánh giá công tác tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp có thực hiện nghiêm túc đúng quy định **(1.2.03 – Báo cáo tổng kết hàng năm của Trường NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).**

Thực hiện đánh giá rèn luyện của học sinh, sinh viên (HSSV), căn cứ **Thông tư 17/2017/TT-BLĐTĐBXH, ngày 30/6/2017 ban hành Quy chế công tác học sinh sinh viên trường trung cấp cao đẳng,** Trường ban hành quy chế công tác học sinh, sinh viên **(2.5.18 - Quyết định số 520/QĐ-CDCT ngày 05/09/2019 về việc ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên của Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM).**

Hàng năm, phòng CTHS – SV xây dựng kế hoạch tổ chức SV tự đánh giá rèn luyện; hàng tháng SV tự đánh giá rèn luyện trên phiếu tự đánh giá, từ năm học 2020-2019 sinh viên tự đánh giá rèn luyện trên phần mềm quản lý đào tạo Edusoft. Kết quả đánh giá rèn luyện được công khai, Sinh viên tự tra cứu điểm rèn luyện trên website Trường; thông tin HSSV, kết quả rèn luyện HSSV có đầy đủ trên phần mềm quản lý đào tạo Edusoft. Toàn bộ hồ sơ của sinh viên được lưu trữ tại phòng CT HSSV **(2.5.19 - Kế hoạch tổ chức đánh giá rèn luyện của HSSV năm học 2019-2010, [2018-2019, 2019-2020] hình thức trực tuyến; 2.5.20 - Bản cứng và mẫu phiếu tự đánh giá rèn luyện năm học 2019-2010, [2018-2019, 2019-2020]trực tuyến; 2.5.21 - Danh sách HSSV thực hiện tự đánh giá rèn luyện năm học 2019-2010, [2018-2019, 2019-2020] trực tuyến; 2.5.22 - Bảng tổng hợp KQRL của HSSV các khoa năm học 2019-2010, [2018-2019, 2019-2020]; 2.5.23 - Bảng tổng hợp KQRL của HSSV năm học 2019-2010, [2018-2019, 2019-2020]; 2.5.24 - Biên bản họp Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV năm học, 2019-2010, [2018-2019, 2019-2020]; 2.5.25 - Các quyết định công nhận kết quả rèn luyện của HSSV năm học 2019-2010, [2018-2019, 2019-2020]; Sổ quản lý HSSV; 2.5.26 - Ảnh chụp tra cứu kết quả điểm rèn luyện trên website Trường).**

Văn bằng, chứng chỉ Trường sử dụng cấp cho khoá HSSV tuyển sinh từ năm 2017, Trường thực hiện đúng theo hướng dẫn Thông tư 10/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 13/03/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, huỷ bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng của Bộ LĐTBXH. Hiệu trưởng có ban hành quyết định phê duyệt mẫu phôi bằng và báo cáo mẫu phôi bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng với Tổng cục GDNN, Sở LĐTBXH TPHCM, Công an TPHCM **(2.5.27 - Quyết định số 507/QĐ-CDCT ngày 05/09/2019 về việc ban hành Quy chế in, quản lý, cấp phát, thu hồi, huỷ bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng Trường Cao đẳng Công Thương TPHCM; 2.5.28 - Quyết định số 374a/QĐ-CDCT về**

việc phê duyệt mẫu phôi bằng trung cấp, cao đẳng ban hành ngày 14/08/2019 của Hiệu trưởng Trường CDCT; **2.5.29** - Công văn số 148/CDKTCT-CDCT ngày 14/08/2019 về việc báo cáo nội dung in trên phôi bằng tốt nghiệp Cao đẳng, Trung cấp của Trường CDCT TPHCM gửi TCGDNN- Bộ LĐTBXH, Sở LĐTBXH TPHCM, CA TPHCM). Bộ phận quản lý văn bằng (Phòng QLĐT) có trách nhiệm thực hiện in văn bằng tốt nghiệp đúng mẫu quy định và cấp phát cho SV sau khi có quyết định công nhận tốt nghiệp; tổ chức cấp văn bằng tốt nghiệp bản chính cho SV, có cấp bản sao bằng TN từ sổ gốc; nội dung thông tin SV, kết quả tốt nghiệp, chữ ký người nhận có đầy đủ trong sổ cấp bằng tốt nghiệp theo quy định (**2.5.30** – Quy định về mẫu bằng tốt nghiệp TC, CD, in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp TC, CD; **2.5.31** - Sổ cấp bằng TN các trình độ (bản chính); Sổ cấp bằng TN (bản sao). Hàng năm Trường báo cáo Sở LĐTBXH TPHCM đúng thời hạn 15 ngày kể từ ngày hủy phôi bằng, báo cáo công tác cấp văn bằng, chứng chỉ cho Sở LĐTBXH TPHCM đúng quy định (**2.5.32** - Báo cáo Sở LĐTBXH công tác cấp văn bằng/chứng chỉ hàng năm và báo cáo các trường hợp sai hỏng; **2.5.33** - Biên bản kiểm tra và hủy phôi văn bằng, chứng chỉ bị sai hỏng).

Hàng năm, Trung tâm KT&ĐBCL kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện công tác đánh giá rèn luyện của SV, cấp văn bằng, chứng chỉ; tổ chức họp để đánh giá, rút kinh nghiệm cụ thể (**2.5.06** - Biên bản họp kết luận thanh kiểm tra, giám sát công tác tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ hàng năm).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.5, tiêu chí 2: Đạt

Tiêu chuẩn 2.6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Quy chế tổ chức hoạt động Trường, TT Khảo thí và ĐBCL, khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng có tổ chức kiểm tra, giám sát các hoạt động dạy và học theo quy định (**1.1.01**- Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM ngày 07/01/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM; **2.6.01** – Kế hoạch thanh tra đào tạo NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; **2.2.12** - Tập biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; **2.2.13** - Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020), quá trình kiểm tra, giám sát có biên bản ghi nhận sai sót về thực hiện thời khóa biểu, giờ lên lớp của giảng viên; báo cáo hàng năm của Trung tâm Khảo thí và ĐBCL đánh giá mặt mạnh, mặt hạn chế quá trình thực hiện TKB của GV;

đề xuất phòng QLĐT nghiên cứu điều chỉnh; đề nghị GV phải khắc phục sai sót, thực hiện nghiêm túc hơn, đồng thời kiến nghị Ban thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng xem xét và đánh giá kết quả các trường hợp GV có sai phạm. Ngoài ra Trung tâm Khảo thí và ĐBCL kiểm tra, giám sát công tác quản lý các phòng thực hành, dạy và học thực hành nghề của CTĐT nghề Kế toán, đề xuất Trường hoàn chỉnh hơn các phòng thực hành nghề, đầu tư thêm thiết bị mới.

Ban chỉ đạo Tổ kiểm tra, giám sát nội bộ do Trường thành lập hàng năm có báo cáo Hiệu trưởng kết quả cụ thể về công tác quản lý đào tạo thực hiện theo quy định, tổ chức công tác tổ chức thi, kiểm tra nghiêm túc (**2.1.14 - Báo cáo kết luận kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định của pháp luật trong việc quản lý, điều hành công tác tuyển sinh, quản lý đào tạo năm- 2019, 2018, 2019, 2020**).

Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng thực hiện kiểm tra đột xuất, định kỳ và dự giờ giảng của giảng viên ở đơn vị để giám sát và đánh giá sự phù hợp của nội dung bài giảng, phương pháp giảng dạy với kế hoạch đào tạo và khả năng người học (**2.2.14 - Kế hoạch dự giờ, Phiếu dự giờ năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.2.15 - Báo cáo kết quả dự giờ, đánh giá giảng viên NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.2.16 - Báo cáo tổng kết khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng, phòng QLĐT, Trung tâm KT&ĐBCL, phòng CTHS-SV**).

Hàng năm, Trung tâm Khảo thí và ĐBCL đã phối hợp cùng khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng tiến hành bằng cách sử dụng google form khảo sát trực tuyến thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên về hoạt động dạy và học, là cơ sở tham mưu Hiệu trưởng cải tiến, điều chỉnh hoạt động dạy và học có chất lượng hơn, đáp ứng nhu cầu xã hội (**2.6.02 - Đường link khảo sát của các đối tượng có liên quan về hoạt động dạy và học NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020**), các đường link khảo sát các đối tượng như sau

- Đường link khảo sát CBQL

NH 2017-18: <https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-cbql-ve-cong-tac-bao-dam-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2017-2018-2/>

NH 2018-19: <https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-cbql-ve-cong-tac-bao-dam-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2018-2019-2/>

NH 2019-20: <https://khaothi.hitu.edu.vn/ks-y-kien-cbql-ve-cong-tac-bao-dam-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020/>

- Đường link khảo sát GV

NH 2017-18: <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-giao-vien-ve-chat-luong-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2017-2018-3/>

NH 2018-19: <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-giao-vien-ve-chat-luong-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2018-2019-3/>

NH 2019-20: <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-giao-vien-ve-chat-luong-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>

- Đường link khảo sát SV

NH 2017-18: <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2017-2018-3/>

NH 2018-19: <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2018-2019-3/>

NH 2019-20: <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-4/>

Qua kết quả thu thập ý kiến của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên về hoạt động dạy và học (**2.6.03 - Báo cáo kết quả khảo sát CBQL, GV để thu thập thông tin về dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020**), khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng đã điều chỉnh kế hoạch học tập và giảng dạy, thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học 2018-2019, 2019-2020 cho phù hợp điều kiện giảng dạy, học tập của GV-SV; đã tăng cường kiểm tra, giám sát của khoa; hạn chế thấp nhất các tồn tại của GV về ngày giờ công (**2.2.03 - Kế hoạch học tập và giảng dạy hàng năm của Trường năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.2.04 - Tiến độ đào tạo năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.2.05 - Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học của giảng viên khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020**).

Sau quá trình thực hiện CTĐT nghề Kế toán ban hành năm 2017, sau các kỳ khảo sát lấy ý kiến đơn vị tuyển dụng lao động, sinh viên đang học và đã ra trường; để đáp ứng nhu cầu xã hội, tạo điều kiện cho người học tự tin hơn khi ra trường tìm việc làm, năm học 2019-2020 khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng có điều chỉnh bổ sung CTĐT nghề Kế toán ba mô đun Kỹ năng mềm gồm có Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân, Kỹ năng trả lời phỏng vấn khi dự tuyển dụng việc làm, Kỹ năng giao tiếp nơi làm việc, Kỹ năng thuyết trình; các Kỹ năng mềm này được sắp xếp lại thành 3 mô đun để sinh viên tự chọn khi học. Khoa đã báo cáo phòng QLĐT và tham mưu Hiệu trưởng tổ chức biên soạn, thẩm định, ban hành CTĐT và áp dụng thực hiện từ năm học 2019-2020 (**1.1.02 - QĐ số 910/QĐ-CDCT ngày 16/12/2017 ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kế toán của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TPHCM; 1.1.08 - Quyết định số 352/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kế toán của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TPHCM; 2.3.01 - Đề cương chi tiết 3 mô đun kỹ năng mềm; 1.1.12 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến doanh nghiệp về chương trình đào tạo năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.1.16 - Tổng hợp kết quả khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.6.04 - Báo cáo kết quả điều tra lần vết về sinh viên sau tốt nghiệp năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020**).

Trong quá trình tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Kế toán, theo đề xuất của khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng, Trường có đầu tư bổ sung thêm một phòng thực hành mô phỏng phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học cho cán bộ, giảng viên và sinh viên (**2.6.05 - Danh mục thiết bị hiện có đào tạo ngành Kế toán**).

Năm 2019 để thực hiện quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp Trường quy định có chất lượng hơn, hạn chế sai sót trong quá trình tổ chức thi kết thúc môn học các ngành, nghề; phòng QLĐT đã nghiên cứu xây dựng và trình duyệt Hiệu trưởng ban hành Quy trình tổ chức thi kết thúc môn học (**2.5.01 - Quyết định số 705/QĐ-CDCT ngày 10/11/2019 ban hành Quy trình tổ chức thi kết thúc môn học Trường Cao đẳng Công Thương TPHCM**).

Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng đã phân công các giảng viên bộ môn biên soạn hoàn chỉnh hai giáo trình nghề Kế toán: môn học Kế toán tài chính doanh nghiệp 1, Tài chính tiền tệ; hai giáo trình được thông qua Hội đồng thẩm định giáo trình Trường, áp dụng từ năm học 2019-2020; hiện nay CTĐT nghề Kế toán có đủ 100% giáo trình các môn học, mô đun (**2.6.07 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình năm 2018, 2019, 2020; 2.6.08 - Phiếu đánh giá giáo trình của Hội đồng thẩm định năm 2018, 2019, 2020; 2.6.09 - Biên bản thẩm định giáo trình năm 2018, 2019, 2020; 2.6.10 - Danh mục giáo trình các môn học 2018, 2019, 2020; 2.6.11 - Bản in giáo trình nghề Kế toán trình độ cao đẳng [có trong Thư viện]**).

Nhằm đáp ứng trình độ đội ngũ giảng viên dạy chương trình đào tạo Kế toán (nghề trọng điểm cấp quốc gia) từ năm học 2019-2020 theo đề xuất của khoa Kế toán, Trường đã cử 35 giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng Chứng chỉ sư phạm dạy nghề, Tiếng Anh, Tin học nhằm đáp ứng tiêu chuẩn giảng viên trường chất lượng cao, đến nay toàn bộ giảng viên khoa Kế toán đã có chứng chỉ sư phạm bậc 2 hay chứng chỉ sư phạm cho giảng viên cao đẳng, đại học, trình độ tiếng Anh tương đương B1 hay B2, tin học đạt trình độ tin học cơ bản (**2.6.12 - Các quyết định cử đi học tập nâng cao trình độ hàng năm của giảng viên ngành Kế toán 2019-2019; 2.6.13 - Các quyết định tham gia các chương trình tham quan, học tập hàng năm của giảng viên ngành Kế toán từ năm 2019 – 2020; 2.6.14 - Báo cáo kết quả học tập của giảng viên ngành Kế toán sau khi tham gia học tập, bồi dưỡng từ năm 2019 – 2020**).

Về công tác kiểm tra, giám sát hoạt động học tập, năm học 2019-2020 khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng đã tăng cường chất lượng công tác cố vấn học tập, xem xét phân công cố vấn học tập các lớp, đồng thời bổ sung qui định cố vấn học tập phải thường xuyên kết hợp với giảng viên giảng dạy bộ môn tiếp cận với sinh viên các lớp, động viên hướng dẫn sinh viên các phương pháp học tập; tạo điều kiện cho sinh viên học tập, tự nghiên cứu với tinh thần tự giác, hiểu rõ quy chế đào tạo và hoạch định được kế hoạch học tập cá nhân (**2.6.15 - Quyết định phân công cố vấn học tập; 2.6.16 - Kế hoạch cố vấn học tập; 2.6.17 - Báo cáo tổng kết khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng năm học 2020- 2019, 2019-2020**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.6, tiêu chí 2: Đạt

Tiêu chuẩn 2.7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2018 Trường có ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động, đến năm 2019 có điều chỉnh và ban hành lại. Trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường có 12 Chương, 70 Điều; công tác tổ chức đào tạo liên thông có quy định giao nhiệm vụ cho Phòng Đào tạo thường xuyên tại Điều 29: Tham mưu giúp Hiệu trưởng xây dựng phương hướng, mục tiêu, quy mô phát triển, cơ cấu ngành nghề, phương thức liên kết đào tạo và quản lý đào tạo hệ không chính quy, hệ liên thông từ trung cấp lên cao đẳng, đại học, cao học (***1.1.01- Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM ngày 07/01/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM; 2.1.02- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động DN số 195/2017/GCNDKHHĐ-TCĐN ngày 28/06/2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục DN [trong đó có nghề Kế toán trình độ cao đẳng]***).

Căn cứ Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao Động – Thương Binh và Xã Hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp, Trường đã ban hành quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp; quy định công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập các môn học của sinh viên đang học liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng hệ chính quy nghề Kế toán khoá 2019-2020 (***2.7.01- Quyết định số 521/QĐ-CDCT ngày 09/09/2019 ban hành Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM; 2.7.02 - QĐ số 1171/QĐ-CDCT ngày 31/12/2020 về việc công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập các môn học của sinh viên đang học liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng hệ chính quy nghề Kế toán khoá 2019-2020)***).

Công tác tuyển sinh cao đẳng liên thông được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh ban hành năm 2020, Trường đã ban hành quyết định tuyển sinh đào tạo cao đẳng liên thông, báo cáo hoạt động đào tạo liên thông gửi Tổng cục GDNN – Bộ LĐTBXH đúng quy định. Năm 2020 Trường đã thực hiện công tác tuyển sinh cao đẳng liên thông các nghề trong đó có nghề Kế toán, đối tượng tuyển sinh người học đã tốt nghiệp trung cấp; thành lập Hội đồng tuyển sinh cao đẳng liên thông từ trình độ trung cấp gồm 5 thành viên, trong đó: ông Đặng Công Quốc, phó Hiệu trưởng làm chủ tịch hội đồng; ông Nguyễn Anh Tuấn, phó Hiệu trưởng làm P.Chủ tịch hội đồng; ông Nguyễn Tấn Thắng, TP QLĐT làm ủy viên thường trực; ông Lê Thanh Hải TP. QTTB và ông Hoàng Mạnh Khiêm TP.TCKT làm ủy viên. Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh tuyển sinh cao đẳng của cả nước và nhất là giai đoạn dịch bệnh nhưng năm

2020 Trường vẫn tuyển được 25 sinh viên, trong đó có 5 sinh viên ngành Kế toán, năm 2020 có 25 sinh viên trong đó có 11 sinh viên ngành kế toán. (2.7.03 - Quyết định tuyển sinh đào tạo cao đẳng liên thông 2020; 2.7.04 - Thông báo tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020; 2.7.05 - Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh cao đẳng liên thông từ trình độ trung cấp năm 2018, 2019, 2020; 2.7.06 - Báo cáo tình hình đào tạo liên thông 2019, 2020; 2.7.07- Biên bản xét tuyển cao đẳng liên thông năm 2020; 2.7.08 - Biên bản xác nhận điểm trúng tuyển kỳ xét tuyển cao đẳng liên thông hệ chính quy 2020; 2.7.09 - Quyết định trúng tuyển cao đẳng liên thông năm 2020; 2.7.10 - Danh sách SV trúng tuyển cao đẳng liên thông nghề Kế toán; 2.7.11 - Hồ sơ SV trúng tuyển cao đẳng liên thông 2020).

Căn cứ CTĐT cao đẳng liên thông đã ban hành (2.7.12 - QĐ số 80/QĐ-CDCT ngày 14/02/2020 về việc ban hành CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán), phòng Đào tạo thường xuyên đã xây dựng kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, thời khóa biểu trình duyệt Hiệu trưởng đúng quy định (2.7.13 - Kế hoạch và tiến độ đào tạo năm học 2017-2018, 2018-19, 2019-2020 ; 2.7.14 - Thời khóa biểu giảng dạy của giảng viên NH 2017-2018, 2020-21, 2019-2020; 2.7.15 - Hồ sơ giảng viên NH 2017-2018, 2020-21, 2019-2020; 2.7.16 - Phiếu chấm bài thi lưu kết thúc môn học NH 2017-2018, 2020-21, 2019-2020).

Hàng năm, phòng Đào tạo thường xuyên tổ chức, thực hiện nghiêm túc các kỳ thi khi kết thúc môn học (2.7.17 - Kế hoạch tổ chức thi kết thúc môn HK1, HK2 lớp cao đẳng liên thông; 2.7.18 - Danh sách SV đủ điều kiện dự thi và SV không đủ điều kiện dự thi kết thúc môn năm học 2017-2018, 2018-19, 2019-2020 lớp cao đẳng liên thông; 2.7.19 - Danh sách người học dự thi có chữ ký của người học và cán bộ coi thi năm học 2017-2018, 2018-19, 2019-2020 lớp cao đẳng liên thông; 2.7.20 - Bài thi lưu kết thúc môn, HK (bản cứng, bản mềm) năm học 2017-2018, 2018-19, 2019-2020 lớp cao đẳng liên thông; 2.7.21 - Phiếu chấm bài thi lưu kết thúc môn, HK (lý thuyết- thực hành) năm học 2017-2018, 2018-19, 2019-2020 lớp liên thông; 2.7.22 - Bảng điểm SV môn học/mô đun năm học 2017-2018, 2018-19, 2019-2020 lớp cao đẳng liên thông), công tác tổ chức kiểm tra, thi kết thúc môn phòng Đào tạo thường xuyên thực hiện đúng quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập (2.2.01 - Quyết định số 508/QĐ-CDCT ngày 05/09/2019 ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp Trường Cao đẳng Công Thương TPHCM) và quy trình tổ chức thi kết thúc môn học (2.5.01 - Quyết định số 705/QĐ-CDCT ngày 10/11/2019 ban hành Quy trình tổ chức thi kết thúc môn học Trường Cao đẳng Công Thương TPHCM).

Phòng Công tác HSSV đã tổ chức đánh giá rèn luyện cho sinh viên lớp cao đẳng liên thông năm học 2020- 2019 đúng theo Quy chế công tác học sinh sinh viên Trường đã ban hành (2.5.19 - Kế hoạch tổ chức đánh giá rèn luyện của HSSV năm học 2018-

2019, 2019-2020 hình thức trực tuyến; 2.5.20 - Mẫu phiếu tự đánh giá rèn luyện năm học 2018-2019, 2019-2020 trực tuyến; 2.5.21 - Danh sách HSSV thực hiện tự đánh giá rèn luyện năm học 2018-2019, 2019-2020 trực tuyến; 2.5.22 - Bảng tổng hợp KQRL của HSSV các khoa năm học 2018-2019, 2019-2020; 2.5.23 - Bảng tổng hợp KQRL của HSSV năm học 2018-2019, 2019-2020; 2.5.24 - Biên bản họp Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV năm học 2018-2019, 2019-2020; 2.5.25 - Các quyết định công nhận kết quả rèn luyện của HSSV năm học 2018-2019, 2019-2020; 2.5.26 - Ảnh chụp tra cứu kết quả điểm rèn luyện trên website Trường).

Trung tâm Khảo thí và ĐBCL thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, giám sát dạy và học lớp cao đẳng liên thông nghề Kế toán (2.6.01 - Kế hoạch thanh tra đào tạo NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.2.12 - Tập biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.2.13 - Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.7, tiêu chí 2: Đạt

2.2.3 Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

a) Mở đầu

Để thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo, đội ngũ cán bộ, giảng viên ngành Kế toán không ngừng được nâng cao trình độ và chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo theo quy định của Trường cao đẳng và tiến tới đáp ứng các tiêu chuẩn trường chất lượng cao đến năm 2019.

b) Những điểm mạnh

Ngành Kế toán có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên đáp ứng được yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và được đảm bảo quyền lợi theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Trường. Có chính sách đào tạo bồi dưỡng cán bộ, Nhà trường hỗ trợ cả về thời gian và kinh phí cho cán bộ đi học tập bồi dưỡng chuyên môn ở trong và ngoài nước.

Các cán bộ quản lý ngành Kế toán có ý thức học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt. Nhà trường có số lượng nhân viên có nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ mà nhà trường đề ra theo quy định về biên chế và hoạt động cụ thể của từng bộ phận trong trường, đáp ứng hầu hết các nhiệm vụ của nhà trường.

c) Những tồn tại

- Số lượng cán bộ, giảng viên được cử đi học tập nâng cao trình độ ở nước ngoài không nhiều.

- Số lượng cán bộ, giảng viên có chứng chỉ Tiếng Anh B₁ Châu Âu và chứng chỉ tin học quốc tế IC3 đang dần hoàn thiện.

d) Kế hoạch nâng cao chất lượng

- Tăng cường công tác đào tạo giảng viên trẻ, ưu tiên đào tạo nâng cao trong nước và nước ngoài.

- Hỗ trợ hơn nữa cho CB – GV nâng cao trình độ nghiệp vụ, sư phạm, tin học và ngoại ngữ bằng các chính sách phù hợp với một trường công lập.

e) Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 3.1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tính đến tháng 10 năm 2020, Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng hiện có 35 giảng viên cơ hữu và cán bộ công nhân viên, trong đó có 01 cán bộ quản lý là trưởng khoa. Các giảng viên đều có bằng từ đại học trở lên, trong đó có 03 tiến sĩ, 31 thạc sĩ, 01 cử nhân và 01 nhân viên (**3.1.01 - Danh sách trích ngang giảng viên khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng**).

Căn cứ vào tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ theo thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH và thông tư 21/2020/TT-BLĐTBXH thì tất cả giảng viên đều có chứng chỉ về ngoại ngữ, tin học; chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc 3 theo quy định; 28 giảng viên có chứng chỉ sư phạm bậc 2, 07 giảng viên có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng. Như vậy 100% nhà giáo tham gia giảng dạy nghề Kế toán đều đạt chuẩn theo quy định. Hàng năm, Khoa đều thực hiện đánh giá trình độ giảng viên theo Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH (**3.1.02 - Hồ sơ giảng viên khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng; 3.1.03 - Báo cáo kết quả đánh giá trình độ giảng viên khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng theo Thông tư 08 năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020**).

Bên cạnh đó, các giảng viên tham gia giảng dạy các môn học chung cũng đạt chuẩn về chuyên môn và nghiệp vụ theo quy định (**3.1.04 - Danh sách và hồ sơ giảng viên dạy các môn học chung**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.1, tiêu chí 3: Đạt

Tiêu chuẩn 3.2: Hàng năm 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư 08/2017/TT-BLDTBXH quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và Thông tư số 07/2017/TT-BLDTBXH quy định về chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Trường đã xây dựng và ban hành quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ và đánh giá, phân loại nhà giáo hàng năm và ban hành quy định về chế độ làm việc cụ thể của giảng viên cơ hữu và giảng viên kiêm nhiệm. (**3.2.01 - Quyết định số 505/QĐ-CDCT ngày 05/09/2019 quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên; 3.2.02 - Quyết định số 504/QĐ-CDCT ngày 05/09/2019 Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường CĐ Công Thương TP.HCM**).

Căn cứ vào các quy định này, sau mỗi năm học từng giảng viên phải tự thực hiện Phiếu đánh giá và có ý kiến phê duyệt của cấp quản lý trực tiếp. Sau đó Hội đồng Trường thực hiện việc đánh giá và phân loại nhà giáo nghề Kế toán cho từng năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020 (**3.2.03 – Hồ sơ đánh giá và phân loại nhà giáo nghề Kế toán năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 3.2.04 - Báo cáo kết quả cụ thể đánh giá; phân loại nhà giáo của Trường năm 2019, 2018, 2019, 2020**).

Qua đánh giá hàng năm, 100% nhà giáo giảng dạy nghề Kế toán đều hoàn thành nhiệm vụ do Trường giao và đều đạt xếp loại A. (**2.6.17 - Báo cáo tổng kết hàng năm khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 1.2.04 - Các Quyết định công nhận danh hiệu thi đua của Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng từ năm học 2019 đến 2020**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.2, tiêu chí 3: Đạt

Tiêu chuẩn 3.3: Đảm bảo tất cả các mô đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ thông tư 07/2017/TT-BLDTBXH quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, Trường đã ban hành quy định về chế độ làm việc cụ thể của giảng viên cơ hữu và giảng viên kiêm nhiệm. (**3.2.02 - Quyết định số 504/QĐ-CDCT ngày 05/09/2019 Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường CĐ Công Thương TP.HCM**).

Hàng năm, Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng đều có kế hoạch phân công giảng dạy cho mỗi giảng viên tương ứng với mỗi môn học; tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo đều có đủ nhà giáo đứng lớp. *(2.2.06 - Kế hoạch giảng viên - kế hoạch giảng dạy Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng năm học, 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).*

Trong mỗi năm học, tất cả HSSV đều được Khoa xếp lớp đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp theo đúng quy định; lớp lý thuyết không quá 35 SV và 01 ca thực hành không quá 18 SV *(3.3.01 - Các Sổ lên lớp)*. Mỗi lớp đều được phân công giáo viên giảng dạy, có kế hoạch tiến độ học tập theo đúng tiêu chuẩn quy định *(2.2.02 – Danh sách Sinh viên các lớp Khoa Kế toán năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 3.3.02 - Danh sách Sinh viên các lớp học lý thuyết, thực hành)*.

Hàng năm, vào giữa năm học và cuối năm học, Khoa đều có thống kê giờ giảng. *(3.3.03 - Thống kê giờ giảng hàng năm của giảng viên Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng năm 2019, 2018, 2019, 2020)*. Tất cả giảng viên đều được thanh toán đầy đủ hàng năm, tuân thủ theo đúng quy định của Bộ LĐTBXH *(3.3.04 - Bảng thanh toán lương hàng năm của giảng viên Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng năm 2019, 2018, 2019, 2020; 3.3.05 - Bảng thanh toán vượt giờ của giảng viên Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng năm 2019, 2018, 2019, 2020)*.

Căn cứ theo Quy chế chi tiêu nội bộ, trong năm học các giảng viên nghề Kế toán có tham gia các hoạt động NCKH, viết các bài báo khoa học, tham gia các hội thi và rất nhiều hoạt động khác... thì sẽ được quy đổi thành các giờ giảng *(3.3.06 - Danh sách và hồ sơ các đề tài NCKH hàng năm của giảng viên ngành Kế toán năm 2019, 2018, 2019, 2020)*. Do đó hầu hết giảng viên đều đảm bảo số giờ giảng theo quy định. *(3.3.03 - Thống kê giờ giảng hàng năm của giảng viên Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng năm 2019, 2018, 2019, 2020)*.

Tổng số sinh viên tuyển sinh năm 2020, 2019, 2020 là 1.201, nên cần số lượng giảng viên tối thiểu là 48 giảng viên cơ hữu. Khoa đảm bảo được 35 giảng viên cơ hữu giảng dạy các môn chuyên ngành, cùng với sự tham gia giảng dạy của 15 giảng viên khoa QTKD đảm nhận đối với các môn cơ sở lý thuyết, nên đã đủ theo yêu cầu về tỷ lệ giảng viên và sinh viên. *(3.1.01 - Danh sách trích ngang giảng viên nghề Kế toán NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 3.3.02 – Danh sách Sinh viên các lớp Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng nghề Kế toán năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020)*.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.3, tiêu chí 3: Đạt

Tiêu chuẩn 3.4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng có 35 giảng viên cơ hữu trong đó 02 cán bộ quản lý Khoa đều là những giảng viên dạy các môn chuyên ngành. Công tác nghiên cứu khoa học (NCKH) được tất cả giảng viên trong Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng chú trọng trực tiếp tham gia thực hiện, mỗi năm đều có đề tài NCKH cấp Trường; giảng viên tham gia hướng dẫn đề tài nghiên cứu cấp trường của sinh viên; giảng viên tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp thành phố.

Trong Quy chế chi tiêu nội bộ các năm đều có quy định chế độ ưu đãi trong NCKH, viết báo khoa học đăng trên các tạp chí, GV dạy giỏi... nên các hoạt động này ngày càng thu hút nhiều giảng viên cơ hữu tham gia. **(3.4.01 - Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018, 2019, 2020).**

Cụ thể:

- Nhiều giảng viên cơ hữu dạy các môn chuyên ngành Kế toán tham gia công tác NCKH, trong năm 2019 có 02 giáo trình nội bộ được công nhận (*Giáo trình Kế toán TCDNI và Tài chính tiền tệ*; **3.3.06 - Danh sách và hồ sơ các đề tài NCKH của giảng viên nghề Kế toán – Tài chính Ngân hàng năm 2019, 2018, 2019, 2020**).

- Giảng viên cơ hữu cũng tích cực trong tham gia các hội thi “Giáo viên giỏi” cấp Trường và cấp Thành phố **(3.4.02 - Quyết định số 568/QĐ-CDCT ngày 03/06/2020 công nhận 03 giảng viên dạy giỏi cấp trường thuộc Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng năm 2020; 3.4.03 - Bằng khen 01 giảng viên nghề Kế toán đạt thành tích trong các Hội thi cấp Thành phố năm 2018 và 01 giảng viên có bằng khen năm 2020)**; và có nhiều bài báo được đăng trên các tạp chí trong nước (Tăng trưởng kinh tế và sức khỏe khu vực Đông Nam Á - Tạp chí Công Thương số 25 - Tháng 10/2019, Tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2020 và giải pháp cho những năm tiếp theo - Tạp chí Công Thương số 18 - Tháng 7/2019), bài viết cho hội nghị, hội thảo quốc tế (The spillovers from Japanese monetary policy to Southeast Asian economies - Proceedings The International Conference on Business Based on Digital Platform (BDP 2019)) **(3.4.04 - Các bài báo khoa học và các mô hình dạy học tự làm của Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng)**.

Đặc biệt, trong năm học 2019-2020, các giảng viên của Khoa có thực hiện đề tài NCKH cấp trường với tên đề tài: “Xây dựng Sàn giao dịch chứng khoán ảo”, chủ nhiệm đề tài là Nguyễn Thành Đông cùng với sự tham gia của 15 giảng viên cơ hữu khác trong Khoa.

Với danh sách giảng viên của Khoa thì có trên 60% giảng viên cơ hữu tham gia các hoạt động về NCKH, các hội thi và viết các bài báo hàng năm.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.4, tiêu chí 3: Đạt

Tiêu chuẩn 3.5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho các nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Trường có kế hoạch cử các giảng viên tham gia các chương trình học tập nâng cao trình độ, tổ chức các chương trình tham quan học tập. Các giảng viên trong khoa đều gắn bó với Khoa thời gian khá lâu, và đã đạt được chứng chỉ Bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm, Tiếng anh và Tin học từ trước năm 2018. Hàng năm Khoa vẫn thường tổ chức các buổi Hội thảo, tập huấn để nâng cao kỹ năng và chất lượng giảng dạy. Năm 2019 với giai đoạn khó khăn của dịch Covid, trường đã cử 5 giảng viên tham dự tập huấn “*Chuyển đổi số giảng dạy kế toán trong bối cảnh đào tạo từ xa*” tại công ty MISA” và 5 giảng viên tham dự tập huấn “*Thông tư số 78/2019/TT-BTC quy định về hóa đơn và giải pháp kiểm tra tính hợp pháp, quản lý hóa đơn hiệu quả nhất hiện nay*”. Các giảng viên sau khi tham dự tập huấn về sẽ có các buổi Hội thảo tại khoa để đúc rút và truyền đạt lại kiến thức, kinh nghiệm cho các giảng viên khác. Ngoài ra, 100% các giảng viên đều tham gia thực tế doanh nghiệp theo quy định và đạt được nhiều kinh nghiệm thực tế có giá trị phục vụ cho công tác giảng dạy. (3.5.02 - Chương trình, kế hoạch học tập hàng năm nghề Kế toán năm 2018, 2019, 2020; 3.5.01 - Các quyết định, danh sách cử giảng viên nghề Kế toán bồi dưỡng, thực tập tại doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020; 3.5.03 - Các hình ảnh giảng viên tham các lớp tập huấn, khóa học tập, chương trình tham quan học tập từ năm 2020 - 2020).

Tất cả các giảng viên sau mỗi khóa học, tập huấn tham gia đều có báo cáo kết quả sau khi hoàn thành hoặc nộp giấy chứng nhận của các khóa học tập, bồi dưỡng đã tham gia trong năm (3.5.04 - Báo cáo kết quả học tập của giảng viên nghề Kế toán sau khi tham gia học tập, bồi dưỡng năm 2018, 2019, 2020).

Sau mỗi năm học, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến các giảng viên liên quan về nội dung cũng như chất lượng của những khóa được tham dự học tập trong năm học (1.1.09 - Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức, người lao động, sinh viên và doanh nghiệp các năm 2018, 2019, 2020; 3.5.05 - Đường link “<https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-cbql-ve-cong-tac-bao-dam-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-2/>” khảo sát Cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về chất lượng các khóa học tập, bồi dưỡng năm học 2019-2020; “<https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-cbql-ve-cong-tac-bao-dam-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-2/>” năm học 2019-2020 “<https://khaothi.hitu.edu.vn/ks-y-kien-cbql-ve-cong-tac-bao-dam-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020/>” năm học 2019-2020).

Trường thực hiện điều chỉnh, bổ sung sau khi tổng hợp và nghiên cứu những ý kiến phản hồi trong khảo sát để có kế hoạch tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng trong những năm sau có hiệu quả hơn. (3.5.06 - Kết quả khảo sát Cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về chất lượng các khóa học tập, bồi dưỡng năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.5, tiêu chí 3: Đạt

Tiêu chuẩn 3.6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khoa Kế toán – Tài chính ngân hàng có 35 giảng viên cơ hữu gồm 33 giảng viên cơ hữu và 02 cán bộ quản lý Khoa đều là những giảng viên dạy các môn chuyên ngành. Trường thường xuyên cử giảng viên cơ hữu tham gia các chương trình bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động. Trong 3 năm qua tất cả các giảng viên cơ hữu của Khoa đều được cử đi bồi dưỡng, thực tập thực tế tại doanh nghiệp. Cụ thể số GV đi thực tập qua các năm là: năm 2020 có 35 GV, năm 2019 có 35 GV và năm 2020 có 35 GV (**3.5.01 - Quyết định, danh sách cử giảng viên nghề Kế toán bồi dưỡng, thực tập tại doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020**).

Trước khi đi thực tập tại doanh nghiệp, tất cả các giảng viên đều có đề cương và kế hoạch thực tập theo từng thời điểm khác nhau do trường khoa giao (**3.6.01 - Đề cương thực tập tại doanh nghiệp của giảng viên**).

Sau khi kết thúc quá trình thực tập tại doanh nghiệp theo kế hoạch, các giảng viên đều có làm báo cáo kết quả thực tập, có sự nhận xét của doanh nghiệp và nộp về cho Khoa (**3.6.02 - Báo cáo thực tập tại doanh nghiệp của giảng viên**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.6, tiêu chí 3: Đạt

Tiêu chuẩn 3.7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Cán bộ quản lý khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng hiện gồm có trưởng khoa là thạc sĩ kinh tế có chứng chỉ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng; 01 phó trưởng khoa là tiến sĩ kinh tế có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng.

Giúp lãnh đạo Khoa có 01 giáo vụ khoa đã tốt nghiệp đại học. Vì thế tất cả cán bộ quản lý và nhân viên của khoa Kế toán – Tài chính ngân hàng đều đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo đúng quy định cho từng vị trí việc làm (**3.1.01 - Danh sách trích ngang giảng viên khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng năm 2019; 3.7.01 – Hồ sơ cán bộ quản lý và nhân viên khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.7, tiêu chí 3: Đạt

Tiêu chuẩn 3.8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác đánh giá và phân loại cán bộ, nhà giáo, nhân viên được thực hiện định kỳ hàng năm thể hiện qua các báo cáo kết quả đánh giá, phân loại cán bộ quản lý và nhân viên Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng theo quy định của Trường. (**3.8.01 -**

Quyết định số 17/QĐ-CDCT quy định về đánh giá, phân loại và xét thi đua khen thưởng).

Hàng năm khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng đều thực hiện báo cáo mức độ hoàn thành các nhiệm vụ do Trường giao, đồng thời từng giảng viên đều phải thực hiện Phiếu tự đánh giá xếp loại chất lượng viên chức hàng năm, có ý kiến đóng góp của tập thể và lãnh đạo trực tiếp theo quy định Luật công chức – viên chức. *(3.2.03 – Hồ sơ đánh giá và phân loại nhà giáo Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.6.17 - Báo cáo tổng kết hàng năm Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 3.2.04 - Báo cáo kết quả cụ thể đánh giá; phân loại nhà giáo của Trường năm 2019, 2018, 2019, 2020).*

Trong các báo cáo tổng kết của Khoa và của Trường, tất cả cán bộ quản lý và nhân viên của Khoa đều được đánh giá và phân loại hoàn thành tốt nhiệm vụ và có quyết định khen thưởng *(1.2.04 - Các Quyết định công nhận danh hiệu thi đua tập thể và cá nhân của Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng từ năm học 2019 đến 2020).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.8, tiêu chí 3: Đạt

2.2.4 Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

a) Mở đầu

Chương trình đào tạo được xây dựng hoàn toàn phù hợp với mục tiêu đào tạo của ngành Kế toán cũng như nhu cầu thực tế trong sản xuất của các doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, gắn kết nhà trường với doanh nghiệp, với thị trường lao động.

Hàng năm, chương trình đào tạo ngành Kế toán của trường được rà soát, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với nền công nghệ mới cũng như đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp. Mỗi chương trình đào tạo ngành Kế toán có đủ môn học theo mẫu định dạng chung và được xác định rõ phương pháp và các yêu cầu về kiểm tra đánh giá kết quả học tập.

b) Những điểm mạnh

Trường có đủ chương trình cho ngành Kế toán theo từng cấp trình độ. Chương trình đào tạo ngành Kế toán được xây dựng theo hướng liên thông hợp lý, hàng năm được rà soát, điều chỉnh và cập nhật kiến thức mới dưới sự góp ý của các giảng viên, chuyên gia và các doanh nghiệp.

Chương trình đào tạo ngành Kế toán của trường có mục tiêu được xác định rõ ràng, quy định cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng; phương pháp, hình thức đào tạo cho từng trình độ đối với mỗi mô-đun, môn học.

Giảng viên ngành Kế toán có đủ giáo trình giảng dạy và được hiệu chỉnh, biên soạn mới hàng năm.

c) Những tồn tại:

Do đặc thù ngành liên quan đến hoạt động tài chính của doanh nghiệp nên việc liên kết tiếp cận với thực tiễn trong các doanh nghiệp chưa được phổ biến, đa dạng.

Tuy đã thu có đầy đủ tài liệu, giáo trình cho tất cả các môn học nhưng một số môn học vẫn còn chưa được viết mới, cập nhật giáo trình. Khoa đang phối hợp với Trường triển khai bổ sung, cập nhật các giáo trình này

d) Kế hoạch nâng cao chất lượng

Lập kế hoạch biên soạn giáo trình ngành Kế toán được phát hành rộng rãi, cho các độc giả góp ý, để giáo trình trở thành một tài liệu tham khảo cho tất cả sinh viên, giảng viên trên cả nước.

Lập kế hoạch định kỳ khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, người tốt nghiệp và các tổ chức khác để bổ sung điều chỉnh chương trình, giáo trình.

e) Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	24
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2
Tiêu chuẩn 9	2
Tiêu chuẩn 10	2
Tiêu chuẩn 11	2
Tiêu chuẩn 12	2

Tiêu chuẩn 4.1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đề được phép đào tạo ngành Kế toán, Trường đã được Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp cấp giấy phép Đăng ký hoạt động GDNN (**2.1.02- Quyết định số 195/2017/GCNDKHD-TCND ngày 28/6/2017 Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động DN**). Vào năm 2017, Trường đã ban hành CTĐT nghề Kế toán trình độ Cao đẳng (**1.1.02 – Quyết định số 907/QĐ-CDCT ngày 15/12/2017 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng nghề Kế toán**).

Nhằm đảm bảo công tác xây dựng, thẩm định chương trình đào tạo đúng quy định Nhà nước, cụ thể là thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Trường đã ban hành Quyết định quy định xây dựng, thẩm định CTĐT trình độ cao đẳng gồm 3 chương, 12 điều. Trong đó, các quy định về chương trình đào tạo phải tuân thủ các văn bản pháp lý được quy định tại điều 3, các quy định về cấu trúc và thời gian chương trình đào tạo được quy định tại điều 4, 5 và quy trình xây dựng chương trình đào tạo được quy định tại điều 6 gồm các bước như thành lập ban biên soạn chương trình, xác định mục tiêu và yêu cầu cho người học sau tốt nghiệp; xây dựng chương trình đào tạo; hoàn chỉnh dự thảo chương trình đào tạo; thẩm định chương trình đào tạo; phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo (**4.1.01 - Quyết định số 509/QĐ-CDCT ngày 05/9/2019 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành quy định xây dựng, thẩm định CTĐT trình độ cao đẳng trường CDCT**); Chương trình đào tạo ngành Kế toán năm 2019 được thành lập theo quy định, cụ thể Trường đã ban hành quyết định thành lập Tổ biên soạn CTĐT nghề Kế toán với các thành viên gồm những nhà giáo có kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy và phát triển CTĐT trình độ cao đẳng (**1.1.05 – QĐ số 146/QĐ-CDCT ngày 7/5/2019 về việc thành lập tổ biên soạn CTĐT Cao đẳng ngành Kế toán**); Sau khi chương trình đào tạo được xây dựng, Trường đã có quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT gồm các thành viên là nhà giáo, đại diện cơ quan quản lý nhà nước về GDNN, cán bộ quản lý GDNN, cán bộ Khoa học kỹ thuật đại diện của doanh nghiệp, nhà giáo đang giảng dạy ở cơ sở GDNN (**1.1.06 - QĐ số 300/QĐ-CDCT ngày 26/6/2019 về việc thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT ngành Kế toán**); Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo (**1.1.07 - Các biên bản, phiếu nhận xét, góp ý, phản biện trong điều chỉnh chương trình đào tạo**); Quyết định ban hành CTĐT nghề Kế toán (**1.1.08 - QĐ số 352/QĐ-CDCT ngày 8/7/2019 về việc ban hành CTĐT nghề Kế toán**).

Ngoài ra Trường cũng xây dựng CTĐT nghề Kế toán liên thông từ trung cấp lên cao đẳng (**2.7.01 - Quyết định số 521/QĐ-CDCT ngày 05/9/2019 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành quy định về đào tạo liên thông**); Quyết định thành lập Tổ biên soạn CTĐT nghề Kế toán với các thành viên gồm những nhà giáo có kinh nghiệm về trực tiếp giảng dạy và phát triển chương trình đào tạo (**4.1.02 – QĐ số 123/QĐ-CDCT ngày 2/4/2019 về việc thành lập tổ biên soạn CTĐT Cao đẳng liên thông nghề Kế toán**); Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT gồm nhà giáo, cán bộ quản lý GDNN, đại diện cơ quan quản lý nhà nước về GDNN, cán bộ Khoa học

kỹ thuật đại diện của doanh nghiệp, nhà giáo đang giảng dạy ở cơ sở GDNN (**4.1.03 - QĐ số 454a/QĐ-CDCT ngày 23/9/2019 về việc thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng ngành Kế toán**); Biên bản họp Hội đồng thẩm định CTĐT (**4.1.04 - Các biên bản, phiếu nhận xét, góp ý, phản biện trong xây dựng CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán**); Quyết định ban hành CTĐT từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán (**2.7.12 - QĐ số 83/QĐ-CDCT ngày 14/2/2020 về việc ban hành CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán**). Quyết định công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập các môn học của sinh viên đang học liên thông (**2.7.02 - QĐ số 1171/QĐ-CDCT ngày 31/12/2020 về việc công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập các môn học của sinh viên đang học liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng hệ chính quy nghề Kế toán khoá 2020-2020**).

Năm học 2019-2020; 2019-2020, căn cứ vào nội dung chương trình đào tạo 2019-2020, thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH cùng kết quả khảo sát từ doanh nghiệp, cụ thể với số lượng doanh nghiệp tham gia khảo sát ở năm 2018-2019, 2019-2020 lần lượt là 19 và 20 doanh nghiệp thì tất cả đều đồng ý đánh giá chương trình đào tạo ở mức đạt yêu cầu trở lên với các ý kiến “Chương trình đào tạo thiết kế đáp ứng được yêu cầu công việc, các kiến thức chuyên môn đào tạo có ích cho công việc và tỷ lệ phân bổ giữa lý thuyết và thực hành là hợp lý”, Trường tiến hành thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và thông qua cuộc họp, Hội đồng thống nhất không điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo nghề Kế toán (**1.1.14 - Biên bản ngày 03/6/2020 họp về việc điều chỉnh chương trình đào tạo**).

Năm 2019, Trường tiếp tục tiến hành điều chỉnh chương trình đào tạo thêm hướng bám sát các quy định của thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 về đảm bảo tính hợp lý giữa khối lượng giờ học lý thuyết và thực hành cho người học. Cụ thể, Trường đã ban hành chương trình đào tạo cho ngành kế toán năm học 2019-2020 (**1.1.15. QĐ số 137a/QĐ-CDCT ngày 18/04/2020 ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kế toán**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.1, tiêu chí 4: Đạt

Tiêu chuẩn 4.2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các thành viên tham gia xây dựng và thẩm định CTĐT nghề Kế toán có đủ các tiêu chuẩn theo quy định. Chương trình đào tạo của ngành kế toán năm 2019 được xây dựng với sự tham gia không chỉ của các giảng viên có nhiều kinh nghiệm chuyên môn mà còn có sự tham gia của các đơn vị sử dụng lao động. Cụ thể sau khi chương trình đào tạo được xây dựng, Trường có mời các chuyên gia trong ngành đang công tác tại các doanh nghiệp tham gia thẩm định chương trình đào tạo, từ các nhận xét, góp ý một

số nội dung cho phù hợp thực tiễn nghề nghiệp, đã được trường tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện trước khi ban hành (**4.2.01 – Lý lịch khoa học; 1.1.06 - QĐ số 302/QĐ-CDCT ngày 26/6/2019 về việc thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT nghề Kế toán**); Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo (**1.1.07 - Các biên bản, phiếu nhận xét, góp ý, phản biện trong điều chỉnh CTĐT**); Quyết định ban hành CTĐT nghề Kế toán (**1.1.08 - QĐ số 352/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành CTĐT nghề Kế toán**). CTĐT liên thông (**4.1.03 - QĐ số 628/QĐ-CDCT ngày 23/9/2019 về việc thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán**); Biên bản họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo (**4.1.04 - Các biên bản, phiếu nhận xét, góp ý, phản biện trong xây dựng CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán**); Quyết định ban hành CTĐT từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán (**2.7.12 - QĐ số 80/QĐ-CDCT ngày 14/02/2020 về việc ban hành CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.2, tiêu chí 4: Đạt

Tiêu chuẩn 4.3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp

Mô tả, phân tích, nhận định:

Theo Thông tư số 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Cụ thể, chương trình đào tạo ngành kế toán năm 2019 có tỷ lệ các giờ học mang tính chất lý thuyết chiếm tỷ lệ 40% và các giờ học thực hành chiếm tỷ lệ 60%, đảm bảo quy định của thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH. Chương trình đào tạo ngành kế toán năm 2020 được ban hành với định hướng tăng số giờ thực hành cho người học, tăng khả năng tiếp cận thực tiễn, giúp sinh viên tiếp cận nhiều hơn với nghề đã quy định khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học trong 3 năm là 95 tín chỉ (không tính môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh, Giáo dục thể chất) gồm 2.595 giờ, trong đó 782 giờ lý thuyết, chiếm tỷ lệ 30% và 1.813 giờ thực hành, kiểm tra, chiếm tỷ lệ 70%. Mục tiêu đạt được với người học sau khóa học thể hiện cụ thể ở các tiêu chí cụ thể:

Về kiến thức: Đạt được yêu cầu về ngoại ngữ như trình độ A2 trở lên với tiếng Anh hay N5 với tiếng Nhật; trình độ tin học đạt kỹ năng ứng dụng cơ bản trở lên hay có 1 trong 2 kỹ năng (word, excel) của chứng chỉ MOS; Có kiến thức về giáo dục thể chất để duy trì và rèn luyện sức khỏe, kiến thức về chính trị, pháp luật, an ninh quốc phòng; Có các kiến thức cơ bản trong các lĩnh vực liên quan như kinh tế, tài chính,... và có các kiến thức chuyên sâu về ngành kế toán.

Về kỹ năng: Đọc hiểu các văn bản chuyên ngành, giao tiếp ở mức độ cơ bản bằng tiếng Anh, Nhật; Sử dụng thành thạo các phần mềm, thiết bị văn phòng phục vụ

cho công việc chuyên ngành kế toán cũng như các công việc liên quan khác; Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành trong xử lý, giải quyết các nghiệp vụ phát sinh tại doanh nghiệp; Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành để hạch toán, lập các báo cáo kế toán, thuế theo quy định của Nhà nước; Lập kế hoạch tài chính cho doanh nghiệp.

Về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm: Có tinh thần chịu khó, trung thực, cẩn thận khi thực hiện các công việc được giao; Có tinh thần cầu tiến, học hỏi, hoàn thiện bản thân; Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả, tiến hành kiểm tra, đánh giá hiệu quả công việc.

Căn cứ các biên bản Thẩm định CTĐT nghề Kế toán cho thấy: Hội đồng thẩm định đều có ý kiến thống nhất với khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp của CTĐT nghề Kế toán do Ban chủ nhiệm biên soạn thực hiện (**1.1.07 - Biên bản, phiếu nhận xét, góp ý, phản biện trong xây dựng CTĐT; 4.1.04 - Các biên bản, phiếu nhận xét, góp ý, phản biện trong xây dựng CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán**).

Hàng năm, Trung tâm Khảo thí và Bảo đảm chất lượng xây dựng kế hoạch, phiếu khảo sát doanh nghiệp (**1.1.09 – Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020**). Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đã phối hợp cùng Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng tiến hành khảo sát doanh nghiệp bằng cách sử dụng google drive khảo sát trực tuyến các doanh nghiệp đã và đang tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp nghề Kế toán làm việc. Cụ thể số lượng doanh nghiệp khảo sát qua các năm 2018-2019, 2019-2020 và 2019-2020 lần lượt là 17, 19 và 20 với mức độ hài lòng về chất lượng của sinh viên sau khi tốt nghiệp lần lượt ở các năm trên lần lượt là 96%, 98% và 97%. (**1.1.11- Đường link (<https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-co-ban-voi-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-sau-khi-tot-nghiep-nam-hoc-2019-2020-3/>)” khảo sát doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của SVTN, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm học 2019-2020; <https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-co-ban-voi-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-sau-khi-tot-nghiep-nam-hoc-2019-2020-3/>” năm học 2019-2020; <https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-co-ban-voi-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-sau-khi-tot-nghiep-nam-hoc-2019-2020-4/>” năm học 2019-2020**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.3, tiêu chí 4: Đạt

Tiêu chuẩn 4.4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào mục tiêu GDNN, căn cứ vào kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ của người học sau khi tốt nghiệp, CTĐT được xây dựng đảm bảo tính khoa học cụ thể được thể hiện trong nội dung chi tiết từng mô đun, môn học. Cụ thể:

Theo Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 1/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường đã xây dựng tiến trình đào tạo các môn học, mô đun trong CTĐT theo từng học kỳ, năm học (phụ lục 4: Sơ đồ mối liên hệ và tiến trình đào tạo các môn học, mô đun trong CTĐT), bố trí đảm bảo sinh viên rèn luyện được kỹ năng tay nghề, đi từ cơ bản đến nâng cao, giúp sinh viên dễ dàng nắm bắt kiến thức, kỹ năng trong quá trình học (**1.1.07 - Các biên bản, phiếu nhận xét, góp ý, phản biện trong xây dựng chương trình đào tạo; 1.1.08 - QĐ số 352/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành CTĐT nghề Kế toán**).

Cụ thể, nội dung của chương trình đào tạo chi tiết theo từng môn học như sau:

Mã MH/MĐ	Tên môn học, học phần	Số tín chỉ	Thời gian (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				LT	BT/TH	KT
I	Các môn học chung	26	435	162	247	26
223008	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
226020	Pháp luật đại cương	2	30	18	10	2
229126	Tin học	3	75	15	57	3
224003 200001	Anh văn 1/ Tiếng Nhật 1	3	45	18	24	3
224004 200002	Anh văn 2/ Tiếng Nhật 2	3	45	18	24	3
224016 200003	Anh văn 3/ Tiếng Nhật 3	3	45	18	24	3
222034	Toán ứng dụng C	3	45	13	29	3
234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	75	57	13	5
Môn học Kỹ năng mềm (chọn 1 trong 3 module sau)		2	30	6	22	2
222036	Module 1		0			
	+ Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân.	2	30	6	22	2
	+ Kỹ năng dự tuyển việc làm					
	+ Kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc.					
222037	Module 2		0			
	+ Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân.	2	30	6	22	2
	+ Kỹ năng dự tuyển việc làm.					

	+ Kỹ năng thuyết trình.					
222038	Module 3		0			
	+ Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân.	2	30	6	22	2
	+ Kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc.					
	+ Kỹ năng thuyết trình.					
Môn học Giáo dục thể chất 1 tự chọn		2	30	6	22	2
234002	Bóng chuyền 1	2	30	6	22	2
234006	Bóng đá 1	2	30	6	22	2
234007	Bóng rổ 1	2	30	6	22	2
234008	Cầu lông 1	2	30	6	22	2
234009	Aerobic 1	2	30	6	22	2
Môn học Giáo dục thể chất 2 tự chọn		2	30	6	22	2
234003	Bóng chuyền 2	2	30	6	22	2
234010	Bóng đá 2	2	30	6	22	2
234011	Bóng rổ 2	2	30	6	22	2
234013	Cầu lông 2	2	30	6	22	2
234014	Aerobic 2	2	30	6	22	2
Các môn chung tự chọn		2	45	15	28	2
226026	Quản trị học	2	30	15	13	2
222013	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	30	15	13	2
225129	Kỹ năng soạn thảo trên máy tính	2	45	15	28	2
II	Các môn học chuyên môn	69	2160	620	1471	69
II.1	Môn học cơ sở	9	210	60	141	9
225015	Nguyên lý thống kê	2	45	15	28	2
225178	Nguyên lý kế toán/ Accounting Theory	3	75	15	57	3
225018	Tài chính – Tiền tệ	2	45	15	28	2
225029	Thuế	2	45	15	28	2
II.2	Môn học chuyên môn	45	1365	315	1005	45
225080	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	3	75	15	57	3
225010	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	3	75	15	57	3
225011	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	3	75	15	57	3
225160	Kế toán excel	2	60	0	58	2
225004	Kế toán máy	3	90	0	87	3
225012	Kiểm toán	2	45	15	28	2
225016	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	75	15	57	3

225082	Tài chính doanh nghiệp	3	75	15	57	3
225050	Thị trường chứng khoán	2	45	15	28	2
225100	Khai báo thuế	2	60	0	58	2
225106	Hệ thống thông tin kế toán	2	60	0	58	2
225108	Kế toán quản trị	3	75	15	57	3
225161	Kế toán quốc tế	3	75	15	57	3
225118	Chuyên đề thực tế doanh nghiệp (Kế toán)	1	45	30	14	1
225163	Kiến tập doanh nghiệp 1	1	45	30	14	1
225164	Kiến tập doanh nghiệp 2	1	45	30	14	1
225142	Chuyên đề kế toán thuế	3	120	90	27	3
225123	Thực tập tốt nghiệp (Kế toán)	5	225	0	220	5
II.3 Khóa luận tốt nghiệp (Chọn 1 trong 3 tự chọn sau)		5	225	5	215	5
Tự chọn 1		5	225	5	215	5
225037	Khóa luận tốt nghiệp (Kế toán)	5	225	5	215	5
Tự chọn 2		5	135	15	115	5
225045	Thực hành sổ sách kế toán	3	75	15	57	3
225119	Thực hành kế toán trên phần mềm	2	60	0	58	2
Tự chọn 3		5	135	15	115	5
225155	MA/FMA.Management Accounting	5	135	15	115	5
II.4	Ngoại ngữ chuyên ngành tự chọn	3	45	12	30	3
225166	Anh văn chuyên ngành (kế toán)	3	45	12	30	3
200008	Tiếng Nhật 4	3	45	12	30	3
II.5	Môn học tự chọn chuyên ngành 1	4	180	136	40	4
225156	Kế toán hành chính sự nghiệp	4	90	30	56	4
225157	FA.FFA. Financial Accounting	4	180	136	40	4
225158	Kế toán doanh nghiệp xây dựng	4	90	30	56	4
II.6	Môn học tự chọn chuyên ngành 2	3	135	92	40	3
226208	Marketing căn bản	3	75	15	57	3
225159	BT.FBT.Business and Technology	3	135	92	40	3
225086	Thanh toán quốc tế	3	75	15	57	3
TỔNG CỘNG		95	2595	782	1718	95

Tổng thời gian học cho tất cả các môn học gồm 2.595 giờ được phân bổ như sau:

- Lý thuyết gồm 782 giờ, chiếm tỷ lệ 30%
- Thực hành gồm 1.718 giờ, chiếm tỷ lệ 66%
- Thi, kiểm tra gồm 95 giờ, chiếm 4%

Trong đó, các môn học chuyên môn gồm 1.305 giờ được phân bổ như sau:

- Lý thuyết gồm 620 giờ, chiếm tỷ lệ 30%
- Thực hành gồm 1.471 giờ, chiếm tỷ lệ 67%
- Thi, kiểm tra gồm 69 giờ, chiếm 3%

Qua đó, chương trình đào tạo ngành Kế toán cho thấy đã phân bổ cho số giờ thực hành chuyên môn khá cao (70%) đúng theo quy định với trình độ cao đẳng.

Hàng năm, Trường tiến hành khảo sát, lấy ý kiến nhà giáo, HSSV và doanh nghiệp về chương trình đào tạo của trường, trong đó có ý kiến về nội dung chương trình thể hiện sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô đun, môn học hợp lý và khoa học. Cụ thể tỷ lệ giảng viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý về chương trình đào tạo ở các năm khảo sát 2018-2019, 2019-2020 và 2019-2020 lần lượt là 91%, 85% và 88%; với các sinh viên đã tốt nghiệp thì tỷ lệ đồng ý và hoàn toàn đồng ý về chương trình đào tạo đáp ứng thực tế ở các năm khảo sát 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020 lần lượt là 65%, 58% và 83%; với các doanh nghiệp tham gia khảo sát ở các năm 2018-2019, 2019-2020 và 2019-2020, tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chương trình đào tạo ở mức đạt yêu cầu trở lên chiếm tỷ lệ khá cao, lần lượt là 95%, 100% và 100% (**1.1.11** – <https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-doanh-nghiep-ve-muc-do-dap-ung-cua-svtn-chuan-dau-ra-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-2/> Đường link “<https://forms.gle/hjveKhmRicaFzXQV7>” khảo sát doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của SVTN, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm học 2019-2020; “<https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-doanh-nghiep-ve-muc-do-dap-ung-cua-svtn-chuan-dau-ra-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-2/>” năm học 2019-2020, “<https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-doanh-nghiep-ve-muc-do-dap-ung-cua-svtn-chuan-dau-ra-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020/>” năm học 2019-2020).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.4, tiêu chí 4: Đạt

Tiêu chuẩn 4.5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo có yêu cầu số lượng giờ học lý thuyết, thực hành cùng với yêu cầu chi tiết ở từng môn học. Để đạt được yêu cầu trên đòi hỏi phải đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất đào tạo theo đúng quy định của Bộ LĐ TBXH.

Tính đến tháng 10 năm 2020, Ngành kế toán hiện có 35 giảng viên cơ hữu, các giảng viên đều có bằng từ đại học trở lên, trong đó có 03 tiến sĩ, 30 thạc sĩ, 02 cán bộ quản lý và 01 nhân viên (**3.1.01 - Danh sách trích ngang giảng viên khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng**).

Căn cứ vào tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ theo thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH và thông tư 21/2020/TT-BLĐTBXH thì tất cả giảng viên đều có chứng chỉ về ngoại ngữ, tin học; chứng chỉ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng. Như vậy 100% nhà giáo tham gia giảng dạy nghề Kế toán đều đạt chuẩn theo quy định. Hàng năm, Khoa đều có thực hiện đánh giá trình độ giảng viên theo Thông tư 08/2017/TT-BLĐTBXH (**3.1.02 - Hồ sơ giảng viên khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng; 3.1.03 - Báo cáo kết quả đánh giá trình độ giảng viên khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng theo Thông tư 08 năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.5, tiêu chí 4: Đạt

Tiêu chuẩn 4.6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các môn học của chương trình đào tạo

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các quy định trong chương trình đã đảm bảo tuân thủ đúng quy chế thi kiểm tra của Trường và quy chế thi, kiểm tra qui định theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (**1.1.08 - QĐ số 352/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 về việc ban hành CTĐT nghề Kế toán; 2.7.12 - QĐ số 83/QĐ-CDCT ngày 14/2/2020 về việc ban hành CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán; 4.6.01 - Biên bản họp góp ý sự phù hợp phương pháp đánh giá kết quả học tập, mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học**).

Người học cần đạt được các tín chỉ bắt buộc và tự chọn để tốt nghiệp. Các điều kiện tiên quyết và các quy định về hình thức đánh giá đều được quy định cụ thể, chi tiết trong các chương trình chi tiết từng môn học, cụ thể như sau:

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
1	Giáo dục chính trị	- Hiểu và trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam	Tự luận	90 phút	Thảo luận, nghiên cứu thực tiễn để báo cáo

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay; nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt - Vận dụng được các kiến thức đã học về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội và các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. - Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.			
2	Pháp luật đại cương	- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam; Phân tích được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự, phòng chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng - Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ	Trắc nghiệm	60 phút	Thuyết trình, đàm thoại, thảo luận nhóm, báo cáo đề tài nhóm

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam; Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự, phòng chống tham nhũng và bảo vệ người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày - Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối liên hệ liên quan đến các nội dung đã học, phù hợp với các quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội			
3	Tin học	- Trình bày và giải thích được được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet - Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, mạng máy tính; phân loại phần mềm; lập trình; phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở; Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức,	Thực hành trên máy	90 phút	Thuyết trình, đàm thoại, làm mẫu, giao bài tập

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in; Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản hành chính theo đúng quy định về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính các bài toán thực tế; Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu được các nội dung cần thiết; Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin và một số dạng truyền thông số thông dụng; Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin; Thực hiện đúng các quy định về an toàn bảo mật thông tin; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin. - Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời			

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		sống, học tập và nghề nghiệp; Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.			
4	Anh văn 1	- Trình bày được cấu trúc, cách sử dụng các thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn và các cấu trúc câu cơ bản trong tiếng Anh; Nhận định được cách sử dụng các định lượng từ, cụm động từ, thành ngữ và thể mệnh lệnh cách; Mở rộng được vốn từ vựng về ngoại hình, tính cách, thể thao, thói quen, sức khỏe, công việc nhà; Nhận dạng được các hình thức phát âm như dạng rút gọn âm, nối âm, âm câm; Phân biệt được các ngữ điệu khác nhau trong các dạng câu yêu cầu, đề nghị, câu hỏi Yes/No và câu hỏi bắt đầu bằng <i>Wh</i>. - Nghe hiểu được những từ, cụm từ đơn giản ở cấp độ sơ cấp, liên quan các chủ đề thường gặp hằng ngày như về gia đình, bản thân, giải trí, thể thao, sức khỏe; Nghe được nội dung chính trong các đoạn hội thoại. - Phát âm rõ ràng, chính xác từ và nhóm từ liên quan chủ đề gia đình, bản thân, giải trí, thể thao, sức khỏe; Giao	Trắc nghiệm và tự luận (50%); Vấn đáp (50%)	90 phút (TN và TL)	Thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		tiếp được một cách dễ dàng thông qua những hội thoại ngắn trong những tình huống giao tiếp xác định; Nói được ngắn gọn những thông tin đã được chuẩn bị trước về một chủ đề quen thuộc thường ngày liên quan đến sở thích, ngoại hình, tính cách, sức khỏe, công việc nhà; Sử dụng được các mẫu câu chào hỏi và trả lời những lời đề nghị, xin lỗi, cảm ơn trong đời sống hàng ngày. - Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết thông qua các bài đọc có liên quan các chủ đề giới thiệu bạn bè, thời gian rảnh rỗi; các mẫu tin mô tả sự kiện, sức khỏe và các mẫu nhà khác nhau. - Viết được các mệnh đề, câu đơn hoàn chỉnh, đúng ngữ pháp và nội dung phù hợp; Sử dụng được những từ, cụm từ hay những câu đơn giản để viết về gia đình, bản thân, sở thích, ngôi nhà ước mơ trong tương lai. - Phát triển kỹ năng tự học, làm việc nhóm, thảo luận, và trình bày trước lớp; Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ chuẩn bị bài học theo hướng dẫn của giảng viên, đọc trước các chương, bài của bài giảng & soạn từ vựng trước khi lên			

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		lớp; Hình thành nhận thức đúng đắn về vai trò của tiếng Anh trong việc phát triển nghề nghiệp trong tương lai.			
5	Anh văn 2	- Trình bày được cấu trúc, cách sử dụng thì hiện tại hoàn thành, các mẫu câu cơ bản trong tiếng Anh như hỏi-đáp, mặc cả giá, cách gọi món trong nhà hàng, hỏi xin ý kiến, diễn đạt khi đón nhận tin tốt/xấu; Nhận định được cách sử dụng cấu trúc so sánh hơn, đại từ xác định và động từ khiếm khuyết; Mở rộng được vốn từ vựng về trang phục quần áo, các loại thức ăn, đồ uống, các thể loại nhạc, phim và mục tiêu của bản thân; Nhận dạng được các hình thức phát âm như nhấn âm, nhấn câu, dạng rút gọn âm, nối âm. - Nghe hiểu được những từ, cụm từ đơn giản ở cấp độ sơ cấp, liên quan tới các chủ đề hằng ngày như trang phục quần áo, các loại thức ăn, đồ uống, các thể loại nhạc, phim, mục tiêu của bản thân; Nghe hiểu được nội dung chính trong các đoạn hội thoại. - Phát âm rõ ràng, chính xác từ và nhóm từ liên quan chủ đề mua sắm, nhà hàng, giải trí và mục tiêu trong cuộc sống; Giao tiếp được một	Trắc nghiệm và tự luận (50%); Vấn đáp (50%)	90 phút (TN và TL)	Thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		cách dễ dàng bằng những hội thoại ngắn trong những tình huống giao tiếp xác định; Nói được ngắn gọn những thông tin đã được chuẩn bị trước về một chủ đề quen thuộc thường ngày liên quan đến trang phục quần áo, các loại thức ăn, đồ uống, các thể loại nhạc, phim, mục tiêu của bản thân; Trả lời được những câu hỏi trực tiếp liên quan chủ đề trang phục, các loại thức ăn, đồ uống, các thể loại nhạc, phim và mục tiêu của bản thân; Sử dụng được các mẫu câu trả giá khi đi mua sắm, kiểm tra thông tin, gọi món ăn trong nhà hàng, cho lời khuyên, gợi ý trong cuộc sống hàng ngày. - Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết thông qua các bài đọc có liên quan các chủ đề phiên chợ cuối tuần, nhà hàng, ẩm thực, siêu sao, ước mơ cá nhân. - Viết được các mệnh đề, câu đơn, câu ghép hoàn chỉnh về ngữ pháp và có nội dung phù hợp; Viết được một đoạn văn miêu tả ngắn (35 -50 từ) về nơi mua sắm, ca sĩ, nhà hàng yêu thích hoặc một ước mơ. - Phát triển kỹ năng tự học, làm việc nhóm, thảo luận, và trình bày trước lớp;			

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		Có ý thức thực hiện đầy đủ nhiệm vụ chuẩn bị bài học theo hướng dẫn của giảng viên, đọc trước các chương, bài của bài giảng & soạn từ vựng trước khi lên lớp; Hình thành nhận thức đúng đắn về vai trò của tiếng Anh trong việc phát triển nghề nghiệp trong tương lai.			
6	Anh văn 3	- Mở rộng được vốn từ vựng, mẫu câu về các chủ đề trong công sở như chào hỏi, giới thiệu về công việc, trò chuyện trên điện thoại, lịch trình công việc, đặt chỗ trước cho chuyến bay, nhà hàng và khách sạn; Phân biệt được các ngữ điệu khác nhau trong các tình huống giao tiếp cụ thể. - Phát âm rõ ràng, chính xác từ và nhóm từ liên quan chủ đề trong công sở như chào hỏi, giới thiệu về công việc, trò chuyện trên điện thoại, lịch trình công việc, đặt chỗ trước cho chuyến bay, nhà hàng và khách sạn; Nghe được nội dung chính trong các đoạn hội thoại; Truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn; Giao tiếp được một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề như chào hỏi, giới thiệu công việc, trò chuyện trên điện	Trắc nghiệm và tự luận (50%); Vấn đáp (50%)	90 phút (TN và TL)	Thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		thoại, lịch trình công việc, đặt chỗ trước cho chuyến bay, nhà hàng và khách sạn. - Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp; Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.			
7	Toán ứng dụng C	- Trình bày được khái niệm về hàm số một biến, hàm số nhiều biến; Nêu được đạo hàm của một số hàm cơ bản, các phép tính đạo hàm và công thức vi phân hàm một biến, hai biến; Mô tả được các bước tìm cực trị hàm hai biến; Nêu được nguyên hàm của các hàm cơ bản và các phương pháp tính tích phân hàm một biến; Trình bày được các phép toán trên ma trận, phương pháp tìm hạng của ma trận, cách tìm ma trận nghịch đảo và các bước giải hệ phương tuyến tính; Trình bày được cách đưa bài toán qui hoạch tuyến tính dạng tổng quát về dạng chuẩn - Thiết lập được hàm số từ một số bài toán thực tế; Tìm được đạo hàm và vi phân hàm một biến, hai	Tự luận	90 phút	Thuyết trình, đàm thoại, chia nhóm, giao bài tập thảo luận

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		biến; Tìm được cực trị hàm hai biến; Tính được tích phân và vận dụng tích phân giải quyết một số bài toán thực tế; Thực hiện được các phép toán trên ma trận; Tính được định thức; Tìm được ma trận nghịch đảo; Tìm được hạng của ma trận; Giải được hệ phương trình tuyến tính; Lập được mô hình toán học của bài toán thực tế, giải được bài toán quy hoạch tuyến tính bằng phương pháp hình học, phương pháp đơn hình - Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm; Có ý thức độc lập, tự chủ trong học tập, nghiên cứu khoa học; Nhận thức được tầm quan trọng của môn học là kiến thức nền tảng để học tốt các môn chuyên ngành			
8	Giáo dục QP An Ninh	- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam; Trình bày được những nội dung cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; Trình bày được một số vấn đề cơ bản về dân tộc	Trắc nghiệm	90 phút	Thuyết trình, đàm thoại, chia nhóm, thảo luận

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		và tôn giáo, bảo vệ an ninh quốc gia, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng; Nhận thức được tầm quan trọng và vai trò của công dân trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Giải thích được các nội dung, nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh; Trình bày được nội dung cách thực hành các động tác của từng người trong đội ngũ đơn vị; tác dụng, tính năng, cấu tạo của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; lý thuyết bắn, các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả bắn; tính năng, cấu tạo và quy tắc sử dụng lựu đạn; kỹ thuật băng bó cấp cứu trong một số tình huống. - Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay; Xác định được các nhiệm			

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		vụ về xây dựng lực lượng vũ trang quân chúng, xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; Nhận biết và giải thích được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo, bảo vệ an ninh quốc gia, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; Thực hiện tốt đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng; thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ của công dân trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Thực hiện đúng động tác tháo và lắp súng thông thường; động tác bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC và một số loại vũ khí khác; động tác ném lựu đạn được xa, đúng hướng; động tác băng bó và cấp cứu; động tác đội ngũ đơn vị làm cơ sở vận dụng trong học tập quân sự và các hoạt động khác trong nhà trường. - Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá đối với Việt Nam hiện nay; Xác định rõ quyền lợi và nghĩa vụ của công dân trong xây dựng lực lượng vũ trang nhân			

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; Có ý thức trách nhiệm trong việc chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; xây dựng phát triển kinh tế, tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh; Tích cực tham gia các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tham gia công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội.			
9	Module 1	- Trình bày được khái niệm và vai trò của kỹ năng mềm (KNM) trong công việc cũng như trong cuộc sống; Trình bày được khái niệm và vai trò của Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân, Kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc, Kỹ năng dự tuyển việc làm; Trình bày được các nguyên tắc trong giao tiếp nói chung và giao tiếp tại nơi làm việc nói riêng; Trình bày được các kỹ năng cơ bản trong giao tiếp tại nơi làm việc, rào cản và cách khắc phục; Liệt kê được các yêu cầu cơ bản của chuẩn bị hồ sơ tìm việc, về phỏng vấn tuyển dụng. - Nhận diện được ưu	Tự luận	60 phút	Thuyết trình, đàm thoại, chia nhóm, thảo luận

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		điểm, nhược điểm của bản thân. Từ đó, đưa ra được giải pháp để phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm; Xây dựng được hình ảnh cá nhân để tạo sự tự tin cho bản thân và tạo ấn tượng với người khác; Xử lý phù hợp và hiệu quả các tình huống giao tiếp xảy ra ngay trong lớp; Xử lý phù hợp và hiệu quả các tình huống thường gặp trong giao tiếp tại nơi làm việc; Viết được hồ sơ/CV dự tuyển việc làm cũng như tạo được tâm lý tốt cho buổi phỏng vấn; Trả lời tốt câu hỏi mà nhà tuyển dụng thường hỏi. - Hình thành nhận thức đúng đắn về vai trò của KNM trong việc phát triển bản thân và nghề nghiệp trong tương lai, từ đó có kế hoạch rèn luyện KNM; Có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao trong quá trình học tập; Có ý thức độc lập, tự chủ trong học tập, nghiên cứu khoa học.			
10	Cầu lông 1	- Sinh viên hiểu và trình bày được ý nghĩa, tác dụng của môn cầu lông đối với sự phát triển thể chất của con người; Trình bày được những kỹ thuật, chiến thuật thi đấu cơ bản trong môn cầu lông; Trình bày được luật và phương pháp thi đấu	Thực hành	Đánh giá từng cá nhân	Thuyết trình, đàm thoại, làm mẫu, chia nhóm

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		đơn. - Thực hiện được kỹ thuật mức cơ bản: cách cầm vợt, tư thế chuẩn bị, giao nhận cầu, phương pháp di chuyển ngang, dọc sân, kỹ thuật đánh cầu thuận và trái tay. Có thể dùng các kỹ thuật đánh quả cầu vào một khu vực qui định; Tổ chức nhóm tập luyện các nội dung các kỹ thuật cầu lông nội khóa và ngoại khóa; Tự tập được các bài tập phát triển các tố chất thể lực nhanh mạnh, bền, mềm dẻo và khả năng phối hợp vận động. - Có ý thức tự giác tập luyện, xác định được động cơ học tập đúng đắn phát triển thể lực chuyên môn. Xây dựng được lối sống lành mạnh, yêu thích học tập và rèn luyện thể thao, phát triển một cách toàn diện về thể lực và trí lực; Tuân thủ các bước thực hiện một buổi tập luyện: trước tập luyện (khởi động), trong tập luyện (tránh chấn thương) và sau tập luyện (thả lỏng và hồi tĩnh, dinh dưỡng và nghỉ ngơi); Thường xuyên tra cứu tài liệu, tìm hiểu nội dung, phương pháp, luật.			
11	Cầu lông 2	- Sinh viên trình bày được ý nghĩa ,tác dụng của môn cầu lông đối với sự phát triển thể chất của con	Thực hành	Đánh giá từng cá nhân	Thuyết trình, đàm thoại, làm mẫu, chia nhóm

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		người; Trình bày được những kỹ thuật nâng cao của môn cầu lông cũng như chiến thuật thi đấu đôi trong môn cầu lông; Trên cơ sở đó tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân để học tập và công tác tốt. - Thực hành được một số kỹ thuật nâng cao của môn cầu lông như:(kỹ thuật phát cầu cao sâu, kỹ thuật bỏ nhỏ trên lưới,kỹ thuật đập cầu,đánh cầu ngang vai trái và phải...); Có khả năng tự tìm kiếm tài liệu liên quan đến môn học và thực hiện được các nội dung của tài liệu. Có khả năng thực hiện nhóm để tổ chức tập luyện các nội dung liên quan đến môn học; Phát triển các tố chất thể lực mạnh, nhanh, bền, mềm dẻo và khả năng phối hợp vận động. -Nhận thức và thực hiện có ý thức tự giác tập luyện, xác định được động cơ học tập đúng đắn phát triển thể lực chuyên môn. Xây dựng được lối sống lành mạnh, yêu thích học tập và rèn luyện thể thao, phát triển một cách toàn diện về thể lực và trí lực; Hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hằng ngày; Có khả năng tự tìm kiếm tài liệu liên quan đến			

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		môn học và thực hiện được các nội dung của tài liệu. Có khả năng thực hiện nhóm để tổ chức tập luyện các nội dung liên quan đến môn học; Xây dựng được lối sống lành mạnh, yêu thích học tập và rèn luyện thể thao, phát triển một cách toàn diện về thể lực và trí lực.			
12	Kỹ năng soạn thảo trên máy tính	- Nhận diện được thể thức và kỹ thuật soạn thảo văn bản; Mô tả được cách thức soạn thảo văn bản hành chính, văn bản kinh tế, hợp đồng, công văn...; Trình bày được nội dung của thư thương mại điện tử. - Soạn thảo được các mẫu công văn, thông báo, hợp đồng, quyết định...; Lập, nhận, gửi thư thương mại điện tử. - Nâng cao ý thức trách nhiệm về vai trò của người soạn thảo văn bản đối với doanh nghiệp và các cơ quan hữu quan; Hình thành niềm say mê, đạo đức nghề nghiệp của một nhân viên hành chính văn phòng.	Thực hành trên máy	60 phút	Diễn giảng, làm mẫu, giao bài tập
13	Nguyên lý thống kê	- Nhận diện được bản chất của thống kê kinh tế; Mô tả được các nguyên tắc, căn cứ vận dụng các chỉ tiêu thống kê; Mô tả được vai trò, mối quan hệ giữa các chỉ số kinh tế. - Hình thành và phát triển năng lực phân	Tự luận	60 phút	Thuyết trình, thảo luận, chia nhóm

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		tích, ra quyết định; Người học vận dụng các phương pháp và phân tích dữ liệu, làm cơ sở cho việc ra quyết định trong quản lý, bao gồm các phương pháp thu thập và trình bày dữ liệu, mô tả dữ liệu và định lượng, các phương pháp thống kê suy diễn, phân tích số liệu theo chuỗi thời gian; Người đọc sử dụng thành thạo các phần mềm trong xử lý số liệu (excel, spss), đọc được các kết quả từ phần mềm cung cấp, phục vụ cho việc ra quyết định, hoạch định chiến lược; Phân tích và tổng hợp được các thông tin mã hóa danh mục khách hàng, nhà cung cấp; Tổng hợp, tính toán được các số liệu công nợ phát sinh năm báo cáo; Lập được các báo cáo thống kê để so sánh đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh ở các bộ phận của doanh nghiệp. - Nâng cao ý thức trách nhiệm về vai trò của người học trong giai đoạn mới, chủ động thích ứng với mọi biến động trong nền kinh tế hiện nay; Hình thành niềm say mê nghề nghiệp, tinh thần không ngừng học hỏi, tích cực đối với môn học.			
14	Nguyên lý kế toán/	- Nhận diện được các	Tự luận	90 phút	Thuyết trình,

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
	Accounting Theory	đối tượng kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết; Trình bày được khái niệm về tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng; Khái niệm, kết cấu, và nội dung của: tài khoản và ghi sổ kép; Cách ghi chép, phân loại định khoản; Trình bày được khái niệm về hàng tồn kho; Phân biệt được các đối tượng kế toán trong hàng tồn kho; Mô tả được các yêu cầu về quản lý công nợ của khách hàng, nhà cung cấp; Trình bày được nguyên tắc mở sổ, ghi sổ và khóa sổ kế toán; Vận dụng được các hình thức kế toán phù hợp với doanh nghiệp; Vận dụng và xây dựng được quy trình kế toán phù hợp với quy mô của doanh nghiệp; Trình bày được các quy định cụ thể về lưu trữ hồ sơ, chứng từ kế toán theo quy định; Giải thích được các quy định về thời gian lưu trữ chứng từ và sổ kế toán; Trình bày được quy định về xử lý hành chính về vi phạm chế độ bảo quản lưu trữ chứng từ kế toán. - Mở sổ, ghi sổ và khóa sổ kế toán, đối chiếu số liệu; Khai báo số dư ban đầu các tài khoản kế toán; Sửa chữa, bảo quản và lưu trữ được chứng từ kế toán. - Thấy rõ tầm quan			đàm thoại, đặt vấn đề

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		trọng của môn học, từ đó nâng cao ý thức tự học, nâng cao ý thức trách nhiệm về vai trò và nhiệm vụ của người kế toán; Tuân thủ luật kế toán và các chuẩn mực kế toán Việt Nam; Rèn luyện tính tự học và tìm kiếm thông tin có liên quan về kế toán, cụ thể: Chuẩn mực kế toán, Thông tư,...; Nhận thức được tầm quan trọng của môn học là kiến thức nền tảng để học tốt các môn chuyên ngành.			
15	Tài chính – Tiền tệ	-Áp dụng đúng các thuật ngữ tài chính – tiền tệ, nhất là những thuật ngữ gắn liền với các hoạt động kinh tế diễn ra hàng ngày như tài chính, tiền tệ, hệ thống tài chính, tín dụng, lãi suất, thị trường tài chính; Giải thích một cách cơ bản hoạt động tài chính của các chủ thể tài chính trong hệ thống tài chính. Hiểu rõ sự luân chuyển nguồn lực tài chính giữa các chủ thể tài chính; Phân tích được khái niệm, đặc điểm, vai trò và nội dung của ngân sách nhà nước và chính sách tài khóa; Phân tích được khái niệm lạm phát, nguyên nhân và các biện pháp kiểm soát lạm phát; Phân tích được khái niệm, bản chất của tín dụng; khái niệm và các loại lãi suất; Phân tích	Trắc nghiệm hay tự luận	90 phút	Thuyết trình, đàm thoại, đặt vấn đề, chia nhóm, giao đề tài

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		được mối quan hệ giữa tiền tệ, tín dụng, lãi suất và thị trường tài chính; Phân tích được khái niệm, đặc điểm, chức năng của các trung gian tài chính, phân tích điểm giống nhau và khác nhau giữa ngân hàng thương mại và các định chế tài chính phi ngân hàng. - Vận dụng những kiến thức đã học vào phân tích tình hình tài chính, kinh tế; Áp dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu các môn chuyên ngành tài chính và một số môn kinh tế khác; Phát triển khả năng thu thập xử lý thông tin; tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề tài chính tiền tệ; Vận dụng biểu đồ, đồ thị, sơ đồ khối, mô hình toán đơn giản để mô tả, giải thích các hiện tượng hay sự kiện tài chính – tiền tệ. - Phát triển tinh thần làm việc nhóm và tự học tại nhà; Xác định ý thức đúng đắn trong việc đánh giá tầm quan trọng của tài chính trong sự phát triển kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước; Xây dựng kiến thức, nhận thức được tầm quan trọng của môn học là kiến thức nền tảng để học tốt các môn chuyên ngành.			

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
16	Thuế	- Trình bày được các loại thuế và phương pháp tính thuế: Thuế XNK, thuế TTĐB, thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN,...; Đọc và trình bày được các văn bản quy định về các loại thuế: Thuế XNK, thuế TTĐB, thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN...; Giải thích và vận dụng được các văn bản quy định về kê khai và nộp các loại thuế; Trình bày được các đối tượng chịu thuế. - Tính được thuế của từng loại thuế cụ thể: thuế GTGT, thuế XNK, thuế TTĐB, thuế TNDN, thuế TNCN; Lập được các báo cáo liên quan đến các loại thuế như báo cáo thuế giá trị gia tăng, báo cáo thuế thu nhập doanh nghiệp, báo cáo thuế thu nhập cá nhân; Xử lý được các chứng từ ghi nhận thiếu thông tin, sai thông tin, những thiếu sót khi ghi nhận các khoản mục thuế, khấu trừ thuế, hoàn thuế; Xác định được các khoản mục chi phí hợp lệ và không hợp lệ trong quá trình tính toán, kê khai các loại thuế. - Nâng cao được ý thức về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc kê khai nộp thuế cho nhà nước; Ý thức được trách nhiệm, vai trò	Tự luận hay trắc nghiệm	90 phút	Thuyết trình, thảo luận, giao bài tập

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		của người làm thuế trong nền kinh tế; Có thái độ học tập và nghiên cứu nghiêm túc.			
17	Kế toán tài chính DN 1	- Liệt kê được các loại chứng từ kế toán liên quan đến tiền mặt, tiền gửi ngân hàng; Mô tả nội dung phản ánh trên sổ chi tiết, sổ tổng hợp tiền mặt, tiền gửi ngân hàng; Trình bày được khái niệm về tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng; Trình bày được nguyên tắc kế toán vốn bằng tiền; Trình bày nội dung phản ánh trên biên lai, hóa đơn chứng từ theo luật định; Trình bày được yêu cầu và phương pháp kiểm tra, tổng hợp số liệu tiền mặt và tiền gửi ngân hàng; Trình bày được nội dung và phương pháp lập báo cáo thanh toán; Trình bày được khái niệm về hàng tồn kho; Trình bày được nguyên tắc kế toán hàng tồn kho; Liệt kê và trình bày được nội dung các chứng từ kế toán hàng tồn kho; Mô tả nội dung phản ánh trên sổ chi tiết, sổ tổng hợp hàng tồn kho; Trình bày được yêu cầu và nguyên tắc quản lý hàng tồn kho; Mô tả được nội dung phản ánh trên sổ kế toán hàng tồn kho và thẻ kho; Trình bày được yêu cầu, nội dung và phương pháp kiểm	Tự luận	90 phút	Thuyết trình, đàm thoại, chia nhóm, giao bài tập thảo luận nhóm

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán, thẻ kho và thực tế; Trình bày được phương pháp kiểm kê hàng tồn kho; Mô tả được phương pháp kế toán trong xử lý chênh lệch khi kiểm kê hàng tồn kho; Trình bày được yêu cầu và phương pháp kiểm tra, tổng hợp số liệu hàng tồn kho; Nhận diện được báo cáo thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, công nợ, doanh thu, chi phí, tiền lương; Phân biệt được các loại chứng từ, tài liệu liên quan đến từng phần hành kế toán. - Lập được các chứng từ kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng theo đúng chế độ chuẩn mực kế toán Việt Nam; Ghi nhận được chính xác các thông tin kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng vào các sổ chi tiết, sổ tổng hợp theo đúng chuẩn mực kế toán; Kiểm tra và phân tích được tính chính xác của số liệu của kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng; Lập được các chứng từ kế toán hàng tồn kho theo đúng chế độ chuẩn mực kế toán Việt Nam; Ghi nhận được chính xác các thông tin kế toán hàng tồn kho vào các sổ chi tiết, sổ tổng hợp theo đúng chuẩn mực kế toán; Ghi nhận được chính xác các nghiệp			

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		vụ hàng tồn kho vào sổ kế toán, thẻ kho; Xử lý, lập được chứng từ kế toán khi phát sinh chênh lệch kiểm kê; Ghi nhận được chính xác nghiệp vụ xử lý chênh lệch kiểm kê vào sổ chi tiết, sổ tổng hợp; Kiểm tra được tính chính xác của số liệu của kế toán hàng tồn kho; Kiểm tra, đối chiếu được số liệu giữa chứng từ và sổ công nợ; Lập được chứng từ kế toán liên quan đến từng phần hành kế toán. - Rèn luyện thái độ học tập khoa học và nghiêm túc; Gia tăng lòng yêu nghề kế toán, ham học hỏi công việc kế toán, chủ động tìm tòi, cập nhật các quyết định, thông tư, công văn có liên quan đến ngành nghề của mình.			
18	Kế toán tài chính DN 2	- Trình bày được khái niệm, nhiệm vụ, vai trò của kế toán thuế; Trình bày được các nghiệp vụ kế toán thuế; Trình bày được các dạng sổ kế toán theo quy định; đặc biệt các sổ phục vụ cho việc ghi nhận các nghiệp liên quan trực tiếp các khoản mục thuế của doanh nghiệp; Trình bày được phương pháp ghi nhận các nghiệp vụ kế toán thuế vào sổ kế toán; Mô tả được nội dung các nghiệp vụ kế toán	Tự luận	90 phút	Thuyết trình, đàm thoại, chia nhóm, giao bài tập thảo luận nhóm

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		thuế; Kiểm tra đối chiếu các số liệu thuế trong nội bộ doanh nghiệp cũng như giải thích chi tiết các khoản mục ghi nhận về thuế; Mô tả được trình tự lập hồ sơ lưu trữ kế toán thuế; Nhận diện được các biểu mẫu sổ kế toán thuế và báo cáo thuế; Trình bày được ý nghĩa, cách lập báo cáo đối chiếu công nợ theo mẫu quy định của kế toán, doanh nghiệp; Xử lý được các nghiệp vụ kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết Nhận diện được báo cáo thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, công nợ, doanh thu, chi phí, tiền lương; Phân biệt được các loại chứng từ, tài liệu liên quan đến từng phần hành kế toán. - Hạch toán các nghiệp vụ kế toán thuế đúng quy định của chế độ kế toán; Lập được các sổ sách kế toán thuế và ghi nhận các nghiệp thuế vào sổ kế toán chi tiết và tổng hợp; Ghi nhận được chính xác các nghiệp quyết toán thuế vào sổ kế toán chi tiết và tổng hợp; Ghi nhận được chính xác các nghiệp quyết toán thuế vào sổ kế toán chi tiết và tổng hợp; Lập được chứng từ kế toán liên quan đến từng phần hành kế toán; Định khoản được các nghiệp vụ kinh tế			

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		phát sinh vào sổ sách kế toán. - Rèn luyện thái độ học tập khoa học và nghiêm túc; Gia tăng lòng yêu nghề kế toán, ham học hỏi công việc kế toán, chủ động tìm tòi, cập nhật các quyết định, thông tư, công văn có liên quan đến ngành nghề của mình.			
19	Kế toán tài chính DN 3	- Mô tả được chế độ khách hàng, nhà cung cấp tại doanh nghiệp; Tính toán, tổng hợp số liệu công nợ khách hàng, nhà cung cấp theo quy định kế toán, doanh nghiệp; Giải thích được ý nghĩa của các chỉ tiêu trên bảng tổng hợp công nợ, khả năng đối chiếu với số cái tài khoản kế toán; Trình bày được cách thức tính các chỉ tiêu về hạn mức nợ, thời hạn nợ; Nhận diện được báo cáo thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, công nợ, doanh thu, chi phí, tiền lương; Trình bày được các báo cáo về tình hình thu hồi, cần trừ công nợ cho nhà quản lý doanh nghiệp; Trình bày được khái niệm, nguyên tắc, phương pháp lập báo cáo tài chính; Phân biệt được các loại chứng từ, tài liệu liên quan đến từng phần hành kế toán. - Tính toán, tổng hợp được số liệu chính	Tự luận	90 phút	Thuyết trình, đàm thoại, chia nhóm, giao bài tập thảo luận nhóm

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		xác từng khách hàng, nhà cung cấp; Tính toán và lập được bảng tổng hợp công nợ khách hàng, nhà cung cấp; Lập được chứng từ kế toán liên quan đến từng phần hành kế toán; Định khoản được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ sách kế toán; Tổng hợp, tính toán được số liệu công nợ phát sinh năm báo cáo; Lập được báo cáo kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết Lập, đọc và phân tích được báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính. - Có tinh thần làm việc nhóm; Hình thành nhận thức về vai trò của kế toán trong doanh nghiệp; Nhận thức được tầm quan trọng của môn học là kiến thức cơ bản để phục vụ cho nghề nghiệp sau này.			
20	Kế toán excel	- Khai báo số dư ban đầu của các tài khoản; Sử dụng thành thạo phần mềm excel để lập các bảng kê chứng từ, công văn; Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán excel để lập các chứng từ của các phần hành kế toán; Sử dụng thành thạo phần mềm Word, Excel để tổng hợp, trích xuất số liệu lập các báo cáo,	Thực hành trên máy	60 phút	Thuyết trình, làm mẫu, chia nhóm

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		sổ sách kế toán; Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán excel để tổng hợp, lập các báo cáo thuế, báo cáo tài chính tại doanh nghiệp. - Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán để nhập liệu thông tin các danh mục chi tiết tại doanh nghiệp; Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán để lập các chứng từ của các phần hành kế toán; Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán để tổng hợp, trích xuất dữ liệu lập các báo cáo quản trị; Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán để tổng hợp, lập các báo kế toán, báo cáo tài chính. - Nâng cao ý thức trách nhiệm về vai trò của người kế toán đối với doanh nghiệp và các cơ quan hữu quan; Hình thành niềm say mê, đạo đức nghề nghiệp của một kế toán viên; Nhận thức được tầm quan trọng của môn học là kiến thức chuyên ngành giúp sinh viên tiếp cận nhanh với công việc thực tế khi đi thực tập cũng như đi làm sau khi ra trường.			
21	Kế toán máy	-Nhận diện được một phần mềm kế toán phù hợp cho doanh nghiệp; Tổng hợp, mã hóa thông tin các danh mục trên phần mềm kế toán; Liệt kê được các loại chứng từ kế toán liên quan	Thực hành trên máy	90 phút	Thuyết trình, làm mẫu, chia nhóm

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		từng phần hành kế toán; Nhận diện được trình tự ghi nhận nghiệp vụ của các phần hành kế toán trên phần mềm kế toán; Mô tả được cách thức ghi nhận các sổ sách kế toán trong doanh nghiệp; Trình bày được cách lập các báo cáo tài chính trong doanh nghiệp. - Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán để nhập liệu thông tin các danh mục chi tiết tại doanh nghiệp; Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán để lập các chứng từ của các phần hành kế toán; Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán để tổng hợp, trích xuất dữ liệu lập các báo cáo quản trị; Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán để tổng hợp, lập các báo kế toán, báo cáo tài chính. - Nâng cao ý thức trách nhiệm về vai trò của người kế toán đối với doanh nghiệp và các cơ quan hữu quan; Hình thành niềm say mê, đạo đức nghề nghiệp của một kế toán viên.			
22	Kiểm toán	- Nhận diện được khái niệm, bản chất kiểm toán báo cáo tài chính tại doanh nghiệp; Mô tả được các nguyên tắc xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ đối với công tác kiểm toán; Trình bày được các nguyên tắc cơ bản	Tự luận hay trắc nghiệm	60 – 90 phút	Thuyết trình, thảo luận, giao bài tập, chia nhóm

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		trong kiểm toán và ý nghĩa của chúng đối với việc thực hiện kiểm toán; Liệt kê được các phương pháp và kỹ thuật kiểm toán, quy trình kiểm toán, các loại ý kiến kiểm toán; Giải thích được quy trình kiểm toán nội bộ về kiểm duyệt khách hàng. -Hình thành và phát triển kỹ năng cơ bản để phân tích, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp; Vận dụng các kỹ thuật của kiểm toán để thực hiện kiểm tra đối chiếu số liệu kế toán; Tiếp cận công việc kiểm toán, có thể tìm hiểu sâu hơn về kiểm toán khi có nhu cầu; Kiểm tra được tính hợp lệ, chính xác của các chứng từ kế toán đã lập; Kiểm tra và ghi nhận được thông tin công nợ đúng chế độ quy định; Kiểm tra và phân loại được chính xác các loại chứng từ kế toán. -Có tinh thần làm việc nhóm và khả năng thuyết trình trước lớp; Nâng cao được ý thức trách nhiệm về vai trò của người kế toán trong giai đoạn mới, chủ động thích ứng với mọi biến động trong nền kinh tế hiện nay; Nhận thức được tầm quan trọng của môn học là kiến thức nền tảng để khi tốt nghiệp có thể làm			

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		việc tại các doanh nghiệp kiểm toán; Rèn kỹ năng làm việc cẩn thận và trung thực của kiểm toán.			
23	Phân tích HĐKD	- Xác định được đối tượng và cơ sở để phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; Trình bày được các phương pháp và kỹ thuật ứng dụng trong phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; Trình bày được các bước thực hiện khi phân tích hoạt động kinh doanh; Trình bày được các bước tính và lập các báo cáo thống kê công nợ, phân tích công nợ; Trình bày được ý nghĩa các chỉ tiêu trên các báo cáo thống kê và phân tích công nợ. - Vận dụng được các phương pháp phân tích để phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; Lập, đọc và phân tích được báo cáo tình hình thanh toán; Phân tích và đánh giá được các nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh; Đánh giá được những ảnh hưởng tốt, không tốt và đề xuất các giải pháp để cải thiện tình hình hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp; Phân tích được tình hình tài chính và đưa ra giải	Tự luận hay trắc nghiệm	90 phút	Thuyết trình, thảo luận, chia nhóm

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		pháp nâng cao hiệu quả công việc; Phân tích được tình hình tồn kho và đưa ra giải pháp về hiệu quả công tác; Tổng hợp, tính toán được các chỉ tiêu trên báo cáo thống kê, phân tích công nợ; Phân tích và đánh giá được về tình hình công nợ qua các báo cáo thống kê. - Tạo khả năng làm việc độc lập trong xử lý, phân tích và đánh giá vấn đề cần giải quyết; Có tinh thần làm việc nhóm và khả năng thuyết trình trước đám đông; Nhận thức được tầm quan trọng của việc phân tích đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.			
24	Tài chính doanh nghiệp	-Phân tích khái niệm, bản chất, chức năng của tài chính doanh nghiệp; Phân tích cấu trúc vốn của doanh nghiệp, các phương pháp tính khấu hao, phương pháp lập kế hoạch chi phí và giá thành sản phẩm, doanh thu, các loại thuế mà doanh nghiệp phải nộp, các loại lợi nhuận; Phân tích sự giống nhau và khác nhau giữa tài sản lưu động và vốn lưu động, tài sản cố định và vốn cố định; so sánh sự giống và khác nhau của tài sản cố định và tài sản lưu động, giữa vốn cố định và vốn lưu động; Xác định	Tự luận	90 phút	Đàm thoại, đặt vấn đề, chia nhóm, giao đề tài

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		doanh thu, chi phí, các loại lợi nhuận. - Xây dựng kế hoạch sản xuất, kế hoạch doanh thu cho doanh nghiệp; Nghiên cứu các môn chuyên ngành tài chính và phân tích tài chính doanh nghiệp; Phát triển khả năng thu thập xử lý thông tin; tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp. - Phát triển tinh thần làm việc nhóm và tự học tại nhà; Đánh giá tầm quan trọng của tài chính doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Thu thập kiến thức, xác định được tầm quan trọng của môn học là kiến thức nền tảng để phục vụ cho công việc sau này.			
25	Thị trường chứng khoán	- Trình bày được kiến thức cơ bản về chứng khoán, hàng hoá trên thị trường chứng khoán, các hoạt động giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán và quỹ đầu tư chứng khoán; Trình bày được khái niệm, phân loại và nhận biết các giao dịch cơ bản các loại hàng hóa trên thị trường chứng khoán; Phân tích, phân biệt, so sánh được các loại thị trường chứng khoán, các hàng hoá trên thị trường chứng khoán và các nghiệp	Tự luận hay trắc nghiệm	60 – 90 phút	Thuyết trình, thảo luận, giao bài tập và đánh giá

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		vụ giao dịch chứng khoán. - Nhận biết được các hàng hoá chứng khoán và ứng dụng chúng trong quá trình ra các lệnh giao dịch mua bán chứng khoán; Vận dụng được các tính chất, vai trò của các loại hàng hoá chứng khoán trên cơ sở vận dụng vào thực tiễn. - Có tinh thần làm việc nhóm và khả năng thuyết trình trước lớp; Hình thành nhận thức về vai trò các thị trường bộ phận của thị trường chứng khoán; Nhận thức được tầm quan trọng của môn học là kiến thức nền tảng để thực hiện được các giao dịch chứng khoán trên thực tế.			
26	Khai báo thuế	- Phân biệt được các loại hóa đơn, chứng từ kế toán theo quy định; Trình bày và vận dụng được các phương pháp sửa sai hóa đơn, chứng từ kế toán; Mô tả được cách thức kiểm tra, truy xuất thông tin số liệu, chứng từ trên các hồ sơ báo cáo thuế; Trình bày được trình tự kê khai các loại thuế; Trình bày được trình tự, thủ tục quyết toán thuế, hoàn thuế. - Sử dụng thành thạo mạng internet, email để nhận và kiểm tra chứng từ, hóa đơn; Sử dụng Word, Excel để lập được	Thực hành trên máy	60 – 90 phút	Thuyết trình, đặt vấn đề, giao bài tập và đánh giá

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		các báo cáo về hóa đơn chứng từ nhu bảng kê hóa đơn đầu vào, đầu ra, biên bản điều chỉnh hóa đơn,...; Sử dụng thành thạo phần mềm HTKK, trang web của Thuế để kê khai các tờ khai thuế theo quy định; Hình thành và phát triển kỹ năng cơ bản để phân tích, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp; Vận dụng các kỹ thuật kê khai các loại thuế để thực hiện báo cáo và quyết toán thuế các loại. - Nâng cao ý thức trách nhiệm về vai trò của người kế toán đối với doanh nghiệp và các cơ quan hữu quan; Hình thành niềm say mê, đạo đức nghề nghiệp của một kế toán viên; Nhận thức được tầm quan trọng của việc cập nhật thường xuyên các văn bản về thuế, phiên bản mới của phần mềm hỗ trợ kê khai.			
27	HT thông tin KT	- Trình bày được những kiến thức căn bản về Excel vận dụng trong công tác tổ chức kế toán; Mô tả và trình bày được hình thức, nội dung của các sổ sách kế toán; Trình bày được hình thức, nội dung phản ánh của sổ chi tiết công nợ. - Sử dụng thành thạo phần mềm MS Excel trong việc tổ chức, tính toán và tổng hợp	Thực hành trên máy	60 phút	Thuyết trình, đặt vấn đề, giao bài tập và đánh giá

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		dữ liệu doanh nghiệp chính xác theo quy định; Sử dụng thành thạo phần mềm MS Excel để lập các sổ sách kế toán như: Sổ cái, sổ quỹ, sổ chi tiết,... và báo cáo tài chính; Phân tích và tổng hợp được các thông tin mã hóa danh mục khách hàng, nhà cung cấp. - Có tinh thần làm việc độc lập; Đánh giá được tầm quan trọng của môn học là kiến thức chuyên ngành quan trọng; Nâng cao ý thức trách nhiệm và vai trò của người làm công tác kế toán.			
28	KT quản trị	- Trình bày được các khoản mục chi phí, bản chất và các cơ sở phân loại chi phí trong doanh nghiệp; Giải thích được phương pháp lập dự toán thu chi; So sánh được sự khác nhau của kế toán quản trị và kế toán tài chính; Xây dựng được giá bán sản phẩm theo yêu cầu nhà quản trị; Liệt kê và nhận diện được các biểu mẫu báo cáo dự toán chi phí; Liệt kê và nhận diện được mẫu biểu dự toán hàng tồn kho, giải thích được phương pháp lập dự toán hàng tồn kho; Trình bày được ý nghĩa và phương pháp lập kế hoạch công nợ; Phân tích được tác động của chi phí đến kết quả kinh doanh.	Tự luận hay trắc nghiệm	90 phút	Thuyết trình, thảo luận, hoạt động nhóm

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		- Hình thành và phát triển năng lực tư duy phân tích các vấn đề liên quan đến chi phí và doanh thu của doanh nghiệp; Vận dụng mô hình chi phí – khối lượng – lợi nhuận trong việc giúp nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra các quyết định đầu tư trong tương lai; Tính toán và lập được báo cáo dự toán thu chi, dự toán hàng tồn kho; Tính toán và lập được dự toán kế hoạch công nợ; Lập được kế hoạch hoạt động kinh doanh, kế hoạch doanh thu - chi phí – lợi nhuận; Vận dụng được các phương pháp định giá để xây dựng giá bán sản phẩm theo yêu cầu mục tiêu kinh doanh; Lập được cân đối số phát sinh, lập được các báo cáo kế toán quản trị; Phân tích các khoản mục chi phí theo yêu cầu của nhà quản trị. - Phát triển năng lực đánh giá, phân tích; Rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, theo dõi kiểm tra hoạt động; Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm.			
29	Kế toán quốc tế	- Trình bày được những đặc điểm cơ bản của môi trường kế toán Mỹ, ảnh hưởng của các tổ chức nghề nghiệp kế toán và các nguyên tắc kế toán được	Tự luận hay trắc nghiệm	90 phút	Đàm thoại, đặt vấn đề, chia nhóm

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		chấp nhận rộng rãi; Xác định được mô hình kế toán cơ bản; Mô tả được các nghiệp vụ kế toán liên quan đến công ty thương mại; Trình bày được đặc điểm, phân loại và các nghiệp vụ liên quan đến kế toán tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn và nợ phải trả; Xử lý được các nghiệp vụ kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết Tổng hợp. - Có khả năng tốt về ngoại ngữ để nghe, hiểu, giao tiếp, soạn thảo các tài liệu chuyên ngành. - Nâng cao ý thức trách nhiệm về vai trò của người kế toán đối với doanh nghiệp và các cơ quan hữu quan; Hình thành niềm say mê, đạo đức nghề nghiệp của một kế toán viên.			
30	Chuyên đề thực tế DN	- Trình bày được các hoạt động chủ yếu trong doanh nghiệp; Phân biệt được sự khác nhau, đặc điểm các hoạt động trong doanh nghiệp; Phân tích được quy trình các hoạt động chủ yếu của từng phòng ban trong doanh nghiệp; Nhận diện được quy mô, đặc trưng của doanh nghiệp. - Vận dụng được các kiến thức tổng hợp của các môn học đã học vào thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; So sánh, cập nhập các	Viết báo cáo	Đánh giá từng cá nhân	Hướng dẫn, định hướng, trao đổi, chỉnh sửa báo cáo

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		kiến thức được học với kiến thức từ thực tế doanh nghiệp. - Trách nhiệm với công việc được giao, làm việc nghiêm túc, cẩn thận; Rèn luyện tính tổ chức, kỷ luật, khả năng làm việc, tư duy độc lập, gợi mở tính sáng tạo của sinh viên; Trao đổi khả năng liên kết, khả năng làm việc nhóm, cũng vì một nhiệm vụ chung; Định hướng đúng về nghề nghiệp tương lai của bản thân.			
31	Kiến tập DN 1	- Trình bày được các hoạt động chủ yếu trong doanh nghiệp; Phân biệt được sự khác nhau, đặc điểm các hoạt động trong doanh nghiệp; Phân tích được quy trình các hoạt động chủ yếu của từng phòng ban trong doanh nghiệp; Nhận diện được quy mô, đặc trưng của doanh nghiệp. - Vận dụng được các kiến thức tổng hợp của các môn học đã học vào thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; So sánh, cập nhập các kiến thức được học với kiến thức từ thực tế doanh nghiệp. - Trách nhiệm với công việc được giao, làm việc nghiêm túc, cẩn thận; Rèn luyện tính tổ chức, kỷ luật, khả năng làm việc, tư duy độc lập, gợi mở tính sáng tạo của sinh viên; Trao đổi	Viết báo cáo	Đánh giá từng cá nhân	Hướng dẫn, định hướng, trao đổi, chỉnh sửa báo cáo

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		khả năng liên kết, khả năng làm việc nhóm, cũng vì một nhiệm vụ chung; Định hướng đúng về nghề nghiệp tương lai của bản thân.			
32	Kiến tập DN 2	- Trình bày được các hoạt động chủ yếu trong doanh nghiệp; Phân biệt được sự khác nhau, đặc điểm các hoạt động trong doanh nghiệp; Phân tích được quy trình các hoạt động chủ yếu của từng phòng ban trong doanh nghiệp; Nhận diện được quy mô, đặc trưng của doanh nghiệp. - Vận dụng được các kiến thức tổng hợp của các môn học đã học vào thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; So sánh, cập nhật các kiến thức được học với kiến thức từ thực tế doanh nghiệp. - Trách nhiệm với công việc được giao, làm việc nghiêm túc, cẩn thận; Rèn luyện tính tổ chức, kỷ luật, khả năng làm việc, tự duy độc lập, gợi mở tính sáng tạo của sinh viên; Trao đổi khả năng liên kết, khả năng làm việc nhóm, cũng vì một nhiệm vụ chung; Định hướng đúng về nghề nghiệp tương lai của bản thân.	Viết báo cáo	Đánh giá từng cá nhân	Hướng dẫn, định hướng, trao đổi, chỉnh sửa báo cáo
33	Chuyên đề KT thuế	- Nhận diện được một cách chi tiết nội dung của từng phần hành kế toán thuế trong doanh nghiệp;	Viết báo cáo thu hoạch	Đánh giá từng cá nhân	Diễn giảng, hướng dẫn, chia nhóm, thảo luận

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		Trình bày được khái niệm các loại thuế đang hiện hành, các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến từng loại thuế, trình bày được thực trạng của các loại thuế hiện nay tại doanh nghiệp; Vận dụng được kiến thức thống kê, phương pháp nguyên cứu khoa học vào học phần chuyên đề kế toán thuế. - Xử lý được các thiếu sót trong ghi nhận về các khoản mục về thuế, khấu trừ thuế, hoàn thuế; Lập được các sổ sách kế toán thuế và ghi nhận các nghiệp vụ thuế vào sổ kế toán chi tiết và tổng hợp; Thực hành kỹ năng làm việc nhóm; Thực hành kỹ năng thuyết trình trước đám đông. - Nâng cao ý thức trách nhiệm về vai trò của người kế toán đối với doanh nghiệp và các cơ quan hữu quan; Hình thành niềm say mê, đạo đức nghề nghiệp của một kế toán viên.			
34	Thực tập tốt nghiệp	- Nhằm trang bị cho sinh viên sắp tốt nghiệp các kỹ năng của ngành nghề kế toán, củng cố những kiến thức đã học trên cơ sở nắm quy trình công việc tại doanh nghiệp mà sinh viên đi thực tập, góp phần bổ sung thêm kiến thức thực tế cho lý luận đã học ở trường. - Giúp sinh viên hệ	Viết báo cáo	Đánh giá từng cá nhân	Hướng dẫn, quan sát, phỏng vấn, chỉnh sửa báo cáo

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		thống hoá và tổng hợp những kiến thức đã học, tiếp cận sâu với một vấn đề, bước đầu nghiên cứu vận dụng kiến thức lý luận vào thực tế, đề từ đó viết Báo cáo thực tập tốt nghiệp và trình bày như một công trình khoa học. - Nhận thức đầy đủ vai trò của kế toán, xây dựng tác phong làm việc của người làm công tác kế toán và có kỹ năng thực hành, giải quyết những vấn đề thực tiễn khi ra trường công tác.			
35	Khóa luận tốt nghiệp	- Giúp sinh viên củng cố kiến thức đã được học tập ở trường, vận dụng và kết hợp với thực tiễn hoạt động của đơn vị thực tập để trình bày kết quả học tập, nghiên cứu của mình dưới dạng một chuyên đề/ khóa luận tốt nghiệp (nếu đủ tiêu chuẩn bảo vệ trước Hội đồng). - Khóa luận tốt nghiệp vừa thể hiện kiến thức mà sinh viên đã được trang bị, vừa phản ánh tình hình thực tế tại đơn vị thực tập, qua đó, có thể có những nhận định và đánh giá khách quan đối với hoạt động kinh doanh của đơn vị. Việc thực tập nghề nghiệp và viết chuyên đề/ khóa luận tốt nghiệp nhằm mục đích giúp sinh viên hình thành ý tưởng	Viết báo cáo và bảo vệ đề tài	Đánh giá từng cá nhân	Hướng dẫn, quan sát, phỏng vấn, chỉnh sửa báo cáo, thuyết trình trước hội đồng

STT	Môn học	Mức độ năng lực sau khi học	Hình thức thi	TG thi	PP học tập
		về vấn đề nghiên cứu, biết cách tổng hợp và vận dụng lý thuyết để giải quyết vấn đề nảy sinh trong thực tế.			

Trường có tiến hành khảo sát về chất lượng đào tạo với người học qua các năm (**2.1.15** - Đường link <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/> mẫu nội dung khảo sát lấy ý kiến người học về các hoạt động bảo đảm chất lượng đào tạo các năm học có nội dung về tuyển sinh NH 2017-18; <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/> NH 2018-19, <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-4/> NH 2019-20; **2.1.16** - Báo cáo kết quả khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học (trong đó có tuyển sinh) NH 2017-18, 2018-19, 2019-20)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.6, tiêu chí 4: Đạt

Tiêu chuẩn 4.7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã mời các cán bộ, chuyên gia có kinh nghiệm trong ngành Kế toán ở khu vực TP.HCM, các nhà giáo có thâm niên giảng dạy trong ngành Kế toán cán bộ quản lý GDNN để tham gia góp ý, xây dựng, biên soạn và thẩm định chương trình trên cơ sở nghiên cứu các yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước (**1.1.07** - Các biên bản, phiếu nhận xét, góp ý, phản biện trong xây dựng CTĐT; **4.1.04** - Các biên bản, phiếu nhận xét, góp ý, phản biện trong xây dựng CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán). CTĐT hiện đang sử dụng được kế thừa chương trình đã xây dựng năm 2017, đồng thời được bổ sung điều chỉnh mới, trong đó tăng thời gian đào tạo từ 2,5 năm lên 3 năm; số lượng mô đun, môn học là 31; bổ sung thêm 5 mô đun, môn học mới; điều chỉnh tăng thời lượng của các mô đun thực hành nghề (**1.1.08** - QĐ số 352/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 về việc ban hành CTĐT nghề Kế toán; **2.7.12** - QĐ số 83/QĐ-CDCT ngày 14/2/2020 về việc ban hành CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán).

Hàng năm, Trường tiến hành khảo sát, lấy ý kiến nhà giáo, HSSV và doanh nghiệp về CTĐT nghề Kế toán của Trường. (1.1.11 Đường link <https://khaothi.hit.edu.vn/khao-sat-y-kien-doanh-nghiep-ve-muc-do-dap-ung-cua-svtn-chuan-dau-ra-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-2/> khảo sát doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của SVTN, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm học 2019-2020; <https://khaothi.hit.edu.vn/khao-sat-y-kien-doanh-nghiep-ve-muc-do-dap-ung-cua-svtn-chuan-dau-ra-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-2/> ” năm học 2019-2020;” <https://khaothi.hit.edu.vn/khao-sat-y-kien-doanh-nghiep-ve-muc-do-dap-ung-cua-svtn-chuan-dau-ra-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020/> năm học 2019-2020).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.7, tiêu chí 4: Đạt

Tiêu chuẩn 4.8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nghiên cứu hồ sơ minh chứng của Trường cho thấy:

CTĐT nghề Kế toán của Trường được xây dựng dựa trên các quy định tại Thông tư 03/2017/TT-BLĐT BXH. Khi xây dựng chương trình đã được định hướng việc tạo điều kiện thuận lợi để người học có thể dễ dàng học liên thông lên các trình độ cao hơn trong cùng một ngành nghề đào tạo, Trường đã xây dựng CTĐT liên thông với thời gian đào tạo 12 tháng để thực hiện đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng đối với nghề Kế toán (2.7.12 - QĐ số 83/QĐ-CDCT ngày 14/02/2020 về việc ban hành CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán; 4.8.01 - QĐ số 577a/ĐHCN-ĐT ngày 02/6/2020 về việc chấp thuận tuyển sinh viên trường Cao đẳng CDCT; 4.8.02 – Quyết định số 1411/QĐ-ĐHCN ngày 08/10/2020 của Hiệu trưởng Đại học Công nghiệp TP.Hồ Chí Minh về việc ban hành bộ CTĐT liên thông đại học - công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông đã được cơ sở giáo dục đại học ban hành; 4.8.03 - Các thông báo tuyển sinh liên thông đại học).

Trường đã thông báo tuyển sinh và tuyển được sinh viên cho ngành ở các năm 2020 và 2020 lần lượt là 5 và 11 sinh viên (2.7.09 - Quyết định trúng tuyển cao đẳng liên thông năm 2018, 2019, 2020)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.8, tiêu chí 4: Đạt

Tiêu chuẩn 4.9: Có đủ giáo trình cho các mô đun, môn học của chương trình đào tạo

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2019 Trường đã ban hành CTĐT nghề Kế toán trình độ cao đẳng, thời gian đào tạo 3 năm với 31 mô đun, môn học và Chương trình liên thông đào tạo 12 tháng với 26 mô đun, môn học, trong đó có 6 môn chung theo quy định của Bộ LĐTBXH. Số giáo trình được liệt kê chi tiết theo bảng bên dưới (**1.1.08 - QĐ số 352/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 về việc ban hành CTĐT nghề Kế toán; 2.7.12 - QĐ số 80/QĐ-CDCT ngày 14/02/2020 về việc ban hành CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán; 4.9.01 – Danh mục giáo trình chính cho từng mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo nghề Kế toán trình độ cao đẳng năm 2018, 2019, 2020; 4.9.02 - Bản in giáo trình nghề Kế toán trình độ cao đẳng**).

ST T	Môn học	Thông tin giáo trình	Loại giáo trình				Tác giả/ Người thực hiện	Nhà XB/ QĐ ban hành	Năm XB/ Ban hành
			Lựa chọn	Biên soạn năm trước	Biên soạn mới	Điều chỉnh			
I. GIÁO TRÌNH MÔN HỌC DÙNG CHUNG									
1	Chính trị	Giáo trình Chính trị	x				Nguyễn Đình Đức, Phạm Xuân Mỹ	Nhà xuất bản Lao động - Xã hội	2008
2	Giáo dục quốc phòng và An ninh	Giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh	x				Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Ban hành theo Thông tư số 08/2015/TT- BLĐTBXH ngày 27/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	2015
3	Pháp luật đại cương	Pháp luật đại cương	x				Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	2015
4	Tin học	Giáo trình tin học		x			Nguyễn Thị Thu Cúc, Chu Thị Mai	397a/QĐ- CDCT ngày 29 tháng 6 năm 2018	2018

ST T	Môn học	Thông tin giáo trình	Loại giáo trình				Tác giả/ Người thực hiện	Nhà XB/ QĐ ban hành	Năm XB/ Ban hành
5	Toán ứng dụng C	Toán cao cấp hàm một biến lý thuyết chuỗi	x				Đỗ Công Khanh	Đại học Quốc gia Tp.Hồ Chí Minh	2009-2012
		Toán cao cấp giải tích hàm nhiều biến toán 3	x				Đỗ Công Khanh	Đại học Quốc gia Tp.Hồ Chí Minh	2005
		Toán cao cấp: Đại số tuyến tính	x				Đỗ Công Khanh	Đại học Quốc gia Tp.Hồ Chí Minh	2009
		Lý thuyết - bài tập - bài giải quy hoạch tuyến tính	x				Lê Khánh Luận	Thông kê	2008
		Giáo trình toán cao cấp cho các nhà kinh tế	x				Lê Đình Thúy, Nguyễn Quỳnh Lan	Đại học kinh tế quốc dân	2012
6	Anh văn 1	Four Corners 2A. Student's book and Work book	x				Richards, J. C. & Bohlke, D	Cambridge University Press	2016
7	Anh văn 2	Four Corners 2B. Student"s book and Work book	x				Richards, J. C. & Bohlke, D	Cambridge University Press	2016
8	Anh văn 3	Business Venture – Student book	x				Roger Barnard & Jeff Cady	Oxford University	2012
9	Tiếng Nhật 1	Nhật ngữ căn bản. T1	x				Trần Việt Thanh	NXB Trẻ	2003
10	Tiếng Nhật 2	Nhật ngữ căn bản. T2	x				Trần Việt Thanh	NXB Trẻ	2003
11	Tiếng Nhật 3	MINNANO NIHONGO I - phiên bản II	x				Nhiều tác giả	NXB trẻ	2015
12	Module 1	Kỹ năng mềm		x			Lê Thị Ngọc Huyền	385a/QĐ-CDCT ngày 20 tháng 6 năm 2018	2018
	+ Kỹ năng khám phá và phát triển bản								

ST T	Môn học	Thông tin giáo trình	Loại giáo trình				Tác giả/ Người thực hiện	Nhà XB/ QĐ ban hành	Năm XB/ Ban hành
	thân.								
	+ Kỹ năng dự tuyển việc làm.								
	+ Kỹ năng thuyết trình.								
13	Module 2	Kỹ năng mềm		x			Lê Thị Ngọc Huyền	385a/QĐ- CDCT ngày 20 tháng 6 năm 2018	2018
	+ Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân.								
	+ Kỹ năng dự tuyển việc làm.								
	+ Kỹ năng thuyết trình.								
14	Module 3	Kỹ năng mềm		x			Lê Thị Ngọc Huyền	385a/QĐ- CDCT ngày 20 tháng 6 năm 2018	2018
	+ Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân.								
	+ Kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc.								
	+ Kỹ năng thuyết trình.								
15	Bóng chuyên 1	Giáo trình môn học bóng chuyên		x			Phạm Văn Trung	383a/QĐ- CDCT ngày 20 tháng 6 năm 2018	2018
16	Bóng đá 1	Giáo trình Bóng đá Futsal	x				TS. Lý Vĩnh Trường; Ths. Nguyễn Hong Sơn	Đại học Quốc gia Tp. HCM	2015

ST T	Môn học	Thông tin giáo trình	Loại giáo trình				Tác giả/ Người thực hiện	Nhà XB/ QĐ ban hành	Năm XB/ Ban hành
17	Bóng rổ 1	Giáo trình Bóng rổ	x				Iu. M. Portnova; Trần Văn Mạnh	Nxb TĐTT	1997
18	Cầu lông 1	Giáo trình môn học cầu lông		x			Nguyễn Thành Quân	383a/QĐ- CDCT ngày 20 tháng 6 năm 2018	2018
19	Aerobic 1	Giáo trình Aerobic	x				TS. Nguyễn Anh Tuấn, Lê Tiến Đạt, Nguyễn Thị Thùy Trang, Đỗ Mạnh Thái	Trường ĐH Sư phạm TĐTT Tp. HCM	2008
20	Bóng chuyền 2	Giáo trình môn học bóng chuyền		x			Phạm Văn Trung	383a/QĐ- CDCT ngày 20 tháng 6 năm 2018	2018
21	Bóng đá 2	Giáo trình Bóng đá Futsal	x				TS. Lý Vĩnh Trương; Ths. Nguyễn Hong Sơn	Đại học Quốc gia Tp. HCM	2015
22	Bóng rổ 2	Giáo trình Bóng rổ	x				Iu. M. Portnova; Trần Văn Mạnh	Nxb TĐTT	1997
23	Cầu lông 2	Giáo trình môn học cầu lông		x			Nguyễn Thành Quân	383a/QĐ- CDCT ngày 20 tháng 6 năm 2018	2018

ST T	Môn học	Thông tin giáo trình	Loại giáo trình				Tác giả/ Người thực hiện	Nhà XB/ QĐ ban hành	Năm XB/ Ban hành
24	Aerobic 2	Giáo trình Aerobic	x				TS. Nguyễn Anh Tuấn, Lê Tiến Đạt, Nguyễn Thị Thùy Trang, Đỗ Mạnh Thái	Trường ĐH Sư phạm TDĐT Tp. HCM	2008
25	Soạn thảo văn bản	Kỹ thuật soạn thảo văn bản & trình bày văn bản	x				Vương Thị Kim Thanh	NXB Trẻ	2006
26	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	x				Phạm Viết Vượng	Đại Học Quốc Gia Hà Nội	2001
27	Kỹ năng soạn thảo trên máy tính	Kỹ thuật soạn thảo văn bản & trình bày văn bản	x				Vương Thị Kim Thanh	NXB Trẻ	2006

II. GIÁO TRÌNH CÁC MÔN CƠ SỞ DÙNG CHUNG

1	Nguyên lý thống kê	Giáo trình nguyên lý thống kê	x				Trần Thị Kỳ	Lao động	2012
2	Nguyên lý kế toán/ Accounting Theory	Nguyên lý kế toán		x			Nguyễn Thị Kim Thoa	387a/QĐ- CDCT ngày 20 tháng 6 năm 2018	2016(Biên soạn)
3	Tài chính – Tiền tệ	Giáo trình Nhập Môn Tài Chính Tiền Tệ	x				PGS.TS Sử Đình Thành và TS Vũ Thị Minh Hằng	Đại Học Quốc Gia TPHCM	2008
4	Thuế	Thuế		x			Nhiều tác giả	387a/QĐ- CDCT ngày 20 tháng 6 năm 2018	2018

III. GIÁO TRÌNH CHUYÊN MÔN DÙNG RIÊNG

ST T	Môn học	Thông tin giáo trình	Loại giáo trình				Tác giả/ Người thực hiện	Nhà XB/ QĐ ban hành	Năm XB/ Ban hành
1	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1		x			Nhiều tác giả	387a/QĐ- CDCT ngày 20 tháng 6 năm 2018	2018
2	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2		x			Nguyễn Thị Kim Thoa	387a/QĐ- CDCT ngày 20 tháng 6 năm 2018	2018
3	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3		x			Nguyễn Thị Kim Thoa	387a/QĐ- CDCT ngày 20 tháng 6 năm 2018	2018
4	Kế toán excel	Hướng dẫn thực hành lập sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và báo cáo thuế giá trị gia tăng trên Excel	x				Đặng Văn Sáng ,Bùi Văn Dương, Võ Văn Nhị	Lao động - Xã hội	2013
5	Kế toán máy	Kế toán máy		x			Nhiều tác giả	387a/QĐ- CDCT ngày 20 tháng 6 năm 2018	2018
6	Kiểm toán	Kiểm toán	x				Khoa Kế toán kiểm toán, trường ĐH Kinh Tế TP.HCM	Lao động - Xã hội	2010- 2011
7	Phân tích hoạt động kinh doanh	Phân tích hoạt động kinh doanh	x				Phạm Văn Dược, Huỳnh Đức Lộng; Lê Thị Minh Tuyệt	Kinh tế Tp.Hồ Chí Minh	2015
8	Tài chính doanh nghiệp	Tài chính DN 1		x			Lê Ái Quốc	387a/QĐ- CDCT ngày 20 tháng 6 năm 2018	2017(Biên soạn)

ST T	Môn học	Thông tin giáo trình	Loại giáo trình				Tác giả/ Người thực hiện	Nhà XB/ QĐ ban hành	Năm XB/ Ban hành
9	Thị trường chứng khoán	Thị trường chứng khoán	x				Bùi Kim Yến	Lao động xã hội	2013- 2015
10	Khai báo thuế	Khai báo thuế					Nguyễn Thị Kim Thoa	387a/QĐ- CDCT ngày 20 tháng 6 năm 2018	2018
11	Hệ thống thông tin kế toán	Hệ thống thông tin kế toán . T.1	x				Huỳnh Văn Hiếu, Nguyễn Thế Hưng, Lương Đức Thuận	Kinh tế Tp.Hồ Chí Minh	2015
12	Kế toán quản trị	Kế toán quản trị		x			Nguyễn Khánh Dương	387a/QĐ- CDCT ngày 20 tháng 6 năm 2018	2015(Biên soạn)
13	Thực hành sổ sách kế toán	Hướng dẫn thực hành lập sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và báo cáo thuế giá trị gia tăng trên Excel	x				Đặng Văn Sáng ,Bùi Văn Dương, Võ Văn Nhị	Lao động - Xã hội	2013
14	Thực hành kế toán trên phần mềm	Hướng dẫn thực hành lập sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và báo cáo thuế giá trị gia tăng trên Excel	x				Đặng Văn Sáng ,Bùi Văn Dương, Võ Văn Nhị	Lao động - Xã hội	2013
15	Anh văn chuyên ngành (kế toán)	Anh văn chuyên ngành KT		x			Nguyễn Thị Hồng Hà	387a/QĐ- CDCT ngày 20 tháng 6 năm 2018	2018
16	Tiếng Nhật 4	MINNANO NIHONGO I - phiên bản II	x				Nhiều tác giả	NXB trẻ	2015

ST T	Môn học	Thông tin giáo trình	Loại giáo trình				Tác giả/ Người thực hiện	Nhà XB/ QĐ ban hành	Năm XB/ Ban hành
17	Kế toán ngân hàng	Kế toán ngân hàng	x				Nguyễn Thị Loan...[và những người khác]	Phương Đông	2011- 2012
18	Kế toán hành chính sự nghiệp	Giáo trình Kế toán hành chính sự nghiệp	x				Võ Văn Nhị (chủ biên)...[và những người khác]	Phương Đông	2012
19	Kế toán doanh nghiệp xây dựng	Chế độ kế toán doanh nghiệp: Theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ban hành ngày 22/12/2014	x				Đại học Kinh tế TP.HCM	Kinh tế Tp.Hồ Chí Minh	2015
20	Kế toán tài chính nâng cao	Giáo trình kế toán tài chính A2: . Tài liệu dùng cho sinh viên ngành kinh tế	x				Nguyễn Thị Hoàng Anh	Đại học Quốc gia TP.HCM	2013
21	Marketing căn bản	Giáo trình marketing căn bản		x			Lê Thị Tuyết Thanh	766a/QĐ- CDCT ngày 12 tháng 12 năm 2018	2015(Biên soạn)
22	Thanh toán quốc tế	Thanh toán quốc tế :. Lý thuyết, bài tập & bài giải thực hành, bài tập tự rèn luyện, cập nhật theo UCP 600 - 2006	x				Trần Hoàng Ngân, Nguyễn Minh Kiều	Lao Động Xã Hội	2012- 2013

Chương trình Cao đẳng Kế toán liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng thời gian 12 tháng: Sử dụng chung giáo trình cao đẳng chính quy.

Căn cứ Quyết định ban hành giáo trình đào tạo (**4.9.03 – Quyết định số 329a/QĐ-CDCT ngày 22/06/2020 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành danh sách giáo trình được lựa chọn, sử dụng làm tài liệu chính phục vụ công tác giảng dạy và học tập của khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng trường CDCT**); thư viện Trường tiến

hành in ấn lưu hành giáo trình trong toàn Trường; Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng lưu trữ giáo trình, thư viện Trường tổ chức lưu trữ bản mềm, 05 bản in gốc của giáo trình nộp lưu trữ tại thư viện Trường (**4.9.01 - Danh mục giáo trình chính cho từng mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo nghề Kế toán trình độ cao đẳng năm 2018, 2019, 2020**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.9, tiêu chí 4: Đạt

Tiêu chuẩn 4.10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Giáo trình được ban hành đảm bảo thực hiện theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tại các Thông tư: 10/2018/TT-BLĐTBXH, 11/2018/TT-BLĐTBXH, 12/2018/TT-BLĐTBXH, 13/2018/TT-BLĐTBXH, 24/2018/TT-BLĐTBXH, 03/2019/TT-BLĐTBXH (**1.1.02 – Quyết định số 910/QĐ-CDCT ngày 16/12/2017 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng nghề Kế toán năm 2017; 1.1.08 - QĐ số 352/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 về việc ban hành CTĐT nghề Kế toán năm 2018; 2.7.12 - QĐ số 80/QĐ-CDCT ngày 14/02/2020 về việc ban hành CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán**).

Cụ thể, chương trình đào tạo năm 2017 có môn học, trong đó có môn học chung theo quy định của Bộ LĐTBXH, số giáo trình do Trường biên soạn là , số giáo trình do Trường lựa chọn là

Năm 2019, chương trình đào tạo có 31 mô đun, môn học, trong đó có 6 môn học chung. Số giáo trình do Trường lựa chọn của 34 mô đun, môn học (gồm cả các môn học tự chọn) là 38; số giáo trình do Trường biên soạn của 18 mô đun, môn học (gồm cả môn học tự chọn) là 18

Trường lập kế hoạch tổ chức hội thảo về giáo trình nghề Kế toán ngày 26/07/2018, trong đó xem xét tiếp tục triển khai biên soạn các giáo trình chưa được thực hiện nhằm phù hợp với chương trình đào tạo 2019 và tiến hành đăng ký giáo trình mới với mục tiêu cụ thể hóa các môn học theo chương trình đào tạo từng ngành nghề, thống nhất giáo trình cho từng môn học và phát huy tính sáng tạo, tự học, tự nghiên cứu của giảng viên và người học (**4.10.01 – Kế hoạch số 198/KH-CDCT ngày 10/10/2018 về việc triển khai đăng ký biên soạn giáo trình lưu hành nội bộ năm học 2019, 2020**); Toàn bộ các môn học, giảng viên lên lớp đều có giáo trình giảng dạy (**4.9.01 - Danh mục giáo trình chính cho từng mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo nghề Kế toán – Tài chính Ngân hàng trình độ cao đẳng năm 2018 so với năm 2019 có sự thay đổi**), Các giáo trình được biên soạn theo đúng quy định, bao gồm đăng ký giáo trình, thành lập hội đồng phân biên đề cương, quyết định giao cho ban soạn thảo viết giáo trình, thành lập hội đồng bảo vệ giáo trình và công nhận giáo trình. Trong đó,

phiếu đánh giá thể hiện được giáo trình đảm bảo về tính khoa học, đủ kiến thức, phù hợp với trình độ, đối tượng đào tạo; cấu trúc giáo trình hợp lý; có hướng dẫn người học tự thực tập; tính trung thực về số liệu; các kiến nghị chỉnh sửa nếu có và kết quả đánh giá (**4.10.02** - *Biên bản họp Hội đồng thẩm định*; **2.6.08** - *Phiếu đánh giá giáo trình của Hội đồng thẩm định*; **4.10.03** - *Danh mục các giáo trình đào tạo trước khi CTĐT thay đổi*; **4.9.03** – *Quyết định số 329a/QĐ-CDCT ngày 22/06/2020 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành danh sách giáo trình được lựa chọn, sử dụng làm tài liệu chính phục vụ công tác giảng dạy và học tập của khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng trường CDCT*)

Các giáo trình, tài liệu giảng dạy liên tục được rà soát hàng năm nhằm đánh giá mức độ phù hợp với chương trình đào tạo và thực tiễn để kịp thời điều chỉnh, cập nhật giáo trình theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.10, tiêu chí 4: Đạt

Tiêu chuẩn 4.11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực

Mô tả, phân tích, nhận định:

Cấu trúc giáo trình nghề Kế toán thể hiện rõ thông tin chung của giáo trình đào tạo, mã môn học, mô đun; vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò; mục tiêu của giáo trình môn học, mô đun. Nội dung của giáo trình môn học, mô đun bao gồm kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ, công việc; quy trình và cách thức thực hiện nhiệm vụ, công việc; các bản vẽ, hình vẽ, bài tập, những điểm cần ghi nhớ và các yêu cầu về đánh giá kết quả học tập khi kết thúc chương, bài và kết thúc môn học, mô đun trong CTĐT. Nội dung của giáo trình mang tính gợi mở, tạo điều kiện kích thích cho người học khả năng tìm tòi, tư duy sáng tạo; phần cuối của giáo trình là những câu hỏi, hệ thống bài tập giúp sinh viên nắm vững hơn những kiến thức đã học. Các giáo trình được trường xây dựng và lựa chọn có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin để làm giáo án điện tử, để mô phỏng kiến thức giúp học sinh dễ hiểu bài và có khả năng tự làm thiết bị tự học, đảm bảo giáo viên có phương pháp dạy học tích cực. Các nội dung chi tiết theo từng môn học được trình bày ở tiêu chuẩn 4.6 (**4.11.01** – *Quyết định số 312a/QĐ-CDCT ngày 20/02/2018 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc thành lập Hội đồng khoa học thẩm định giáo trình đào tạo*; **4.11.02** - *Danh sách các thành viên tham gia*; **1.1.08** - *QĐ số 352/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 về việc ban hành CTĐT nghề Kế toán*; **2.7.12** - *QĐ số 80/QĐ-CDCT ngày 14/02/2020 về việc ban hành CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán*).

Toàn bộ các mô đun, môn học có trong chương trình đào tạo nghề trình độ cao đẳng của Trường đều có giáo trình giảng dạy đạt tỉ lệ 100% (**4.9.01** – *Danh mục giáo*

trình chính cho từng mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo nghề Kế toán trình độ cao đẳng năm 2018, 2019, 2020; 4.9.02 - Bản in giáo trình nghề Kế toán trình độ cao đẳng; 4.10.02 - Các Biên bản thẩm định giáo trình nghề Kế toán trình độ cao đẳng)

Hằng năm, Trường đều lấy ý kiến của các đối tượng là nhà giáo, người học, CBQL về giáo trình. Cụ thể, kết quả khi khảo sát các giảng viên của Trường ở các năm 2018-2019, 2019-2020 và 2019-2020 đều được đánh giá ở mức đạt yêu cầu trở lên về mức độ cụ thể hóa về nội dung, kiến thức, kỹ năng của từng môn học; với đối tượng là người học thì ở các năm 2018-2019, 2019-2020 và 2019-2020 tỷ lệ đánh giá ở mức đạt yêu cầu trở lên lần lượt là 96%, 98% và 98%; với đối tượng là CBQL thì tất cả đối tượng khảo sát đều đánh giá ở mức đồng ý và hoàn toàn đồng ý về khả năng áp dụng các phương pháp giảng dạy sinh động, thu hút người học (4.11.03 - <https://khaothi.hit.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-giao-vien-ve-chat-luong-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/> Đường link khảo sát CBQL, GV và SV về giáo trình NH 2017-18, <https://khaothi.hit.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-giao-vien-ve-chat-luong-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/> 2020-21, <https://khaothi.hit.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-giao-vien-ve-chat-luong-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/> 2019-22; 4.11.04 - Báo cáo kết quả thu thập ý kiến về giáo trình - CBQL, GV, SV).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.11, tiêu chí 4: Đạt

Tiêu chuẩn 4.12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Mô tả, phân tích, nhận định

Trên cơ sở CTĐT nghề Kế toán đã được Trường ban hành (1.1.08 - QĐ số 352/QĐ-CDCT ngày 08/07/2019 về việc ban hành CTĐT nghề Kế toán; 2.7.12 - QĐ số 80/QĐ-CDCT ngày 14/02/2020 về việc ban hành CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán). Các giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Giáo trình được tổ chức biên soạn đúng quy trình, được phản biện từ các giáo viên chuyên môn, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, được nghiệm thu chặt chẽ trước khi đưa vào sử dụng. Cụ thể, đối với ngành kế toán hiện nay, việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cũng như lập các báo cáo hầu hết được thực hiện trên phần mềm kế toán. Các phần mềm kế toán thường chia làm 2 dạng thức chính là phần mềm offline và phần mềm online. Với hơn 90% các doanh nghiệp tại Việt Nam là loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa thì việc lựa chọn phần mềm offline sẽ bảo mật tốt thông tin về tài chính, kế toán hơn. Trong các phần mềm offline hiện tại, phần mềm MISA SME.NET hiện đang được khá nhiều doanh nghiệp lựa chọn do chi phí hợp lý và được hỗ trợ từ công ty phần mềm khá tốt. Hiện Trường đang chọn phần mềm MISA SME.NET phiên

bản 2019 để phục vụ cho giảng dạy các môn học thực hành chuyên ngành như môn Kế toán máy và thực hành kế toán trên phần mềm, giúp sinh viên được tiếp cận với một trong những ứng dụng phổ biến hiện nay, làm tăng khả năng hội nhập thực tế khi tốt nghiệp (**4.9.01** – *Danh mục giáo trình chính cho từng mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo nghề Kế toán trình độ cao đẳng năm 2018, 2019, 2020*; **4.9.02** – *Bản in giáo trình nghề Kế toán trình độ cao đẳng*; **4.9.03** – *Quyết định số 329a/QĐ-CDCT ngày 22/06/2020 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành danh sách giáo trình được lựa chọn, sử dụng làm tài liệu chính phục vụ công tác giảng dạy và học tập của khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng trường CDCT*; **2.6.08** – *Phiếu đánh giá giáo trình của Hội đồng thẩm định*; **4.10.02** – *Các Biên bản thẩm định giáo trình nghề Kế toán trình độ cao đẳng*).

Hàng năm, Trường đều lấy ý kiến của các đối tượng là giảng viên, người học, doanh nghiệp, CBQL về giáo trình. Cụ thể với đối tượng là giảng viên, số liệu khảo sát ở các năm 2018-2019, 2019-2020 và 2019-2020 đều đạt tỷ lệ 100% đồng ý ở mức đạt yêu cầu trở lên về giáo trình đã cụ thể hóa được các yêu cầu của từng môn học; với đối tượng là người học thì số lượng sinh viên tham gia khảo sát ở các năm 2018-2019, 2019-2020 và 2019-2020 lần lượt là 642, 657 và 592 sinh viên đều đánh giá mức đạt yêu cầu trở lên với giáo trình ở các tỷ lệ lần lượt là 96%, 98% và 98%; với đối tượng là doanh nghiệp thì số lượng tham gia khảo sát ở các năm 2018-2019, 2019-2020 và 2019-2020 lần lượt là 17, 19 và 20 đánh giá giáo trình ở mức khá và tốt lần lượt là 76%, 94% và 94% (**4.11.04** – *Hồ sơ khảo sát về giáo trình nghề Kế toán*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.12, tiêu chí 4: Đạt

2.2.5. Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

a) Mở đầu

Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng là một trong những khoa được thành lập từ những năm đầu thành lập Nhà trường. Qua 46 năm xây dựng và phát triển đến nay, khoa đã có đầy đủ các phòng học lý thuyết, phòng thực hành như: Phòng máy vi tính và các phương tiện máy móc đáp ứng được nhu cầu đào tạo tại Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng.

Trường có thư viện với các tài liệu truyền thống, tài liệu điện tử, giáo trình được bổ sung, cập nhật hằng năm phục vụ cho công tác dạy và học của ngành Kế toán, Tài chính ngân hàng.

b) Những điểm mạnh

Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng có đầy đủ phương tiện, thiết bị và dụng cụ trong phòng thực hành cho học sinh thực hành. Đảm bảo các yêu cầu về sự phạm, mỹ thuật công nghiệp, an toàn vệ sinh công nghiệp và vệ sinh môi trường. Hệ thống kho lưu giữ, bảo quản được thiết kế xây dựng ở những vị trí an toàn thuận tiện, đảm bảo các tiêu chuẩn như có mái che, hệ thống chiếu sáng, thông gió, chống ẩm mốc, phòng chống cháy nổ.

Trường có thư viện với đủ các tài liệu phong phú từ tài liệu truyền thống tới tài liệu điện tử, và giáo trình được bổ sung, cập nhật hằng năm phục vụ cho công tác dạy và học của ngành Kế toán. Hiện nay tổng số bản sách của thư viện là 75.796 bản, tổng số đầu sách là 8.499 đầu sách, ngoài ra số đầu sách của thư viện điện tử là 940 đầu sách.

c) Những tồn tại

Do khoa học công nghệ ngày càng phát triển nên một số thiết bị thực hành chưa đủ về số lượng trên đầu người học.

d) Kế hoạch nâng cao chất lượng

Trang bị thêm các thiết bị đào tạo thực hành, trang bị thêm các phần mềm kế toán nhằm phục vụ việc đào tạo kỹ năng thực hành cho sinh viên ngành kế toán đáp ứng nhu cầu lao động thực tiễn.

e) Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2

Tiêu chuẩn 8	2
--------------	---

Tiêu chuẩn 5.1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện nhà trường gồm có: 79 phòng học lý thuyết chung cho tất cả các chuyên ngành đào tạo tại trường, 13 phòng học thực hành dùng chung cho ngành Công nghệ thông tin và ngành Kế toán, 01 phòng thực hành mô hình ngành Kế toán – Tài chính Ngân hàng. Tất cả các phòng học đạt quy chuẩn về thiết kế công trình cho trường học. *(5.1.01 - Bảng thống kê diện tích sử dụng các phòng học lý thuyết, thực hành, giảng đường phục vụ đào tạo; 5.1.02 - Hồ sơ hoàn công các khối công trình xây dựng).*

Hệ thống điện, nước phục vụ các phòng học lý thuyết và thực hành được lắp đặt theo đúng hồ sơ thiết kế xây dựng của nhà Trường, đáp ứng nhu cầu sử dụng, vệ sinh môi trường, PCCC. *(5.1.03 – Hợp đồng cung cấp điện, nước của Trường).*

Các phòng thực hành được trang bị đầy đủ, đúng chủng loại các thiết bị tối thiểu phục vụ công tác dạy và học ngành Kế toán. *(5.1.04 - Danh mục thiết bị tối thiểu đào tạo ngành Kế toán; 2.6.05 - Danh mục thiết bị đào tạo hiện có của nghề Kế toán).*

Các phòng học đều được trang bị đầy đủ các trang thiết bị như bàn ghế giáo viên, bàn học sinh, bảng từ, hệ thống chiếu sáng, quạt điện, máy chiếu phục vụ giảng dạy, học tập *(5.1.05 - Báo cáo của cơ sở đào tạo đánh giá về mức độ đáp ứng về số lượng phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng học chuyên môn hóa cho các CTĐT hàng năm).*

Để đáp ứng được sự thay đổi nhu cầu lao động cùng sự hội nhập, nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến về thiết bị đào tạo thực hành của cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên hàng năm để nhà trường kịp thời điều chỉnh hay trang bị thêm thiết bị cần thiết cho học tập kỹ năng thực hành cho sinh viên. *(5.1.06 - Đường link khảo sát ý kiến SV, GV, CBQL về phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, hệ thống điện, nước năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 5.1.07 - Tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến SV, GV, CBQL về phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, hệ thống điện, nước*

năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 5.1.08 – Bảng thống kê các phòng máy khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng năm 2018, 2019, 2020).

- Đường link khảo sát CBQL
 - + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-cbql-ve-cong-tac-bao-dam-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-2/>
 - + Năm học 2020 - 2019: <https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-cbql-ve-cong-tac-bao-dam-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-2/>
 - + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hitu.edu.vn/ks-y-kien-cbql-ve-cong-tac-bao-dam-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020/>
- Đường link khảo sát GV
 - + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-giao-vien-ve-chat-luong-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>
 - + Năm học 2020 - 2019: <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-giao-vien-ve-chat-luong-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>
 - + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-giao-vien-ve-chat-luong-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>
- Đường link khảo sát SV
 - + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-4/>
 - + Năm học 2020 - 2019: <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>
 - + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.1, tiêu chí 5: Đạt

Tiêu chuẩn 5.2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của CTĐT

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ danh mục thiết bị nghề Kế toán theo Thông tư 16/2020/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2020 của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Khoa Kế toán - TCNH đã thống kê và so sánh đầy đủ các thiết bị dùng cho đào tạo nghề Kế toán đáp ứng theo yêu cầu theo danh mục.

Theo bảng thống kê danh mục thiết bị của Trường cho thấy Trường có gần 200 thiết bị dùng cho các môn học, mô đun giảng dạy lý thuyết, 17 thiết bị dùng cho các môn học thực hành đảm bảo cho việc đào tạo Kế toán trình độ cao đẳng theo quy định (*5.2.01 - Hồ sơ xuất xứ các máy móc thiết bị thuộc Khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng năm 2018, 2019, 2020; 5.2.02 – Biên bản kiểm kê tài sản cố định năm 2018, 2019, 2020; 5.2.03 - Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị và số lượng hiện có của cơ sở đào tạo với danh mục thiết bị và số lượng tối thiểu; 5.2.04 - Báo cáo chi tiết tài sản cố định năm 2018, 2019, 2020*).

Để đáp ứng nhu cầu lao động cùng sự thay đổi của KHCN, định kỳ trường tiến hành khảo sát CBQL, giảng viên, SV về yêu cầu thiết bị giảng dạy, từ đó có kế hoạch bổ sung kịp thời các thiết bị đào tạo và thay đổi các CTĐT phù hợp với công nghệ mới. (*5.1.06 - Đường link khảo sát các đối tượng có liên quan về thiết bị đào tạo năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 5.1.07 - Kết quả khảo sát các đối tượng có liên quan về thiết bị đào tạo năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020*).

- Đường link khảo sát CBQL
 - + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-cbql-ve-cong-tac-bao-dam-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-2/>
 - + Năm học 2020 - 2019: <https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-cbql-ve-cong-tac-bao-dam-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-2/>
 - + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hitu.edu.vn/ks-y-kien-cbql-ve-cong-tac-bao-dam-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020/>
- Đường link khảo sát GV

- + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hit.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-giao-vien-ve-chat-luong-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>
- + Năm học 2020 - 2019: <https://khaothi.hit.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-giao-vien-ve-chat-luong-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>
- + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hit.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-giao-vien-ve-chat-luong-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>
- Đường link khảo sát SV
 - + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hit.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-4/>
 - + Năm học 2020 - 2019: <https://khaothi.hit.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>
 - + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hit.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.2, tiêu chí 5: Đạt

Tiêu chuẩn 5.3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo

Mô tả, phân tích, nhận định:

Danh mục thiết bị dạy nghề Kế toán của Trường hiện có nhiều chuẩn loại, bao gồm: Các loại bộ chứng từ, biểu mẫu sổ sách kế toán, các bảng biểu dùng cho sinh viên thực hành các thao tác lập sổ kế toán, ghi chép chứng từ, lập bảng lương, bảng phân bổ chi phí... Khoa còn trang bị các máy vi tính và được cài đặt các phần mềm như Office, phần mềm chuyên môn kế toán nhằm đáp ứng cho nhu cầu giảng dạy các môn học, mô đun thực hành theo công nghệ mới. *(5.1.04 - Danh mục thiết bị tối thiểu đào tạo ngành Kế toán; 2.6.05 – Danh mục thiết bị hiện có đào tạo ngành Kế toán;*

5.1.01- *Bảng thống kê diện tích phòng học, phòng thực hành của nghề Kế toán; 5.3.01 - Hình ảnh bố trí thiết bị tại các phòng thực hành máy tính; tiêu lệnh PCCC, bình PCCC)*

Trường đã ban hành quy trình đầu tư mua sắm tài sản, nên các thiết bị của Trường khi mua sắm đều có hồ sơ xuất xứ, lý lịch rõ ràng. Tất cả các máy móc, thiết bị đào tạo đều có hồ sơ xuất xứ, nơi sản xuất, năm sản xuất rõ ràng đảm bảo tính đồng bộ của các trang thiết bị. Các trang thiết bị đều có hồ sơ theo dõi, có nội quy, quy trình sử dụng, bảo quản, bảo trì, bảo dưỡng. Khoa phân công theo dõi và quản lý trang thiết bị tại các phòng thực hành chuyên môn đúng qui trình đảm bảo các trang thiết bị được bảo dưỡng đánh giá thường xuyên, kịp thời (**5.3.02 – Quy trình đầu tư mua sắm tài sản; 5.3.03 - Quy chế bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất, thiết bị (lý lịch máy, hợp đồng bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị của nghề Kế toán).** **5.2.03** *Bảng so sánh đối chiếu danh mục thiết bị tối thiểu đào tạo nghề Kế toán; 5.3.04 Các biểu mẫu chứng từ, sổ sách, bảng lương phục vụ thực hành kế toán).*

Đầu khóa học mới kỳ tuyển sinh, sau khi có Quyết định biên chế các lớp (**2.1.10 - Quyết định biên chế các lớp và quyết định thi sinh đã trúng tuyển năm 2018, 2019, 2020; 2.2.02 - Danh sách SV các lớp nghề Kế toán năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020**), căn cứ vào CTĐT nghề Kế toán phòng Quản lý đào tạo phối hợp với khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng thực hiện lập kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, tiến độ đào tạo và trình duyệt Hiệu trưởng cho từng khóa học, từng học kỳ (**2.2.03 - Kế hoạch học tập và giảng dạy hàng năm của Trường năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.2.04 - Tiến độ đào tạo năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.2.05 - Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học của giảng viên khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.3, tiêu chí 5: Đạt

Tiêu chuẩn 5.4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thiết bị dụng cụ trong phòng thực hành được bố trí đúng theo sơ đồ, việc bố trí các thiết bị, dụng cụ hợp lý, gọn gàng, thuận tiện, lắp đặt chắc chắn. Các phòng thực hành có lối đi đủ rộng thuận tiện cho việc đi lại, thao tác, vận hành, bảo dưỡng đảm bảo các yêu cầu sư phạm, thuận tiện tổ chức hướng dẫn thực hành cho cả lớp, nhóm và cá nhân sinh viên. Các phòng thực hành đều có nội quy, quy trình vận hành. Quy trình này được trình bày ngắn gọn, đầy đủ và treo ngay ngắn ở vị trí dễ quan sát trên mỗi thiết bị (**5.4.01 - Quy định về quản lý sử dụng cơ sở vật chất của trường; 5.4.02 - Các sơ đồ, hình ảnh bố trí thiết bị, nguyên, nhiên, vật liệu các phòng thực hành; 5.4.03 – Quyết định số 316/QĐ-CDCT ngày 02/7/2018 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công; 5.4.04 - Biên bản kiểm tra máy móc, thiết bị khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng năm 2019, 2018, 2019, 2020**).

Định kỳ Trường tiến hành khảo SV, cán bộ, giảng viên, về việc bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường (**5.1.06 - Đường link khảo sát các đối tượng có liên quan về thiết bị đào tạo năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020**).

- Đường link khảo sát CBQL

- + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-cbql-ve-cong-tac-bao-dam-chat-luong-dao-cao-nam-hoc-2019-2020-2/>
- + Năm học 2020 - 2019: <https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-cbql-ve-cong-tac-bao-dam-chat-luong-dao-cao-nam-hoc-2019-2020-2/>
- + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hitu.edu.vn/ks-y-kien-cbql-ve-cong-tac-bao-dam-chat-luong-dao-cao-nam-hoc-2019-2020/>

- Đường link khảo sát GV

- + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-giao-vien-ve-chat-luong-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-cao-nam-hoc-2019-2020-3/>
- + Năm học 2020 - 2019: <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-giao-vien-ve-chat-luong-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-cao-nam-hoc-2019-2020-3/>

- + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hit.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-giao-vien-ve-chat-luong-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>
- Đường link khảo sát SV
 - + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hit.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-4/>
 - + Năm học 2020 - 2019: <https://khaothi.hit.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>
 - + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hit.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>

Để thiết bị được sử dụng đúng công năng, bảo trì bảo dưỡng đúng quy định, Trường đã ban hành quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị của nghề Kế toán (**5.4.05 - Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị của nghề Kế toán**).

Việc bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ các thiết bị máy móc được duy trì nghiêm túc và được thực hiện thường xuyên do các giáo viên phòng thực hành và các chuyên gia của các doanh nghiệp tiến hành, ngoài ra trong quá trình quản lý, sử dụng, trưởng bộ môn luôn có biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị (**5.4.06 - Quyết định số 120/QĐ-TCN ngày 08/6/2020 V/v ban hành quy định về quản lý phòng thực hành trong nhà trường, Sổ nhật ký thực hành; 5.4.07 - Báo cáo công tác quản lý, bảo dưỡng các thiết bị cho thực hành và biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng năm 2018, 2019, 2020**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.4, tiêu chí 5: Đạt

Tiêu chuẩn 5.5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo

Mô tả, phân tích, nhận định

Các phòng thực hành đều có các kệ, tủ để dụng cụ, bộ chứng từ, bộ sổ sách kế toán, và được sắp xếp gọn gàng theo quy định, đảm bảo nguyên tắc dễ thấy, dễ lấy, dễ sử dụng, các bộ hồ sơ chưa sử dụng đến được sắp xếp cất giữ tại kệ, tủ ngăn nắp gọn gàng, đảm bảo tình trạng kỹ thuật cho việc lưu giữ. Định mức tiêu hao vật tư của nghề Kế toán được xây dựng phù hợp theo Thông tư 14/2017/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2017 quy định việc xây dựng thẩm định và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật về đào tạo trong lĩnh vực GDNN (**5.5.01 – Quyết định số 881/QĐ-CDCT ngày 26/7/2019 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành quy định định mức kinh tế kỹ thuật về đào tạo các nghề tại trường CDCT**). Việc cấp phát, thu nhận trang thiết bị, vật tư được quản lý theo một quy trình chặt chẽ đảm bảo tính công khai, minh bạch, các vật tư được mua sắm theo đúng quy trình. Qua khảo sát trước mỗi học kỳ, căn cứ vào nhu cầu về vật tư phục vụ đào tạo theo từng học kỳ trong năm học, Khoa KT-TCNH là đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai thực hiện CTĐT nghề Kế toán trình độ cao đẳng. Căn cứ vào số lượng các lớp, khoa KT-TCNH làm đề xuất cung cấp vật tư phục vụ CTĐT cho học kỳ, năm học (**5.5.02 - Quy trình cấp phát, thu nhận trang thiết bị hàng hóa, vật liệu; 5.5.03 – Hồ sơ xuất nhập vật tư hàng hóa thiết bị năm 2018, 2019, 2020; 5.5.04 – Các đề xuất nhu cầu vật tư của các đơn vị năm 2018, 2019, 2020; 5.5.05 - Kế hoạch cung ứng vật tư theo kế hoạch đào tạo; 5.5.06 - Sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo CTĐT năm 2019, 2018, 2019, 2020; 5.5.07 – Báo cáo định kỳ hoạt động các kho và lưu trữ theo học kỳ, năm học**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.5, tiêu chí 5: Đạt

Tiêu chuẩn 5.6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện Trường đã có các CTĐT nghề Kế toán trình độ Cao đẳng (**1.1.08 - QĐ số 352/QĐ-CDCT ngày 08/7/2019 về việc ban hành CTĐT nghề Kế toán; 2.7.12 - QĐ số**

80/QĐ-CDCT ngày 14/2/2020 về việc ban hành CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán).

CTĐT nghề Kế toán có 38 môn học, mô đun trong đó có 8 môn học chung, 01 mô đun thực tập tốt nghiệp. Đối với chương trình liên thông có 24 môn học, mô đun (trong đó có 6 môn học chung và 18 môn học, mô đun chuyên ngành). Sáu môn học chung theo giáo trình của Bộ lao động Thương binh & Xã hội.

Trường có 57 giáo trình của 57 môn học mô đun đảm bảo 100% các môn học, mô đun đều có giáo trình (CTĐT chính quy và liên thông, riêng mô đun thực tập không biên soạn giáo trình mà biên soạn đề cương thực tập tốt nghiệp), mỗi giáo trình có đủ 5 bản in được lưu tại thư viện. *(4.9.01 - Bảng kê danh mục chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt: tên giáo trình, năm xuất bản, đơn vị xuất bản, số lượng bản in, bản điện tử đã được phê duyệt).*

Thư viện điện tử kết nối với Website của Trường tại địa chỉ <https://lib.hit.edu.vn> mục thư viện. Trang web của Trường và danh mục giáo trình, tài liệu được số hóa, được đưa lên website Trường và giáo viên, HSSV có thể truy cập khi cần thiết *(5.6.01 – Danh mục tài liệu tham khảo được số hóa; 5.6.02 - Danh mục giáo trình được số hóa).*

Với nguồn tài liệu và giáo trình phong phú, thư viện đáp ứng được hầu hết nhu cầu học tập và nghiên cứu của SV và GV *(5.6.03 - Đường link khảo sát ý kiến SV và GV về thư viện; 5.6.04 - Kết quả khảo sát ý kiến SV và GV về thư viện).*

- Đường link khảo sát GV

- + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hit.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-giao-vien-ve-chat-luong-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>
- + Năm học 2020 - 2019: <https://khaothi.hit.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-giao-vien-ve-chat-luong-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>
- + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hit.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-giao-vien-ve-chat-luong-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>

- Đường link khảo sát SV

- + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-4/>
- + Năm học 2020 - 2019: <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>
- + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.6, tiêu chí 5: Đạt

Tiêu chuẩn 5.7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có thư viện điện tử với diện tích 120 m² được bố trí riêng với 01 máy in, 01 máy chủ và 10 máy tính để tra cứu tài liệu thư viện. Cơ sở dữ liệu điện tử được lưu trong máy chủ quản lý của thư viện điện tử, HSSV có thể tra cứu theo địa chỉ <https://lib.hitu.edu.vn> mục thư viện. Phần mềm thư viện điện tử giúp nhân viên quản lý thư viện, bạn đọc dễ dàng quản lý và tra cứu tài liệu (**5.7.01 – Hình ảnh sử dụng trang website thư viện điện tử; 5.7.02 - Hợp đồng cung cấp Internet; Tổng Công ty viễn thông Viettel; 5.7.03 - Báo cáo đánh giá hoạt động của thư viện hàng năm; 5.7.04 - Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện**).

Định kỳ, Trường thực hiện khảo sát giảng viên, HSSV các công tác, hoạt động thư viện nhằm mục đích phục vụ công tác đào tạo (**5.6.03 – Đường link khảo sát hàng năm về mức độ thư viện đáp ứng yêu cầu của người sử dụng; 5.6.04 - Tổng hợp kết quả khảo sát hàng năm về mức độ thư viện đáp ứng yêu cầu của người sử dụng**).

- Đường link khảo sát GV

- + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-giao-vien-ve-chat-luong-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>
- + Năm học 2020 - 2019: <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-giao-vien-ve-chat-luong-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>
- + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-giao-vien-ve-chat-luong-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>
- Đường link khảo sát SV
 - + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-4/>
 - + Năm học 2020 - 2019: <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>
 - + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.7, tiêu chí 5: Đạt

Tiêu chuẩn 5.8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có 02 phần mềm mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy và được cài đặt tại Phòng học thực hành và phòng mô phỏng do khoa KTTTCNH quản lý (**5.8.01 - Danh sách mô-đun, môn học sử dụng các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy**), kết hợp với thời khóa biểu, kế hoạch đào tạo, giáo án của giáo viên các lớp nghề Kế toán trình độ cao đẳng cho thấy, các giáo viên đã giảng dạy tại các phòng học thực hành, phòng mô phỏng và đã sử dụng các phần mềm mô phỏng giảng dạy các môn học, mô đun chuyên ngành. (**5.8.02 - Hồ sơ giảng dạy hệ cao đẳng**

các năm 2019, 2018, 2019, 2020 gồm: Kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, giáo án của giáo viên các môn học, mô đun, sổ lên lớp, sổ tay giáo viên, bảng điểm của sinh viên các lớp; 5.8.03 - Hình ảnh giảng dạy một số MĐ/MH bằng phần mềm mô phỏng; 5.8.04 - Sổ nhật ký phòng thực hành).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.8, tiêu chí 5: Đạt

2.2.6. Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:

a) Mở đầu

Nhà trường đã tổ chức các hoạt động nhằm hỗ trợ cho người học thông qua các hoạt động sinh hoạt đầu khoá để cung cấp các thông tin về chương trình đào tạo ngành kế toán, các chính sách hỗ trợ cho sinh viên, tư vấn nghề nghiệp, hỗ trợ y tế, dịch vụ việc làm, các chính sách quan tâm đến khó khăn cho người học, hỗ trợ ký túc xá, các dịch vụ ăn uống, thể dục thể thao, khu vui chơi giải trí cho sinh viên.

Các đơn vị như phòng Quản lý đào tạo, phòng Quản lý sinh viên, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, phòng Ký túc xá là các bộ phận tham mưu đắc lực, và cập nhật thông tin thường xuyên để cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và giới thiệu việc làm cho sinh viên tốt nghiệp ra trường.

b) Những điểm mạnh

Sinh viên được cung cấp đầy đủ thông tin thông qua các buổi tư vấn nghề nghiệp, qua trang Web, Facebook, Fanpage của Trường, trên các phương tiện truyền thông đại chúng, tờ rơi, sổ tay sinh viên..., qua đó Nhà trường giới thiệu đến người học những ngành đào tạo, thời gian đào tạo, kế hoạch đào tạo, đồng thời cử các cán bộ có năng lực tư vấn trực tiếp cho người học.

Nhà trường có nhà ăn, căn tin phục vụ ăn uống cho giảng viên và sinh viên đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Khu nội trú được trang bị đầy đủ đèn điện, nước sạch sinh hoạt, nhà vệ sinh, đảm bảo an ninh trật tự và các phương tiện sinh hoạt khác có thể đáp ứng được đầy đủ nhu

cầu sinh viên muốn ở nội trú, và thường xuyên được tu bổ, sửa chữa, nâng cấp các thiết bị sử dụng. Để đảm bảo cho sinh viên có môi trường giải trí lành mạnh sau giờ học, ký túc xá có xây dựng sân bóng đá và khu công viên được bố trí các hàng ghế đá và trồng nhiều cây xanh.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho người học được quan tâm đặc biệt, bên cạnh chức năng của bộ phận y tế trong trường, Nhà trường thường xuyên phối hợp với các Bệnh viện Đa khoa khu vực để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho người học thường xuyên và trong các trường hợp khẩn cấp.

c) Những tồn tại

Thư viện chưa hoàn thành số hóa tạo lập thư viện điện tử để tiện lợi cho giảng viên và sinh viên học tập và nghiên cứu. Hệ thống mạng wifi chưa đủ mạnh.

Khu nội trú mặc dù đã được xây dựng khang trang rộng rãi nhưng số lượng phòng vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu của sinh viên.

Các dịch vụ như chăm sóc sức khỏe, khu vui chơi giải trí cho sinh viên chưa được đầu tư hiện đại.

d) Kế hoạch nâng cao chất lượng

Xây dựng hoàn thiện và đưa vào khai thác các công trình phục vụ cho sinh viên, nhà dịch vụ theo đề án trường chất lượng cao đến năm 2025.

Đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, hướng nghiệp và kết nối việc làm cho sinh viên, tạo điều kiện tốt nhất cho doanh nghiệp tham gia vào các hoạt động hỗ trợ sinh viên.

e) Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	8
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2

Tiêu chuẩn 6.1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về CTĐT; quy chế đào tạo; quy chế công tác sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về CTĐT; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học. Ngoài chế độ về học bổng, chế độ miễn giảm học phí theo quy định, nhà trường còn có các chính sách nhằm hỗ trợ cho sinh viên đặc biệt khó khăn trong quá trình học tập tại trường. *(6.1.01 – Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu năm của các năm học 2018, 2019, 2020; 6.1.02 - Các tài liệu cung cấp cho người học khi nhập học và trong quá trình học; 2.2.01 - Quy chế tổ chức đào tạo, quy chế xét thi kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp của trường; 6.1.03 - Ban hành Nội quy HSSV; 6.1.04 - Thông báo về mức thu học phí hằng năm của Trường; 6.1.05 - Các QĐ về việc ban hành quy định cấp học bổng khuyến khích học nghề, Quy định xét, miễn giảm học phí cho HSSV của Trường).*

Hàng năm, Trường thực hiện khảo sát SV về các dịch vụ, chế độ và chính sách vào mỗi đợt trong năm học, từ đó đưa ra những biện pháp giúp SV được cải thiện và có được môi trường học tập phù hợp nhất *(5.6.03 - Đường link khảo sát của giáo viên, người học về Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về CTĐT; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của Trường và các chế độ, chính sách đối với người học; 2.1.16 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến HSSV hàng năm).*

▪ Đường link khảo sát GV

- + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-giao-vien-ve-chat-luong-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>

- + Năm học 2020 - 2019: <https://khaothi.hit.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-giao-vien-ve-chat-luong-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>
- + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hit.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-giao-vien-ve-chat-luong-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>
- Đường link khảo sát SV
 - + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hit.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-4/>
 - + Năm học 2020 - 2019: <https://khaothi.hit.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>
 - + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hit.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/>

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.1, tiêu chí 6: Đạt

Tiêu chuẩn 6.2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động về tư vấn, hỗ trợ đối với người học là bộ phận phụ trách Công tác học sinh, sinh viên trực tiếp giải quyết những vấn đề về tư vấn, hỗ trợ người học về các vướng mắc trong thực hiện các quy định của trường cũng như các chính sách của nhà nước (**1.1.01 - QĐ số 52/QĐ-CDCT ngày 01/02/2018 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM**).

* Về chính sách miễn giảm học phí: Nhà trường thực hiện theo quy định miễn giảm học phí theo quy định đối với các trường hợp như gia đình thương binh liệt sĩ, hộ

nghèo, dân tộc thiểu số. Trong quá trình hỗ trợ, có đối tượng được hỗ trợ miễn giảm 100%, 70% và 50% học phí. (**6.1.04 - Thông báo về mức thu học phí hằng năm của Trường; 6.1.05 - Các QĐ về việc ban hành quy định cấp học bổng khuyến khích học nghề, Quy định xét, miễn giảm học phí cho HSSV của Trường các năm 2019-2020; 2019-2020; 2019-2020**).

* Về thực hiện chính sách học bổng:

Hàng năm Trường dành từ 8% đến 15% quỹ học phí làm quỹ học bổng cho học sinh với mức học bổng xác định theo quy chế chi tiêu nội bộ (**3.4.01 – Các quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018, 2019, 2020; 6.2.01 - Các QĐ khen thưởng đối với HSSV các năm - Danh sách sinh viên được khen thưởng các năm**)

* Về chăm sóc y tế cho học sinh:

Đầu năm, Trường thực hiện chế độ khám sức khỏe cho toàn bộ học sinh mới nhập học. Số liệu học sinh viên mới nghề Kế toán trình độ cao đẳng được khám sức khỏe đầu năm cụ thể như sau: Năm 2020: Khám sức khỏe cho 423 sinh viên, Năm 2019: Khám sức khỏe cho 386 sinh viên, Năm 2020: Khám sức khỏe cho 392 sinh viên (**6.2.02 - Biểu tổng hợp số liệu học sinh khám sức khỏe đầu khóa các năm 2020,2019, 2020**).

Trường có bộ phận y tế để khám chữa bệnh cho học sinh, phòng y tế được trang bị 01 giường khám chữa bệnh, có đầy đủ trang thiết bị, vật tư y tế và danh mục thuốc y tế đảm bảo theo Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/05/2016 quy định về công tác y tế trường học thực hiện việc sơ cứu ban đầu và cấp phát thuốc cho sinh viên. Hàng năm Trường có liên kết với Trung tâm y tế phường trong vấn đề chăm sóc sức khỏe (**6.2.03 - Hợp đồng khám sức khỏe hàng năm; 6.2.04 - Biên bản kiểm kê tài sản thiết bị, dụng cụ y tế**).

* Về tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập:

Cổ vấn học tập các lớp thực hiện sinh hoạt lớp hàng tuần theo lịch quy định, trong đó ngoài các nội dung như phổ biến, giải thích về thực hiện các Quy chế trong học tập và sinh hoạt còn thực hiện việc tư vấn giúp đỡ học sinh về mọi vấn đề liên quan tới việc học tập, sinh hoạt của sinh viên trong Trường như đăng ký để nhận chế độ chính sách đối với người học; đăng ký thực hiện chính sách, vay vốn tín dụng, ưu đãi; tư vấn

các nội dung liên quan đến quá trình học tập, rèn luyện, xét điểm học tập, rèn luyện, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên (**6.2.05 - Thông báo kết luận họp giao ban hàng tháng năm học 2020, 2019; 6.2.06 - Các biên bản sinh hoạt lớp năm học 2018, 2019, 2020**).

Hàng năm Trường có báo cáo tổng kết các hoạt động của Trường và đưa ra các phương hướng cho năm học tiếp theo (**1.2.03 - Báo cáo tổng kết năm học của Trường**)

Trường có bộ phận chuyên trách : Trung tâm hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp trực tiếp tư vấn về việc làm cho sinh viên qua trang web tại địa chỉ <https://www.hitu.edu.vn>. Qua đó để sinh viên có điều kiện tiếp xúc trực tiếp với trung tâm nhằm tìm kiếm việc làm phù hợp với năng lực, chuyên môn của mỗi người.

Định kỳ, Khoa KTTCNH phối hợp với Trung tâm Khảo thí và KĐCL thực hiện khảo sát SV về các dịch vụ, chế độ và chính sách vào mỗi đợt trong năm học, từ đó đưa ra những biện pháp giúp SV được cải thiện và có được môi trường học tập phù hợp nhất (**2.1.15 - Đường link <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/> ” khảo sát người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định năm học 2019-2020, “<https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/> năm học 2019-2020, <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-4/>” năm học 2019-2020**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.2, tiêu chí 6: Đạt

Tiêu chuẩn 6.3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Trường có tổ chức các ngày hội việc làm, tổ chức các buổi tiếp xúc, giao lưu giữa học sinh của Trường với các doanh nghiệp, các nhà tuyển dụng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh được tiếp cận đầy đủ thông tin tuyển dụng trên thị trường lao động, tư vấn về cơ hội việc làm. Với học sinh, sinh viên khối ngành Kế

toán, ngoài vấn đề chú trọng đào tạo chuyên ngành, nâng cao ngoại ngữ các em còn được Trường quan tâm, giúp đỡ, hướng nghiệp để các em có cơ hội tìm được việc làm đúng ngành nghề đào tạo tại các doanh nghiệp có thu nhập và chế độ tốt nhất. Hàng năm, Trường có bộ phận giải quyết việc làm và kết nối các doanh nghiệp, công ty uy tín trên địa bàn thành phố và có học sinh ra trường đang làm việc tại công ty như: Công ty cổ phần dệt may Liên Phương, nhà máy thép Pomina, Công ty TNHH Điện và công nghiệp Danh Đăng, công ty Nissei Electric Việt Nam.. đến giao lưu, quảng bá, tư vấn việc làm cho sinh viên tại Trường (**6.3.01 – Kế hoạch tư vấn giới thiệu việc làm cho SV năm học 2018, 2019, 2020; 6.3.02 – Danh sách các nhà tuyển dụng tham gia phiên giao dịch việc làm; 6.3.03– Báo cáo về việc tư vấn và giới thiệu việc làm cho SV NH-2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 6.3.04 - Một số hình ảnh về việc tư vấn việc làm và tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp tại trường**).

Ngoài ra, Trung tâm phối hợp với Đoàn Thanh niên Trường và Khoa KT - TCNH thường xuyên tiếp nhận các thông tin tuyển dụng của các doanh nghiệp, niêm yết lên các bảng tin được bố trí tại các khu vực của Trường, trên website, facebook, Fanpage Trường, đồng thời tiếp nhận các thông tin đăng ký tìm việc của sinh viên có nhu cầu; giới thiệu sinh viên đến đơn vị cần tuyển dụng để tìm hiểu, tham dự phỏng vấn tuyển chọn (**6.3.05 - Danh sách sinh viên đăng ký tìm việc làm; 6.3.06 - Hình ảnh trên website, facebook, Fanpage; 6.3.07 - Các thông báo về tuyển dụng lao động của các Doanh nghiệp đăng trên bảng tin nhà trường các năm**).

Nhằm đánh giá mức độ hài lòng về cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm, thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp, hàng năm Trường đều lấy ý kiến khảo sát sinh viên để cải tiến chất lượng (**2.1.16 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến sinh viên năm 2020, 2019**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.3, tiêu chí 6: Đạt

Tiêu chuẩn 6.4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đoàn Trường thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao thu hút đông đảo học sinh – sinh viên tham gia như các hoạt động giao lưu văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao với các đơn vị trong khối, ngành với các trường THPT; các hoạt động công tác xã hội, tình nguyện như thăm hỏi, tặng quà cho các gia đình chính sách, trẻ em mồ côi khuyết tật, các hoạt động vệ sinh môi trường, xanh hóa cơ sở đào tạo.

Hàng năm Đoàn Trường có báo cáo tổng kết các hoạt động phong trào trong HSSV trong đó có nghề Kế toán và có những quyết định khen thưởng những HSSV có thành tích xuất sắc tham gia phong trào do Trường tổ chức. Đa dạng hoá các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học, Trường thành lập các câu lạc bộ nhằm thúc đẩy, gắn kết HSSV nâng cao đời sống tinh thần, hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập và rèn luyện *(6.4.01 - Hình ảnh các khu hoạt động và khuôn viên trường, Hình ảnh hoạt động thể dục thể thao, phong trào Đoàn Hội; 6.4.02 - Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao cho HSSV; 6.4.03 - Quyết định khen thưởng các hoạt động phong trào trong HSSV).*

Nhằm đánh giá mức độ hài lòng về đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học, hàng năm Trường đều lấy ý kiến khảo sát HSSV để cải tiến chất lượng, kết quả cho thấy người học đánh giá hoạt động, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức tốt, có chất lượng cao *(6.4.04 - Đườnglink <https://khaothi.hit.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/> khảo sát người học về các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học năm học 2019-2020, <https://khaothi.hit.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/> năm học 2019-2020, <https://khaothi.hit.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-4/> năm học 2019-2020; 6.4.05 - Kết quả khảo sát người học về các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học năm học 2019-2020; 2018-2019, 2019-2020).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.4, tiêu chí 6: Đạt

2.2.7. Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

a) Mở đầu

Hàng năm, Trung tâm Khảo Thí và Đảm Bảo Chất Lượng đều xây dựng và trình Ban Giám Hiệu kế hoạch đảm bảo chất lượng của Trường. Nội dung kế hoạch đều nêu rõ những công việc cần thực hiện để duy trì và phát triển công tác đảm bảo chất lượng xuyên suốt năm công tác. Một trong những nội dung trong kế hoạch đảm bảo chất lượng là thu thập ý kiến đánh giá của các đối tượng tham gia vào hoạt động đào tạo. TT Khảo thí và Đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm xây dựng nội dung và tiến hành khảo sát, thu thập ý kiến.

Hoạt động tự đánh giá chất lượng CTĐT, tự đánh giá chất lượng của Trường được thực hiện một cách thường xuyên từ các đơn vị đào tạo đến Hội đồng tự đánh giá của Nhà trường theo đúng quy định.

b) Những điểm mạnh

Hàng năm có thu thập ý kiến của các đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của SV và sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thông qua thực tập doanh nghiệp hàng năm. Việc lấy ý kiến của CBQL, GV và NV về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý, được thực hiện bài bản, khoa học và chuyên nghiệp. Việc thu thập ý kiến của SV về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ cho SV được thực hiện nghiêm túc. Trường có tự đánh giá chất lượng CTĐT theo quy định.

c) Những tồn tại

Chất lượng các hoạt động giám sát, đánh giá chưa đồng đều do Nhà trường đang hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng.

Việc giữ liên hệ với các sinh viên đã tốt nghiệp còn nhiều khó khăn, đặc biệt là các sinh viên tốt nghiệp đã lâu. Một số sinh viên có việc làm chưa đúng chuyên ngành.

d) Kế hoạch nâng cao chất lượng

Tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động đảm bảo chất lượng, đồng thời xây dựng thêm các bộ công cụ, quy trình mới nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường theo xu thế mới đáp ứng các tiêu chí của trường chất lượng cao.

Tăng cường liên hệ sinh viên thông qua các ngày lễ, kỷ niệm, mời các cựu sinh viên tiêu biểu trong các hoạt động cải tiến CTĐT của Trường, Khoa nhằm nâng cao tính phù hợp kiến thức đào tạo và nhu cầu thực tế doanh nghiệp.

Phối hợp cùng các doanh nghiệp thường xuyên, tạo liên kết sinh viên và doanh nghiệp thông qua các đợt tham quan, thực tập. Duy trì quan hệ với các doanh nghiệp đã liên kết, đồng thời hợp tác thêm các doanh nghiệp mới nhằm đảm bảo tốt hơn đầu ra cho sinh viên.

e) Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 7.1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, TT Khảo thí & Bảo đảm chất lượng xây dựng kế hoạch khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của các doanh nghiệp đối với sinh viên được Trường đào tạo. Công tác lấy ý kiến doanh nghiệp bằng phương pháp sử dụng google drive khảo sát trực tuyến các doanh nghiệp đã và đang tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp (SVTN) nghề Kế toán (*1.1.09 - Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 7.1.02 - Ảnh chụp nội dung Phiếu khảo sát doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp và sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 1.1.11 - Đường link khảo sát doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của SVTN, sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ các năm*):

- + Năm học 2019-2020: <https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-doanh-nghiep-ve-muc-do-dap-ung-cua-svtn-chuan-dau-ra-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-2/>
- + Năm học 2019-2020: <https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-doanh-nghiep-ve-muc-do-dap-ung-cua-svtn-chuan-dau-ra-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-2/>
- + Năm học 2019-2020: <https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-y-kien-doanh-nghiep-ve-muc-do-dap-ung-cua-svtn-chuan-dau-ra-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020/>

Kết quả khảo sát ý kiến của doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của SVTN, sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (Trung tâm KT&ĐBCL) tổng hợp báo cáo kết quả (*7.1.03 - Danh sách các doanh nghiệp đã lấy ý kiến khảo sát năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 1.1.12 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến doanh nghiệp về sinh viên tốt nghiệp ngành Kế toán năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.1, tiêu chí 7: Đạt

Tiêu chuẩn 7.2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của người tốt nghiệp

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng hàng năm, TT KT&ĐBCL xây dựng kế hoạch, mẫu phiếu khảo sát để tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học, trong đó có thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của SVTN (**1.1.09 - Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 7.2.01- Ảnh chụp Phiếu khảo sát SV tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của SVTN năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 7.2.03 - Báo cáo kết quả điều tra lần vết về sinh viên sau tốt nghiệp năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 7.2.02 – Link khảo sát về thông tin việc làm sinh viên:**

- + Năm học 2019 - 2020: <https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-co-ban-voi-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-sau-khi-tot-nghiep-nam-hoc-2019-2020-3/>
- + Năm học 2020 - 2019: <https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-co-ban-voi-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-sau-khi-tot-nghiep-nam-hoc-2019-2020-3/> ”
- + Năm học 2019 - 2020 [“https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-co-ban-voi-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-sau-khi-tot-nghiep-nam-hoc-2019-2020-4/”](https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-co-ban-voi-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-sau-khi-tot-nghiep-nam-hoc-2019-2020-4/)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.2, tiêu chí 7: Đạt

Tiêu chuẩn 7.3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Trung tâm KT&ĐBCL có thực hiện khảo sát thu thập ý kiến nhà giáo, CBQL khoa KT-TCNH về công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý; bằng phương pháp sử dụng google drive khảo sát trực tuyến nhà giáo, CBQL; công cụ khảo sát là bảng hỏi được thiết lập đúng mục tiêu đợt khảo sát; đường link bảng hỏi được gửi đến từng nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và kết quả khảo sát được đánh giá trên 95% đạt yêu cầu về công tác

dạy học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại đánh giá nhà giáo, CBQL. *(7.3.01- Bản chụp Phiếu khảo sát GV, CBQL để thu thập thông tin về dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 7.3.02 - Danh sách cán bộ, giảng viên, nhân viên thuộc Khoa KT-TCNH; 7.3.03 - Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức thuộc Khoa KT-TCNH được thu thập ý kiến hàng năm; 7.3.04 - Ảnh chụp phiếu ý kiến về công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, CBQL, VC về công tác dạy và học năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 3.5.06 - Tổng hợp kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.3, tiêu chí 7: Đạt

Tiêu chuẩn 7.4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Trung tâm KT&ĐBCL xây dựng kế hoạch tổ chức thu thập ý kiến các đối tượng liên quan về các hoạt động bảo đảm chất lượng đào tạo, trong đó có đối tượng SV nghề Kế toán đang học các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020. Trung tâm KT&ĐBCL sử dụng phương pháp thu thập ý kiến trực tuyến; công cụ thu thập ý kiến là bảng hỏi được thiết lập đúng mục tiêu đợt khảo sát; đường link bảng hỏi được gửi đến từng sinh viên; nội dung bảng hỏi gồm: câu hỏi định lượng và câu hỏi mở; có tiêu chí cụ thể từng nội dung để khảo sát *(1.1.09 – Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 7.4.01 - Ảnh chụp Phiếu khảo sát SV để thu thập ý kiến về về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.1.15 – Đường link <https://khaothi.hitu.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-cao-nam-hoc-2019-2020-3/> khảo sát người học về chất lượng,*

hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học NH 2017-18, <https://khaothi.hit.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-3/> ” năm học 2019-2020, <https://khaothi.hit.edu.vn/phieu-khao-sat-y-kien-sinh-vien-ve-cac-hoat-dong-dam-bao-chat-luong-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-4/> năm học 2019-2020; 2.2.02 - Danh sách SV các lớp nghề Kế toán năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.1.17 - Danh sách SV được khảo sát ý kiến về tuyển sinh, về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; 2.1.16 - Tổng hợp kết quả khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.4, tiêu chí 7: Đạt

Tiêu chuẩn 7.5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT theo quy định

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để nâng cao chất lượng đào tạo nghề Kế toán; hàng năm, Trường có tiến hành tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán các năm 2020, 2019 theo đúng nội dung quy định Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 8/6/2017 quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Thứ trưởng Bộ LĐTBXH; trong đó có quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng. Quy trình tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán. Trường có thực hiện đúng theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Thứ trưởng Bộ LĐTBXH (**7.5.01- Quyết định số 1769/QĐ LĐTBXH ngày 25/11/2019 về việc Phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường cao đẳng, trường trung cấp được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025 của Thứ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; 7.5.04 - Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2020, 2019).**

Thành lập Hội đồng tự đánh giá (TĐG) chất lượng CTĐT (CTĐT) ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2020, 2019 *(7.5.06 Báo cáo tự đánh giá chất lượng năm 2020, 2019; 7.5.02 - Quyết định về việc Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2019, 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM).*

Hàng năm, Hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ban hành Kế hoạch Điều chỉnh, bổ sung thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2020, Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2019 *(7.5.03 Kế hoạch về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2019, 2020 của Chủ tịch Hội đồng - Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TPHCM).*

Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng: Trung tâm KT&ĐBCL sau khi hoàn chỉnh dự thảo báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán trình độ cao đẳng, đã thực hiện tổ chức lấy ý kiến góp ý các đơn vị thuộc Trường; thông qua họp Hội đồng TĐG dự thảo báo cáo tự đánh giá và trình duyệt Hiệu trưởng *(7.5.04 - Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2019; 7.5.05 - Biên bản họp Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán ngày 27/9/2020).*

Báo cáo tự đánh giá chất lượng năm 2019, Trường có gửi Sở LĐ-TB&XH TP.HCM và Tổng cục GDNN năm 2019 theo quy định và công khai báo cáo trên website Trường; riêng báo cáo tự đánh giá chất lượng năm 2020, Trường đang thực hiện do quy định Sở LĐTBXH TPHCM thời gian gửi báo cáo trước ngày 20/12/2020 *(7.5.06 - Báo cáo tự đánh giá chất lượng năm 2020; 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM; 7.5.07 – Đường link <https://khaothi.hit.edu.vn/index.php/kiem-dinh-cl/bao-cau-tu-danh-gia/448-bao-cau-ke-tua-tu-danh-gia-chat-luong-chuong-trinh-dao-tao-nganh-cong-nghe-ky-thuat-co-khi-trinh-do-cao-dang.html>” báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2019; <https://khaothi.hit.edu.vn/index.php/kiem-dinh-cl/bao-cau-tu-danh-gia/462-bc-kq-tdg-chat-luong-ctdt-nganh-cnkt-ck-trinh-do-cd-nam-2019.html> báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2020; 7.5.08 - Công văn số 18522/SLĐTBXH-GDDN ngày 30/5/2020 về việc*

thực hiện quy định hệ thống đảm bảo chất lượng GDNN năm 2020 của Phó Giám đốc Sở LĐ-TB&XH TPHCM).).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.5, tiêu chí 7: Đạt

Tiêu chuẩn 7.6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng, CTĐT trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, sau khi thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT *Kế toán* trình độ cao đẳng năm 2019, 2020; báo cáo tổng kết năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, Khoa Kế toán - TCNH cùng với Trung tâm KT&ĐBCL xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng CTĐT ngành Kế toán cho năm sau.

- Xác định được những điểm mạnh, nhận ra những hạn chế trên tất cả các lĩnh vực công tác, từ đó xây dựng hệ thống các giải pháp để tiếp tục phát triển các điểm mạnh và từng bước khắc phục các hạn chế trong việc triển khai CTĐT ngành *Kế toán*.

- Tạo cơ sở để ngành *Kế toán* đăng ký đánh giá ngoài chính thức, đồng thời thể hiện đúng cam kết của Ngành với xã hội và người học về chất lượng đào tạo phù hợp với Sứ mệnh, Tầm nhìn và Giá trị cốt lõi mà Trường đã công bố.

Trong kế hoạch đã đặt ra các nội dung cần thực hiện, tiến độ thời gian cụ thể, kết quả thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng CTĐT Trung tâm KT&ĐBCL đã báo cáo, trình duyệt Ban giám hiệu *(7.6.01 - Kế hoạch nâng cao chất lượng CTĐT ngành Kế toán năm 2020; 7.6.02- Báo cáo kết quả thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở tự đánh giá chất lượng CTĐT năm 2019).*

Các minh chứng cụ thể như:

*Trường có cử 17 giảng viên tham gia các lớp bồi dưỡng Chứng chỉ sư phạm dạy nghề, Tiếng Anh, Tin học, đưa giảng viên đi đánh giá kỹ năng nghề quốc gia nhằm đáp ứng tiêu chuẩn giảng viên trường chất lượng cao, hiện nay có 34/34 (100%) giảng viên khoa KT- TCNH có Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, chứng chỉ tiếng anh và tin học đáp ứng yêu cầu. *(3.5.01 - Các quyết định cử đi bồi dưỡng, thực tập tại doanh nghiệp về Kế toán từ năm 2019 đến năm 2020; 3.5.04 - Báo cáo kết quả học tập của giảng viên ngành Kế toán sau khi tham gia học tập, bồi dưỡng từ năm từ năm 2020 đến năm 2020);*

* Khoa KT- TCNH đã phân công các giảng viên bộ môn biên soạn hoàn chỉnh hai giáo trình nghề *Kế toán*: môn học Kế toán tài chính doanh nghiệp 1, Tài chính tiền tệ; hai giáo trình được thông qua Hội đồng thẩm định giáo trình Trường, áp dụng từ năm học 2019-2020; hiện nay CTĐT nghề *Kế toán* có đủ 100% giáo trình các môn học, mô đun (**4.11.01** - *Quyết định số 312a/QĐ-CDCT ngày 20/02/2018 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc thành lập Hội đồng khoa học thẩm định giáo trình đào tạo; 4.10.03 – Phiếu đánh giá giáo trình của Hội đồng thẩm định năm 2018, 2019, 2020; 4.10.02 - Biên bản thẩm định giáo trình năm 2018, 2019, 2020; 4.9.01- Danh mục giáo trình các môn học 2018, 2019, 2020; 4.9.02 - Bản in giáo trình nghề Kế toán trình độ cao đẳng [có trong Thư viện]*).

* Đã xây dựng nghiệm thu 85% ngân hàng câu hỏi thi cho tất cả các học phần thuộc CTĐT ngành Kế toán; hiện nay khoa Kế toán – Tài chính ngân hàng đang tiến hành bổ sung để hoàn chỉnh 100% ngân hàng đề thi các môn học, mô đun của CTĐT ngành Kế toán trong năm 2020.

* Về công tác quản lý đào tạo: năm học 2019-2020 khoa KT-TCNH đã tăng cường chất lượng công tác cố vấn học tập, xem xét phân công cố vấn học tập các lớp, đồng thời bổ sung qui định cố vấn học tập phải thường xuyên tiếp cận với sinh viên các lớp, động viên hướng dẫn sinh viên các phương pháp học tập; tạo điều kiện cho sinh viên học tập, tự nghiên cứu với tinh thần tự giác, hiểu rõ quy chế đào tạo và hoạch định được kế hoạch học tập cá nhân (**2.6.15** - *Quyết định phân công cố vấn học tập; 2.6.16 - Kế hoạch cố vấn học tập; 2.6.17 - Báo cáo tổng kết khoa KT-TCNH năm học 2019-2020*).

* Đã khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng về SV tốt nghiệp nghề *Kế toán* năm học 2019- 2020, khảo sát ý kiến SV tốt nghiệp về tình hình việc làm (**1.1.09- Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học NH 2017-18, 2020-21, 2019-2020; 1.1.12 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của doanh nghiệp về SVTN nghề Kế toán năm 2018-2019, 2019-2020; 2.6.04 - Báo cáo kết quả điều tra lần vết về sinh viên sau tốt nghiệp năm học 2018-2019, 2019-2020).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.6, tiêu chí 7: Đạt

Tiêu chuẩn 7.7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khoa KT-TCNH đã phối hợp cùng Trung tâm KT&ĐBCL tiến hành điều tra khảo sát 100% người học đã tốt nghiệp bằng cách sử dụng google drive khảo sát trực tuyến các SV đã tốt nghiệp nghề *Kế toán doanh nghiệp*, trình độ cao đẳng để thu thập thông tin về việc làm, trên cơ sở đó đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của người tốt nghiệp (**1.1.09** - *Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học NH 2017-18, 2020-21, 2019-2020; 7.2.01- Ảnh chụp Phiếu khảo sát SV tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của SV tốt nghiệp năm học 2019-20, 2020-21, 2019-2020; 7.2.02 (Đường link <https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-co-ban-voi-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-sau-khi-tot-nghiep-nam-hoc-2019-2020-3/> khảo sát về SV tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm NH 2017-2018, <https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-co-ban-voi-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-sau-khi-tot-nghiep-nam-hoc-2019-2020-3/> NH 2017-2018, <https://khaothi.hitu.edu.vn/khao-sat-co-ban-voi-tinh-hinh-viec-lam-cua-sinh-vien-sau-khi-tot-nghiep-nam-hoc-2019-2020-4/> NH 2017-2018; 7.2.03 - Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách SVTN năm 2019-20, 2020-21, 2019-2020: 2.6.04 - Báo cáo kết quả điều tra khảo sát về sinh viên sau tốt nghiệp NH 2017-18, 2020-21, 2019-2020).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.7, tiêu chí 7: Đạt

Tiêu chuẩn 7.8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Trung tâm KT&ĐBCL xây dựng kế hoạch, phiếu khảo sát doanh nghiệp về mức độ hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động (**1.1.09** - *Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học*

năm học 2019-20, 2020-21, 2019-2020; 7.1.02 - Ảnh chụp nội dung Phiếu khảo sát doanh nghiệp về về mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp và sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm học 2019-20, 2020-21, 2019-2020).

Trung tâm KT&ĐBCL đã phối hợp cùng Khoa KT-TCNH tiến hành khảo sát doanh nghiệp bằng phương pháp sử dụng google drive khảo sát trực tuyến các doanh nghiệp đã và đang tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp (SVTN) nghề *Kế toán* đang làm việc; thông tin, số liệu cần thu thập được gửi đường link đến từng doanh nghiệp **(1.1.11 - Đường link khảo sát các năm: Năm học 2019-2020: <https://khaothi.hit.edu.vn/khao-sat-y-kien-doanh-nghiep-ve-muc-do-dap-ung-cua-svtn-chuan-dau-ra-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-2/> ; Năm học 2019-2020: <https://khaothi.hit.edu.vn/khao-sat-y-kien-doanh-nghiep-ve-muc-do-dap-ung-cua-svtn-chuan-dau-ra-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020-2/> ; năm học 2019-2020; <https://khaothi.hit.edu.vn/khao-sat-y-kien-doanh-nghiep-ve-muc-do-dap-ung-cua-svtn-chuan-dau-ra-chuong-trinh-va-giao-trinh-dao-tao-nam-hoc-2019-2020/>; 7.1.03 - Danh sách các doanh nghiệp đã lấy ý kiến khảo sát năm học 2019-20, 2020-21, 2019-2020).**

Kết quả khảo sát ý kiến doanh nghiệp về sự hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động. Trung tâm KT&ĐBCL đã tổng hợp, báo cáo Ban giám hiệu Trường và là một kênh thông tin để Trường xem xét, điều chỉnh các hoạt động phù hợp, cải tiến CTĐT ngày càng chất lượng, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp **(1.1.12 - Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của doanh nghiệp về SVTN nghề Kế toán).**

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.8, tiêu chí 7: Đạt

PHẦN III

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CTĐT

Qua hoạt động tự đánh giá lần này, Khoa Kế toán – Tài chính ngân hàng cũng đã thấy rõ những điểm mạnh, nhận ra những hạn chế trên tất cả các lĩnh vực công tác, từ đó xây dựng hệ thống các giải pháp để tiếp tục phát triển các điểm mạnh và từng bước khắc phục các hạn chế. Kết quả này phản ánh trung thực và khách quan những nỗ lực của tập thể CB, GV, NV của Khoa trong 03 năm qua, trong bối cảnh Kiểm định chất lượng đào tạo vẫn đang còn là một lĩnh vực khá mới mẻ. Kết quả tự đánh giá lần này còn là cơ sở để ngành Kế toán đăng ký đánh giá ngoài chính thức, đồng thời thể hiện đúng cam kết của Ngành với xã hội và người học về chất lượng đào tạo phù hợp với Sứ mệnh, Tầm nhìn và Giá trị cốt lõi mà Trường đã công bố, và trong các năm học tới ngành Kế toán tiếp tục thực hiện một số công việc với mục đích nâng cao chất lượng, cụ thể:

1. Về công tác nhân sự

- Công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên được thực hiện theo kế hoạch, có quy trình và tiêu chuẩn cụ thể, rõ ràng và đúng quy định.
- Giảng viên khoa Kế toán - TCNH nói chung và ngành kế toán nói riêng đều có năng lực chuyên môn tốt, đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.
- Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Khoa đảm bảo đủ tỷ lệ giảng viên/sinh viên đáp ứng được các yêu cầu trong đào tạo ngành kế toán.
- Nhà trường có quy định cụ thể đánh giá năng lực của giảng viên đầy đủ, công khai, đảm bảo chính xác và khách quan. Năng lực của giảng viên được đánh giá thường xuyên bởi đồng nghiệp, Ban chủ nhiệm Khoa, Nhà trường và người học.
- Nhà trường đã có đề án vị trí việc làm nhằm quy hoạch chuẩn hoá vị trí việc làm và số lượng người làm việc ở mỗi vị trí. Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của nhân viên hỗ trợ có nhiều cải thiện nhờ công tác đào tạo bồi dưỡng thường xuyên và quá trình học tập nâng cao trình độ. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được xác định và phổ biến công khai. Chính điều này, phần lớn nhân viên đáp ứng được các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; hơn nữa được tạo mọi điều kiện để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

- Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá. Nhà trường có các quy định và quy trình đánh giá nhân viên phục vụ đào tạo đảm bảo tính công bằng, minh bạch và công khai... Do vậy, có thể đánh giá đúng năng lực của đội ngũ nhân viên.
- Hằng năm, Nhà trường và Khoa luôn quan tâm chú ý tới các nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, có các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ này.
- Đội ngũ giảng viên có học hàm TS chưa nhiều; tỷ lệ giảng viên theo giới tính chưa cân đối. Mặc dù tỉ lệ giảng viên/sinh viên được đảm bảo đủ đáp ứng yêu cầu. Tuy nhiên, số lượng giảng viên chất lượng cao còn hạn chế. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng đến từ các tổ chức, doanh nghiệp còn chưa nhiều. Nguồn tài chính để khuyến khích vật chất, chi trả theo số lượng và chất lượng sản phẩm bị hạn chế, nên ở mức độ nhất định, việc chi trả thu nhập vẫn mang tính bình quân. Các phân hóa thu nhập để thu hút nhân tài hầu như chưa thực hiện được.

2. Về công tác quản lý đào tạo

- Mục tiêu chương trình đào tạo ngành Kế toán được xây dựng rõ ràng, cụ thể, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn đã được tuyên bố, đáp ứng được nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.
- Mục tiêu giáo dục của Nhà trường và của ngành Kế toán đã được tuyên bố rõ ràng bằng văn bản, trên website, trong CTĐT. Mục tiêu này được phổ biến tới tất cả các bên liên quan, đặc biệt là các cán bộ, giảng viên và SV thực hiện theo. Mục tiêu này đã được các chuyên gia tại các cơ quan tuyển dụng (các trường đại học, các viện nghiên cứu, một số doanh nghiệp) góp ý, tham gia xây dựng.
- Phòng quản lý đào tạo đã có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định, tổ chức kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp chứng chỉ theo quy định, hồ sơ người học đầy đủ theo quy định.
- SV được GV hướng dẫn phương pháp học tập phù hợp với từng nội dung và từng học phần. SV được chủ động xây dựng kế hoạch học tập cho từng học phần, từng kỳ học phù hợp với bản thân. Người học được tiếp cận với hoạt động NCKH từ năm thứ nhất. Chương trình đào tạo có nhiều hoạt động thực tập, thực hành, thảo luận. Các hoạt động thực tế, thực tập đa dạng. Căn cứ vào các cuộc khảo sát ý kiến

của người học, giảng viên, các hoạt động dạy - học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng lớp, từng khóa, từng năm học nhằm đạt chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ và cởi mở.

- CDR của CTĐT ngành Kế toán được xác định rõ ràng, đảm bảo khối lượng kiến thức kỹ năng và năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm. CDR bao quát được cả yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.
- Bản mô tả CTĐT có đầy đủ các nội dung và thông tin về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp, khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường; thời gian đào tạo; khối lượng kiến thức toàn khóa học; đối tượng tuyển sinh; quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp; thang điểm; nội dung chương trình đào tạo bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; kế hoạch giảng dạy. Bản mô tả CTĐT được cập nhật những vấn đề mới về lĩnh vực kinh tế, kế toán theo định kỳ hàng năm.
- Chương trình môn học của ngành Kế toán thể hiện đầy đủ các thông tin, được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh và cập nhật, đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu của CTĐT. Trong quá trình biên soạn, cập nhật chương trình môn học đã có sự tham gia của các giảng viên, bộ môn, khoa và Hội đồng KH&ĐT cấp trường.
- Bản mô tả chương trình môn học các học phần được công bố công khai đến các bên liên quan để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận. Bản mô tả chương trình môn học ngành được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau như: cập nhật trên website Nhà trường, tư vấn trực tiếp tại các trường trung học phổ thông, được gửi qua các bảng hỏi điều tra hay gửi đến sinh viên tham gia ngành học trong sổ tay sinh viên.
- Phần mềm Quản lý đào tạo đôi khi bị lỗi, gây khó khăn trong công tác giám sát sự tiến bộ của SV. Đôi khi còn khó khăn trong việc phối hợp giữa các bộ chuyên trách được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV. Số lượng các hoạt động hỗ trợ, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên năm thứ nhất, năm thứ hai chưa nhiều. Bên cạnh đó, vẫn còn một số tồn tại như các bảng tin xung quanh các phòng làm việc của Khoa chưa được trang trí, trình bày một cách

sinh động, thể hiện những nét đặc trưng, riêng biệt của những người học tập, nghiên cứu và giảng dạy kế toán.

3. Về công tác Khảo thí và Đảm bảo chất lượng

- Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM đã có quy trình, quy định về đánh giá kết quả học tập, có các tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được của CDR. Các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp để đo lường mức độ đạt được của CDR.
- Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM đã có các tài liệu hướng dẫn xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học. Các tài liệu này được công bố công khai tới người học qua các kênh thông tin đa dạng như: tuần sinh hoạt công dân; buổi học đầu tiên của mỗi học phần; sổ tay sinh viên; website của Nhà trường; các buổi sinh hoạt lớp... Người học hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả kết quả học tập
- Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV đa dạng. Các tiêu chí kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được phân định rõ ràng. Đề thi đảm bảo độ tin cậy được Bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế khoa học, được kiểm chứng. Thang chấm và đáp án chấm đảm bảo sự công bằng và tin cậy khi chấm thi.
- Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM có các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá người học. Các quy định đó được công bố công khai, đúng thời gian quy định đến SV và GV.

4. Về công tác quản trị thiết bị vật tư

- Số lượng và diện tích phòng làm việc và các phòng học được xây dựng mới, đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập của sinh viên, các thiết bị được trang bị phù hợp, đáp ứng yêu cầu của việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập.
- Thư viện của Trường có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo cho các ngành đào tạo nói chung và ngành kế toán nói riêng. Thư viện được đầu tư đầy đủ thiết bị để phục vụ các hoạt động nghiệp vụ. Thư viện sử dụng các phần mềm hiện đại để

quản lý tài liệu in và tài liệu số. Thư viện có nguồn tài liệu số hóa rất lớn được bổ sung cập nhật hàng năm.

- Phòng thực hành được trang bị hệ thống máy tính đáp ứng đủ nhu cầu người học; phần mềm phù hợp, tương thích, đồng bộ và được kết nối mạng internet hỗ trợ tốt cho việc giảng dạy và học tập.
- Cán bộ quản lý phòng thực hành am hiểu kỹ thuật máy tính, đồng thời là giảng viên trực tiếp giảng dạy một số học phần kế toán máy. Các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH của giảng viên và sinh viên ngành Kế toán dần được tin học hóa, sử dụng hệ thống thông tin điện tử và các phần mềm chuyên dụng.
- Nhà trường có cảnh quan đẹp, rộng và thoáng mát; công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho cán bộ viên chức, GV và SV được chú ý quan tâm; có hệ thống camera theo dõi và bảo vệ khá chuyên nghiệp; có bộ phận y tế phục vụ nhu cầu sức khỏe cho công chức, viên chức, người lao động và sinh viên.
- Nguồn tài liệu tiếng nước ngoài của ngành kế toán còn hạn chế. Tài liệu nội sinh chưa nhiều. Nguồn kinh phí dành cho bổ sung tài liệu của ngành kế toán hằng năm còn ít. Việc chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin với các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp còn ít. Một số thiết bị phòng thực hành của khoa KTTC đã sử dụng được nhiều năm; phòng thực hành chưa được đầu tư nâng cấp theo hướng hiện đại, chưa theo kịp xu thế đổi mới của cách mạng công nghiệp 4.0 như việc số hóa cơ sở dữ liệu phục vụ người học và người dạy còn hạn chế

5. Về công tác nghiên cứu khoa học

- Hàng năm, trong khoa có tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành Kế toán – TCNH tham gia nghiên cứu khoa học, viết giáo trình nội bộ.
- Hàng năm, Khoa có tổ chức cho các giảng viên cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng, các giảng viên đã tham gia đầy đủ và đạt được nhiều kiến thức, kinh nghiệm để phục vụ cho công tác giảng dạy.
- Khoa đảm bảo tất cả các cán bộ quản lý, nhân viên và giảng viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.
- Hàng năm, tất cả các cán bộ quản lý, nhân viên và giảng viên hoàn thành các nhiệm vụ do khoa, trường giao.

PHẦN IV

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Xác định rõ tự đánh giá là khâu quan trọng trong hoạt động kiểm định chất lượng của nhà trường nói chung và chất lượng CTĐT trọng điểm ngành Kế toán nói riêng. Vì nó không chỉ tạo cơ sở cho công tác đánh giá ngoài, mà còn là cơ sở để cải tiến chất lượng.

Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán được tiến hành trong bối cảnh thuận lợi: Được lãnh đạo Trường tổ chức tập huấn cụ thể, được Cục khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ cung cấp tài liệu hướng dẫn cụ thể và chi tiết, được chuyên gia tư vấn tận tình, và đặc biệt, công tác tự đánh giá phù hợp với nguyện vọng nâng cao chất lượng CTĐT của tập thể cán bộ, giảng viên và nhân viên Khoa Kế toán- Tài chính ngân hàng. Nhưng quá trình tự đánh giá của Khoa cũng gặp không ít khó khăn, đó là những khó khăn của việc lần đầu tiên thực hiện công việc này, mất nhiều thời gian trong việc tìm minh chứng, lúng túng trong việc diễn đạt thể hiện phiếu đánh giá tiêu chí v.v.

Phát huy những thuận lợi cơ bản, vượt qua những khó khăn, đến nay, kế hoạch tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán đã được thực hiện, mang lại hiệu quả to lớn: Tập thể giảng viên Khoa Kế toán – Tài chính ngân hàng đã tự thấy rõ những mặt mạnh, những tồn tại của chính mình, từ đó đề ra được kế hoạch hành động cụ thể ngay sau khi tự đánh giá.

CTĐT ngành Kế toán đã đạt được 50/50 tiêu chuẩn của 7 tiêu chí. Kết quả tự đánh giá, một mặt cho thấy chất lượng của CTĐT ngành Kế toán được đảm bảo, đề từ đó tự tin và phát huy, mặt khác cho thấy những tồn tại cần thay đổi và nghiêm túc khắc phục.

2. Kiến nghị

Quá trình nghiên cứu, thực hiện tự kiểm định chất lượng CTĐT ngành Kế toán, Khoa Kế toán –Tài chính ngân hàng thấy rằng các văn bản quy phạm pháp luật về kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp: hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn, quy trình kiểm định khoa học phù hợp với việc đánh giá và cải tiến.

▪ **Về công tác nhân sự**

- + Tiếp tục rà soát, đổi mới chính sách quản lý nguồn nhân lực để duy trì và phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ cao. Xây dựng kế hoạch tuyển dụng giảng viên theo hướng ưu tiên giảng viên có học hàm, học vị cao; có chế độ ưu đãi thu hút nhân tài phù hợp.
- + Tiếp tục rà soát, đổi mới chính sách quản lý nguồn nhân lực và công tác đánh giá thi đua khen thưởng để khích lệ tinh thần làm việc của giảng viên.
- + Khoa Kế toán - TCNH cần chú trọng vào việc nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, tăng cường ký kết hợp tác để mời thêm chuyên gia từ các tổ chức, doanh nghiệp tham gia giảng dạy một số nội dung của các học phần chuyên ngành.
- + Tiếp tục rà soát hoàn thiện các tiêu chuẩn tuyển dụng để lựa chọn được những giảng viên phù hợp, đáp ứng ngày càng cao các yêu cầu của công việc.
- + Nhà trường và Khoa tiếp tục phối hợp tổ chức thêm các lớp bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ cho giảng viên nhằm nâng cao khả năng sử dụng ngoại ngữ đặc biệt là Tiếng anh cho cán bộ giảng viên để GV trẻ có điều kiện học tập. Tiếp tục quan tâm tạo điều kiện hỗ trợ, khuyến khích giảng viên tham gia các chương trình đào tạo tiến sĩ trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ cho giảng viên.
- + Tiếp tục rà soát, đổi mới chính sách quản lý nguồn nhân lực để duy trì và phát triển đội ngũ nhân viên giỏi, đồng thời phát huy tinh thần tập thể đoàn kết hỗ trợ giúp đỡ nhau cùng hoàn thành nhiệm vụ.
- + Khoa cần tiến hành khảo sát, đánh giá lại nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ; Lãnh đạo khoa bố trí người hỗ trợ nhân viên trong thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng nhằm giúp nhân viên trợ lý khoa có thể tham gia đầy đủ các khóa tập huấn, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

▪ **Về công tác quản lý đào tạo.**

Trường cao đẳng Công Thương TP.HCM kiên trì với đảm bảo và nâng cao chất lượng đầu ra (từ đầu vào thấp), xây dựng thương hiệu, uy tín. Nhà trường nâng cấp phần mềm Quản lý đào tạo. Tạo sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các bộ phận chuyên trách được phân công giám sát nhằm phát triển hệ thống giám sát

sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học. Bên cạnh đó, Khoa và Nhà trường định kỳ tổ chức các hoạt động hỗ trợ, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên ít nhất một lần/học kỳ

▪ **Về công tác Khảo thí và Đảm bảo chất lượng**

- + Các học phần có tỷ trọng thực hành nhiều, Khoa/Bộ môn sẽ xây dựng hình thức thi thực hành. Bên cạnh đó, Khoa Kế toán - TCNH yêu cầu GV công khai rõ ràng các hình thức, phương pháp đánh giá kết quả người học một cách nhanh chóng, kịp thời từ buổi học đầu tiên của mỗi học phần; Hướng dẫn GV sử dụng phần mềm Quản lý đào tạo, để kịp thời cập nhật điểm lên phần mềm, giúp người học sớm biết kết quả học tập của mình, có kế hoạch học tập tốt hơn.
- + Xây dựng hệ thống ngân hàng đề bài kiểm tra thường xuyên thống nhất với từng học phần, giảm sự phụ thuộc lớn từng GV trong khâu kiểm tra, đánh giá kết quả.
- + Khoa sẽ tổ chức các buổi tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm cho những CVHT mới, chưa có kinh nghiệm trong công việc tư vấn cho SV. Yêu cầu các cố vấn học tập có sự phối hợp chặt chẽ với khoa, nắm bắt tình hình học tập của SV để có những tư vấn tốt hơn cho SV. Tăng cường mối liên kết, tích cực trao đổi thông tin giữa gia đình và khoa thông qua ban cán sự lớp, CVHT, giáo vụ khoa trong việc hỗ trợ SV học tập tốt hơn nữa.
- + Tăng cường công tác tuyên truyền quy trình khiếu nại kết quả học tập đến người học. Xây dựng nhiều kênh trao đổi như email, website, trực tiếp, mạng xã hội.
- + Lập kế hoạch đầu tư thêm các trang thiết bị phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học cho cán bộ, giảng viên và SV.

▪ **Về công tác quản trị thiết bị vật tư**

- + Cần tiếp tục tăng cường ngân sách của trường cho đầu tư hoàn thiện CSVC, sửa chữa bảo dưỡng và thay thế kịp thời trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH.
- + Đề xuất Nhà trường tăng cường các đầu sách nước ngoài, đặc biệt là các sách mới xuất bản để đảm bảo tính cập nhật các tri thức mới trong lĩnh vực kế toán.

Tăng cường đầu tư nâng cấp thực hành theo hướng hiện đại, theo sát nhu cầu thực tế của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; Cải tiến nội dung và phương pháp thực hành, khuyến khích các hoạt động NCKH lĩnh vực tin học kế toán trong giảng viên và sinh viên nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng phòng thực hành. Đơn vị thực hiện: Phòng QT&ĐT, phòng TC-KT, Khoa Kế toán - TCNH.

- + Đẩy mạnh hơn nữa công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn; chú trọng hơn việc thăm khám sức khỏe cho cán bộ giảng viên, công nhân viên chức và sinh viên trong nhà trường.

▪ **Về công tác nghiên cứu khoa học**

- + Tăng số lượng và chất lượng các đề tài nghiên cứu khoa học, và mở rộng các hoạt động nghiên cứu khoa học.
- + Tăng cường liên hệ với các tổ chức, doanh nghiệp trong việc nhận SV thực tập và nhận các đề tài nghiên cứu, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp. Tìm kiếm và hợp tác thêm nhiều doanh nghiệp để tăng thêm cơ hội việc làm cho người học.

TP.HCM, ngày 14 tháng 12 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

PHỤ LỤC

1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán trình độ Cao đẳng năm 2020
2. Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán trình độ Cao đẳng năm 2020
3. Bảng mã minh chứng³

Phụ lục 1: Quyết định Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán trình độ Cao đẳng năm 2020

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 28/QĐ-CDCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

*Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2020*

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 2043/QĐ-BCT ngày 06 tháng 03 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Trường Cao đẳng Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán - Trình độ cao đẳng năm 2020 gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán - Trình độ cao đẳng năm 2020 có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội; Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng, Trưởng các đơn vị trong Trường và các thành viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TTKT&KDCL.

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Mạnh Tuấn

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KẾ TOÁN –
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NĂM 2020**

(Kèm theo quyết định số 292 /QĐ-CDCT, ngày 25/04/2020
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương Tp. Hồ Chí Minh)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Chức vụ trong Hội đồng
1.	Bùi Mạnh Tuấn	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	Nguyễn Thị Kim Thoa	Trưởng khoa Kế toán TCNH	Phó Chủ tịch
3.	Dương Thị Nhân	Giảng viên Khoa Kế toán TCNH	Thư ký
4.	Nguyễn Khả Đồng	Giảng viên Khoa Kế toán TCNH	Ủy viên
5.	Hồng Đức Bảo	Giảng viên Khoa Kế toán TCNH	Ủy viên
6.	Nguyễn Tấn Thắng	Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
7.	Trần Minh Nhật	Giám đốc TT Khảo thí – Kiểm định chất lượng	Ủy viên
8.	Trần Vũ Vượng	Chủ tịch công đoàn, Trưởng phòng Tổ chức hành chính	Ủy viên
9.	Đỗ Thanh Vân	Chuyên gia, TS khoa học giáo dục, Phó GD Trung tâm Dự báo nhu cầu nhân lực và Thông tin thị trường lao động TP. HCM	Ủy viên
10.	Văn Trung Dũng	GD công ty TNHH dịch vụ tư vấn thuế 247	Ủy viên
11.	Huỳnh Văn Hòa	Trưởng bộ phận tuyển dụng Ngân hàng Sacombank	Ủy viên

Tổng cộng 11 thành viên.

**Phụ lục 2: Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán trình
độ Cao đẳng năm 2020**

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 94/KH - CĐCT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2020

KẾ HOẠCH

Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2020

1. Mục tiêu tự đánh giá:

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giảng viên, nhân viên và học sinh, sinh viên trong toàn trường về tầm quan trọng của quy trình xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng và tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng;

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt, qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu Nhà trường.

2. Công cụ tự đánh giá:

- Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

- Hướng dẫn kèm theo Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ngày 25 tháng 3 năm 2019 về đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.

3. Quy trình tự đánh giá:

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành ngành Kế toán trình độ cao đẳng được quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động–Thương Binh và Xã Hội, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào ngành Kế toán trình độ cao đẳng;

- Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng;

- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng;



- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng và gửi báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng về Cục kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp thuộc Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

4. Nhiệm vụ của Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng:

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng;

- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng;

- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng.

5. Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng:

a) Khoa chuyên ngành chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng;

b) Các nội dung tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng bao gồm:

- Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng trình Hiệu trưởng phê duyệt;

- Căn cứ vào Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Hướng dẫn kèm theo Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp để thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng;

- Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng theo mẫu quy định tại Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

- Lấy ý kiến các đơn vị có liên quan thuộc Trường, tổng hợp và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng.

6. Phân bổ các đơn vị thực hiện thu thập minh chứng, cung cấp nội dung, số liệu theo tiêu chí, tiêu chuẩn liên quan

STT	Tiêu chí/	Đơn vị thực hiện
-----	-----------	------------------

	tiêu chuẩn	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính		
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa Kế toán TCNH
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa Kế toán TCNH
3.	Tiêu chuẩn 3	Phòng Tài chính Kế toán	Phòng QL Đào tạo; Khoa Kế toán TCNH
II	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo		
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa Kế toán TCNH
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa Kế toán TCNH
3.	Tiêu chuẩn 3	Khoa Kế toán - TCNH	Phòng Quản lý Đào tạo
4.	Tiêu chuẩn 4	Khoa Kế toán - TCNH	Trung tâm HTSV - QHDN
5.	Tiêu chuẩn 5	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa Kế toán TCNH
6.	Tiêu chuẩn 6	Trung tâm Khảo thí-KĐCL	
7.	Tiêu chuẩn 7	Phòng Đào tạo thường xuyên	Khoa Kế toán TCNH
III	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên		
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Tổ chức - Hành chính	Khoa Kế toán TCNH
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Tổ chức - Hành chính	Khoa Kế toán TCNH
3.	Tiêu chuẩn 3	Khoa Kế toán - TCNH	Phòng Tổ chức - Hành chính
4.	Tiêu chuẩn 4	Khoa Kế toán - TCNH	Phòng QLKHCN - HTQT
5.	Tiêu chuẩn 5	Phòng Tổ chức-Hành chính	Khoa Kế toán TCNH
6.	Tiêu chuẩn 6	Khoa Kế toán - TCNH	Phòng Quản lý Đào tạo
7.	Tiêu chuẩn 7	Phòng Tổ chức-Hành chính	Khoa Kế toán TCNH
8.	Tiêu chuẩn 8	Phòng Tổ chức-Hành chính	Khoa Kế toán TCNH
IV	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình		
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa Kế toán TCNH
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa Kế toán TCNH
3.	Tiêu chuẩn 3	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa Kế toán TCNH
4.	Tiêu chuẩn 4	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa Kế toán TCNH
5.	Tiêu chuẩn 5	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa Kế toán TCNH
6.	Tiêu chuẩn 6	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa Kế toán TCNH
7.	Tiêu chuẩn 7	Phòng Quản lý Đào tạo	Khoa Kế toán TCNH
8.	Tiêu chuẩn 8	Phòng Đào tạo thường xuyên	Phòng Quản lý Đào tạo
9.	Tiêu chuẩn 9	Phòng QLKHCN - HTQT	Khoa Kế toán TCNH
10.	Tiêu chuẩn 10	Phòng QLKHCN - HTQT	Khoa Kế toán TCNH
11.	Tiêu chuẩn 11	Phòng QLKHCN - HTQT	Khoa Kế toán TCNH
12.	Tiêu chuẩn 12	Phòng QLKHCN - HTQT	Khoa Kế toán TCNH
V	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện		

1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản trị thiết bị	Khoa Kế toán TCNH
2.	Tiêu chuẩn 2	Khoa Kế toán TCNH	Phòng Quản trị thiết bị
3.	Tiêu chuẩn 3	Khoa Kế toán TCNH	Phòng Quản trị thiết bị
4.	Tiêu chuẩn 4	Khoa Kế toán TCNH	Phòng Quản trị thiết bị
5.	Tiêu chuẩn 5	Phòng Quản trị thiết bị	Khoa Kế toán TCNH
6.	Tiêu chuẩn 6	Phòng Thông tin Thư viện	Khoa Kế toán TCNH
7.	Tiêu chuẩn 7	Phòng Thông tin Thư viện	Khoa Kế toán TCNH
8.	Tiêu chuẩn 8	Khoa Kế toán TCNH	
VI	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học		
1.	Tiêu chuẩn 1	Phòng Quản lý SV	Phòng Quản lý Đào tạo
2.	Tiêu chuẩn 2	Phòng Quản lý SV	Khoa Kế toán TCNH
3.	Tiêu chuẩn 3	Trung tâm HTSV - QHDN	Khoa Kế toán TCNH
4.	Tiêu chuẩn 4	Phòng Quản lý SV	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
VII	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng		
1.	Tiêu chuẩn 1	Trung tâm Khảo thí-KĐCL	Khoa Kế toán TCNH
2.	Tiêu chuẩn 2	Trung tâm Khảo thí-KĐCL	Khoa Kế toán TCNH
3.	Tiêu chuẩn 3	Trung tâm Khảo thí-KĐCL	Phòng Tổ chức-Hành chính
4.	Tiêu chuẩn 4	Trung tâm Khảo thí- KĐCL	Khoa Kế toán TCNH
5.	Tiêu chuẩn 5	Trung tâm Khảo thí- KĐCL	
6.	Tiêu chuẩn 6	Khoa Kế toán TCNH	Trung tâm Khảo thí- KĐCL
7.	Tiêu chuẩn 7	Khoa Kế toán TCNH	Trung tâm Khảo thí- KĐCL
8.	Tiêu chuẩn 8	Khoa Kế toán TCNH	Trung tâm Khảo thí- KĐCL

Phụ lục 3: Bảng mã minh chứng

Số TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1	1	1	1.1.01		QĐ số 52/QĐ-CĐCT ngày 01/02/2018 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM
2			1.1.02		QĐ số 185/QĐ-CĐCT ngày 16/12/2017 ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kế toán
3			1.1.03		Địa chỉ website của Trường: www.hitu.edu.vn
4			1.1.04		Các ấn phẩm, tờ rơi, chứng nhận phát sóng, bài báo giới thiệu về trường hàng năm
5			1.1.05		Quyết định số 152/QĐ-CĐCT ngày 07/05/2019 thành lập Tổ biên soạn CTĐT cao đẳng nghề Kế toán
6			1.1.06		Quyết định số 309/QĐ-CĐCT ngày 26/06/2019 thành lập Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo nghề Kế toán
7			1.1.07		Biên bản thẩm định chương trình đào tạo năm 2019
8			1.1.08		Quyết định số 352/QĐ-CĐCT ngày 8/7/2019 ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kế toán của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TP HCM
9			1.1.09		Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học NH 2017-18, 2018-19, 2019-20

10			1.1.10		Phiếu khảo sát chất lượng giảng dạy của giảng viên
11			1.1.11		Đường link khảo sát ý kiến doanh nghiệp đối với SVTN ngành Kế toán về CTĐT năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20
12			1.1.12		Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến doanh nghiệp về chương trình đào tạo NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
13			1.1.13		Thông báo tuyển dụng của doanh nghiệp về ngành Kế toán
14			1.1.14		Biên bản ngày 03/6/2020 họp v/v điều chỉnh chương trình đào tạo
			1.1.15		QĐ số 137a/QĐ-CĐCT ngày 18/04/2020 ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kế toán
15	1	2	1.2.01		Kế hoạch công tác năm Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng - TCNH năm 2018, 2019, 2020
16			1.2.02		Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng - TCNH NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
17			1.2.03		Báo cáo tổng kết hàng năm của Trường năm học 2016-2017, 2017-2018, 2018-2019
18			1.2.04		QĐ công nhận danh hiệu thi đua của tập thể khoa KT-TCNH 2017-18, 2018-19, 2019-20
19	1	3	1.3.01		Định mức kinh tế kỹ thuật nghề Kế toán năm 2018, 2019, 2020
20			1.3.02		Định mức chi tối thiểu cho một sinh viên năm 2018, 2019, 2020
21			1.3.03		Bảng tổng hợp thu chi ngành kế toán 2018, 2019, 2020
22			1.3.04		Báo cáo tài chính năm 2018, 2019, 2020

23			1.3.05		Biên bản xét duyệt quyết toán và thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách các năm 2018, 2019, 2020
24	2	1		1.1.01	QĐ số 52/QĐ-CDCT ngày 01/02/2018 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM
25			2.1.01		QĐ số 506/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ TC, CD chính quy 2019 Trường CD Công Thương TP.HCM ngày 8/9/2019 của Hiệu trưởng trường CD Công Thương TP.HCM; QĐ số 70/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ TC, CD chính quy 2020 Trường CD Công Thương TP.HCM ngày 27/2/2020 của Hiệu trưởng trường CD Công Thương TP.HCM; QĐ số 265/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ TC, CD chính quy 2020 Trường CD Công Thương TP.HCM ngày 27/2/2020 của Hiệu trưởng trường CD Công Thương TP.HCM
26			2.1.02		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN số 195/2017/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 28/06/2017 của Tổng cục Dạy nghề
27			2.1.03		Đề án tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020
28			2.1.04		Thông báo tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020
29			2.1.05		Kế hoạch tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020
30			2.1.06		Các quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020
31			2.1.07		Các quyết định thành lập Ban thư ký hội đồng tuyển sinh, Ban tư vấn tuyển sinh, Ban truyền thông tuyển sinh năm 2018, 2019, 2020

32			2.1.08		Biên bản họp xét tuyển của Hội đồng tuyển sinh 2018, 2019, 2020
33			2.1.09		Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển năm 2018, 2019, 2020
34			2.1.10		Quyết định biên chế các lớp và quyết định thí sinh đã trúng tuyển năm 2018, 2019, 2020
35			2.1.11		Báo cáo công tác tuyển sinh, tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020
36			2.1.12		Ảnh chụp tra cứu kết quả tuyển sinh
37			2.1.13		Hồ sơ thí sinh trúng tuyển nhập học CTĐT Kế toán năm 2018, 2019, 2020
38				1.2.03	Báo cáo tổng kết hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của Trường NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
39			2.1.14		Kết quả kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định của pháp luật trong việc quản lý, điều hành công tác tuyển sinh, quản lý đào tạo
40			2.1.15		Đường link khảo sát ý kiến SV về các hoạt động bảo đảm chất lượng đào tạo các năm học có nội dung về tuyển sinh NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
41			2.1.16		Báo cáo kết quả khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học (trong đó có tuyển sinh) NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
42			2.1.17		Danh sách SV được khảo sát ý kiến về công tác tuyển sinh 3 năm học NH 2017-18, 2018-19, 2019-20

43			2.1.18		Sổ hợp Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng - TCNH đóng góp ý kiến về tổ chức tuyển sinh NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
44	2	2		1.1.08	Quyết định số 352/QĐ-CDCT ngày 8/7/2019 ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kế toán của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TP HCM
45			2.2.01		Quyết định số 508/QĐ-CDCT ngày 5/9/2019 ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp Trường Cao đẳng Công Thương TPHCM
46				2.1.10	Quyết định biên chế các lớp và quyết định thí sinh đã trúng tuyển năm 2018, 2019, 2020
47			2.2.02		Danh sách SV các lớp Kế toán NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
48			2.2.03		Kế hoạch học tập và giảng dạy hàng năm của Trường NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
49			2.2.04		Tiến độ đào tạo NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
50			2.2.05		Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
51			2.2.06		Kế hoạch giảng dạy của giảng viên NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
52			2.2.07		Giáo án giảng dạy của giảng viên NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
53			2.2.08		Sổ lên lớp của giảng viên NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
54			2.2.09		Sổ tay của giảng viên NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
55			2.2.10		Bảng ghi điểm môn học/học phần của Sinh viên NH 2017-18, 2018-19, 2019-20

56			2.2.11		Các quyết định thi kết thúc khóa học, thi tốt nghiệp ngành Kế toán NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
57				2.1.14	Báo cáo kết luận kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định của pháp luật trong việc quản lý, điều hành công tác tuyển sinh, quản lý đào tạo năm 2018, 2019, 2020
58			2.2.12		Tập biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
59			2.2.13		Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
60			2.2.14		Kế hoạch dự giờ, Phiếu dự giờ NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
61			2.2.15		Báo cáo kết quả dự giờ, đánh giá giảng viên NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
62			2.2.16		Báo cáo tổng kết hàng năm: Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng - TCNH, phòng QLĐT, Trung tâm KT&ĐBCL, phòng CTHS-SV
63	2	3		1.1.02	Quyết định số 907/QĐ-CDCT ngày 15/12/2017 ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kế toán của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TP HCM
64				1.1.08	Quyết định số 352/QĐ-CDCT ngày 8/7/2019 ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kế toán của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TP HCM
65			2.3.01		Đề cương chi tiết 3 mô đun kỹ năng mềm
66				2.2.14	KH dự giờ, Phiếu dự giờ NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
67				2.2.15	Báo cáo kết quả dự giờ, đánh giá giảng viên NH 2017-18, 2018-19, 2019-20

68			2.3.02		Báo cáo tổng kết hàng năm: Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng - TCNH, phòng QLĐT
69				2.2.07	Giáo án giảng dạy của giảng viên NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
70				1.1.09	Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
71				2.1.15	Đường link khảo sát ý kiến SV về các hoạt động bảo đảm chất lượng đào tạo các năm học có nội dung về tuyển sinh NH 2017-18, 2018-19, 2019-20; mẫu Phiếu lấy ý kiến về phương pháp đào tạo NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
72				2.1.16	Báo cáo kết quả khảo sát người học về các phương pháp đào tạo NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
73			2.3.03		Hợp đồng gói thầu: phần mềm quản lý đào tạo của Trường Cao đẳng Công Thương TP HCM với Công ty TNHH Công nghệ Anh Quân
74			2.3.04		Các ảnh chụp: website kết nối phần mềm Edusoft; truy cập và tra cứu được các thông tin về: tuyển sinh; thời khóa biểu; lịch thi, kiểm tra; tra cứu điểm hết môn, học phần; điểm đánh giá rèn luyện; kết quả công nhận tốt nghiệp
75			2.3.05		Bảng danh mục các môđun/môn học của CTĐT ngành Kế toán có ứng dụng CNTT
76	2	4	2.4.01		Kế hoạch cho HSSV đi thực tập tại các đơn vị năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20
77			2.4.02		Biên bản ghi nhớ hợp tác với doanh nghiệp về việc cho SV thực hành, thực tập tại các doanh nghiệp NH 2017-18, 2018-19, 2019-20

78			2.4.03		Các Quyết định về việc cử sinh viên đi thực hành, thực tập tại doanh nghiệp NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
79			2.4.04		Danh sách giảng viên hướng dẫn thực tập tốt nghiệp NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
80			2.4.05		Đề cương thực hành, thực tập tại doanh nghiệp năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20
81			2.4.06		Báo cáo kết quả thực tập của sinh viên, báo cáo của giảng viên về việc thực tập của nhóm SV tại đơn vị năm 2018, 2019, 2020
82			2.4.07		Danh sách người học Kế toán đã tốt nghiệp trong các năm 2018, 2019, 2020
83			2.4.08		Bảng tổng hợp kết quả thực tập, kết quả tốt nghiệp của HSSV năm 2018, 2019, 2020
84			2.4.09		Các Quyết định thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp và các Quyết định công nhận tốt nghiệp năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
85	2	5		2.2.01	Quyết định số 508/QĐ-CDCT ngày 5/9/2019 ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp Trường Cao đẳng Công Thương TPHCM
86			2.5.01		Quyết định số 705/QĐ-CDCT ngày 10/11/2019 ban hành Quy trình tổ chức thi kết thúc môn học Trường Cao đẳng Công Thương TPHCM
87			2.5.02		Kế hoạch tổ chức thi, kiểm tra kết thúc môn năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
88			2.5.03		Quyết định thành lập Hội đồng thi kết thúc môn năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020

89			2.5.04		Quyết định thành lập Ban coi thi, Ban chấm thi kết thúc môn năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
90			2.5.05		Biên bản họp xét điều kiện dự thi kết thúc môn học, mô đun, danh sách SV đủ điều kiện dự thi và SV không đủ điều kiện dự thi kết thúc môn năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
91			2.5.06		Biên bản họp kết luận thanh kiểm tra, giám sát công tác tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ hàng năm
92			2.5.07		Đề thi kết thúc môn năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
93			2.5.08		Danh sách người học dự thi có chữ ký của người học và cán bộ coi thi năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
94			2.5.09		Bài thi lưu kết thúc môn (bản cứng, bản mềm) năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
95			2.5.10		Phiếu chấm bài thi lưu kết thúc môn năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
96			2.5.11		Bảng điểm SV các môn trong HK năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
97			2.5.12		Ảnh tra cứu điểm trên websie Trường
98				2.4.09	Các quyết định thành lập Hội đồng thi và xét tốt nghiệp năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
99			2.5.13		Bảng tổng hợp Danh sách SV các khóa xét điều kiện công nhận TN, công nhận kết quả học tập năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020

100			2.5.14		Các biên bản họp Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp, công nhận kết quả học tập năm học năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; Bảng thống kê về kết quả tốt nghiệp các khóa năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
101			2.5.15		Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020
102			2.5.16		Ảnh tra cứu kết quả công nhận tốt nghiệp trên website Trường
103				2.3.02	Báo cáo tổng kết phòng QLĐT, Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
104			2.5.17		Ý kiến của CBQL, GV, cô vấn học tập Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng -TCNH về công tác tổ chức thi kết thúc môn, HK; xét công nhận tốt nghiệp, công nhận kết quả học tập, đánh giá rèn luyện SV năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020 (Sổ họp Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng)
105				1.2.03	Báo cáo tổng kết hàng năm của Trường NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
106			2.5.18		Quyết định số 520/QĐ-CDCT ngày 5/9/2019 về việc ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên của Trường Cao đẳng Công Thương TPHCM
107			2.5.19		Kế hoạch tổ chức đánh giá rèn luyện của HSSV năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020 hình thức trực tuyến
108			2.5.20		Bản cứng và mẫu phiếu tự đánh giá rèn luyện năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020 trực tuyến
109			2.5.21		Danh sách HSSV thực hiện tự đánh giá rèn luyện năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020 trực tuyến
110			2.5.22		Bảng tổng hợp KQRL của HSSV các khoa năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020

111			2.5.23		Bảng tổng hợp KQRL của HSSV khoa KT-TCNH năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
112			2.5.24		Biên bản họp Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
113			2.5.25		Các quyết định công nhận kết quả rèn luyện của HSSV năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020; Sổ quản lý HSSV
114			2.5.26		Ảnh chụp tra cứu kết quả điểm rèn luyện trên website Trường
115			2.5.27		Quyết định số 507/QĐ-CDCT ngày 5/9/2019 về việc ban hành Quy chế in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng Trường Cao đẳng Công Thương TPHCM;
116			2.5.28		Quyết định số 374a/QĐ-CDCT về việc phê duyệt mẫu phôi bằng trung cấp, cao đẳng ban hành ngày 14/8/2019 của Hiệu trưởng Trường CDCT
117			2.5.29		Công văn số 148/CĐKTCT-CDCT ngày 14/8/2019 về việc báo cáo nội dung in trên phôi bằng tốt nghiệp Cao đẳng, Trung cấp của Trường CDCT TPHCM gửi TCGDNN- Bộ LĐTBXH, Sở LĐTBXH TPHCM, CA TP HCM
118			2.5.30		Quy định về mẫu bằng tốt nghiệp TC, CĐ, in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp TC, CĐ
119			2.5.31		Sổ cấp bằng TN các trình độ (bản chính); Sổ cấp bằng TN (bản sao)
120			2.5.32		Báo cáo Sở LĐTBXH công tác cấp văn bằng/chứng chỉ hàng năm và báo cáo các trường hợp sai hỏng
121			2.5.33		Biên bản kiểm tra và hủy phôi văn bằng, chứng chỉ bị sai hỏng

122	2	6		1.1.01	Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM ngày 1/2/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM
123			2.6.01		Kế hoạch thanh tra đào tạo NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
124				2.2.12	Tập biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học của các đợt kiểm tra, giám sát NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
125				2.2.13	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
126				2.1.14	Báo cáo kết luận kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định của pháp luật trong việc quản lý, điều hành công tác tuyển sinh, quản lý đào tạo năm 2018, 2019, 2020)
127				2.2.14	Kế hoạch dự giờ, Phiếu dự giờ năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20
128				2.2.15	Báo cáo kết quả dự giờ, đánh giá giảng viên NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
129				2.2.16	Báo cáo tổng kết Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng, phòng QLĐT, Trung tâm KT&ĐBCL, phòng CTHS-SV
130			2.6.02		Đường link khảo sát của các đối tượng có liên quan về hoạt động dạy và học NH 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020

131			2.6.03		Báo cáo kết quả khảo sát GV, CBQL để thu thập thông tin về dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
132				2.1.16	Báo cáo kết quả khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học (trong đó có cơ sở vật chất học nghề) NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
133				2.2.03	Kế hoạch học tập và giảng dạy hàng năm của Trường năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
134				2.2.04	Tiến độ đào tạo năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
135				2.2.05	Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học của giảng viên Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
136				1.1.02	Quyết định số 907/QĐ-CDCT ngày 15/12/2017 ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kế toán của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TP HCM
137				1.1.08	Quyết định số 352/QĐ-CDCT ngày 8/7/2019 ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kế toán của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TP HCM
138				2.3.01	Đề cương chi tiết 3 mô đun kỹ năng mềm
139				1.1.12	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến doanh nghiệp về chương trình đào tạo năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
140			2.6.04		Báo cáo kết quả điều tra lần vết về sinh viên sau tốt nghiệp năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020
141			2.6.05		Danh mục thiết bị hiện có đào tạo ngành Kế toán

142			2.6.06		Hồ sơ xuất xứ các máy móc thiết bị thuộc Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng - TCNH 2018, 2019, 2020
143				2.5.01	Quyết định số 705/QĐ-CDCT ngày 10/11/2019 ban hành Quy trình tổ chức thi kết thúc môn học Trường Cao đẳng Công Thương TPHCM
144			2.6.07		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình
145			2.6.08		Phiếu đánh giá giáo trình của Hội đồng thẩm định năm 2019, 2018, 2019, 2020
146			2.6.09		Biên bản thẩm định giáo trình năm 2018, 2019, 2020
147			2.6.10		Danh mục giáo trình các môn học 2018, 2019, 2020
148			2.6.11		Bản in giáo trình nghề Kế toán trình độ cao đẳng [có trong Thư viện]
149			2.6.12		Các quyết định cử đi học tập nâng cao trình độ hàng năm của giảng viên ngành Kế toán 2019-2020
150			2.6.13		Các quyết định tham gia các chương trình tham quan, học tập hàng năm của giảng viên ngành Kế toán từ năm 2019 – 2020
151			2.6.14		Báo cáo kết quả học tập của giảng viên ngành Kế toán sau khi tham gia học tập, bồi dưỡng từ năm 2019 – 2020
152			2.6.15		Quyết định phân công cố vấn học tập
153			2.6.16		Kế hoạch cố vấn học tập
154			2.6.17		Báo cáo tổng kết Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng - TCNH năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020

155	2	7	1.1.01	Quyết định số 52/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM ngày 01/02/2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM; Quyết định số 16/QĐ-CDCT về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM ngày 7/1/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM
156			2.1.02	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động DN số 195/2017/GCNĐKHĐ-TCDN ngày 28/6/2017 của Tổng cục trưởng Tổng cục DN [trong đó có nghề Kế toán trình độ cao đẳng]
157			2.7.01	Quyết định số 521/QĐ-CDCT ngày 9/9/2019 ban hành Quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Công Thương TP. HCM
158			2.7.02	QĐ số 1171/QĐ-CDCT ngày 31/12/2020 về việc công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập các môn học của sinh viên đang học liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng hệ chính quy nghề Kế toán khoá 2020-2020
159			2.7.03	Quyết định tuyển sinh đào tạo cao đẳng liên thông 2020
160			2.7.04	Thông báo tuyển sinh cao đẳng liên thông năm 2018, 2019, 2020
161			2.7.05	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh cao đẳng liên thông từ trình độ trung cấp năm 2018, 2019, 2020
162			2.7.06	Báo cáo tình hình đào tạo liên thông năm 2018, 2019, 2020
163			2.7.07	Biên bản xét tuyển cao đẳng liên thông năm 2018, 2019, 2020
164			2.7.08	Biên bản xác nhận điểm trúng tuyển kỳ xét tuyển cao đẳng liên thông hệ chính quy 2018, 2019, 2020

165			2.7.09	Quyết định trúng tuyển cao đẳng liên thông năm 2018, 2019, 2020
166			2.7.10	Danh sách SV trúng tuyển cao đẳng liên thông nghề Kế toán
167			2.7.11	Hồ sơ SV trúng tuyển cao đẳng liên thông 2018, 2019, 2020
168			2.7.12	QĐ số 83/QĐ-CDCT ngày 14/2/2020 về việc ban hành CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán
169			2.7.13	Kế hoạch và tiến độ đào tạo năm học 2019-20; 2020-21, 2019-22
170			2.7.14	Thời khóa biểu giảng dạy của giảng viên NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
171			2.7.15	Hồ sơ giảng viên NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
172			2.7.16	Phiếu chấm bài thi lưu kết thúc môn học NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
173			2.7.17	Kế hoạch tổ chức thi kết thúc môn HK1, HK2 lớp cao đẳng liên thông
174			2.7.18	Danh sách SV đủ điều kiện dự thi và SV không đủ điều kiện dự thi kết thúc môn HK 1 và HK 2 lớp cao đẳng liên thông
175			2.7.19	Danh sách người học dự thi có chữ ký của người học và cán bộ coi thi HK 1 và HK 2 lớp cao đẳng liên thông
176			2.7.20	Bài thi lưu kết thúc môn, HK (bản cứng, bản mềm) HK 1 và HK 2 lớp cao đẳng liên thông
177			2.7.21	Phiếu chấm bài thi lưu kết thúc môn, HK (lý thuyết- thực hành) HK 1 và HK 2 lớp liên thông
178			2.7.22	Bảng điểm SV môn học/mô đun HK 1 và HK 2 lớp cao đẳng liên thông

179				2.2.01	Quyết định số 508/QĐ-CDCT ngày 5/9/2019 ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp Trường Cao đẳng Công Thương TPHCM) và quy trình tổ chức thi kết thúc môn học
180				2.5.01	Quyết định số 705/QĐ-CDCT ngày 10/11/2019 ban hành Quy trình tổ chức thi kết thúc môn học Trường Cao đẳng Công Thương TPHCM
181				2.5.19	Kế hoạch tổ chức đánh giá rèn luyện của HSSV năm học 2019-2020 hình thức trực tuyến
182				2.5.20	Mẫu phiếu tự đánh giá rèn luyện năm học 2019-2020trực tuyến
183				2.5.21	Danh sách HSSV thực hiện tự đánh giá rèn luyện năm học 2019-2020 trực tuyến
184				2.5.22	Bảng tổng hợp KQRL của HSSV các khoa năm học 2019-20
185				2.5.23	Bảng tổng hợp KQRL của HSSV năm học 2019-2020
186				2.5.24	Biên bản họp Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV năm học 2019-2020
187				2.5.25	Các quyết định công nhận kết quả rèn luyện của HSSV năm học 2019-2020
188				2.5.26	Ảnh chụp tra cứu kết quả điểm rèn luyện trên website Trường
189				2.6.01	Kế hoạch thanh tra đào tạo NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
190				2.2.12	Tập biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
191				2.2.13	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học NH 2017-18, 2018-19, 2019-20

192	3	1	3.1.01		Danh sách trích ngang giảng viên ngành Kế toán
193			3.1.02		Hồ sơ giảng viên ngành Kế toán
194			3.1.03		Báo cáo kết quả đánh giá trình độ giảng viên theo Thông tư 08 NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
195			3.1.04		Danh sách và hồ sơ GV dạy các môn học chung
196	3	2	3.2.01		Quyết định số 505/QĐ-CDCT ngày 05/9/2019 quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên
197			3.2.02		Quyết định số 504/QĐ-CDCT ngày 05/9/2019 Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường CD Công Thương TP.HCM
198			3.2.03		Hồ sơ đánh giá và phân loại nhà giáo nghề Kế toán năm học 2019-20; 2020-21, 2019-22
199			3.2.04		Báo cáo kết quả cụ thể đánh giá; phân loại nhà giáo của Trường năm 2018, 2019, 2020
200				2.6.17	Báo cáo tổng kết hàng năm Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng năm học 2019-20; 2020-21, 2019-22
201				1.2.04	Các Quyết định công nhận danh hiệu thi đua của tập thể Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng từ năm học 2019 đến 2020
202	3	3		3.2.02	Quyết định số 504/QĐ-CDCT ngày 05/9/2019 Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường CD Công Thương TP.HCM
203				2.2.06	Kế hoạch giảng viên-kế hoạch giảng dạy Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
204			3.3.01		Các Sổ lên lớp
205				2.2.02	Danh sách Sinh viên các lớp Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng năm học 2019-20; 2020-21, 2019-22
206			3.3.02		Danh sách Sinh viên các lớp học lý thuyết, thực hành

207			3.3.03		Thống kê giờ giảng hàng năm của giảng viên Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng năm 2018, 2019, 2020
208			3.3.04		Bảng thanh toán lương hàng năm của giảng viên Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng năm 2018, 2019, 2020
209			3.3.05		Bảng thanh toán vượt giờ của giảng viên Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng năm 2018, 2019, 2020
210			3.3.06		Danh sách và hồ sơ các đề tài NKế toánH hàng năm của giảng viên ngành Kế toán năm 2018, 2019, 2020
211				3.1.01	Danh sách trích ngang giảng viên ngành Kế toán
212	3	4	3.4.01		Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018, 2019, 2020
213			3.4.02		Quyết định số 568/QĐ-CDCT ngày 03/6/2020 công nhận 03 giảng viên dạy giỏi cấp trường thuộc Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng năm 2020
214			3.4.03		Bằng khen 01 giảng viên nghề Kế toán đạt thành tích trong các Hội thi cấp Thành phố năm 2018 và 01 giảng viên có bằng khen năm 2020
215				3.3.06	Danh sách và hồ sơ các đề tài NKế toánH của giảng viên nghề Kế toán năm 2018, 2019, 2020
216			3.4.04		Các bài báo khoa học và các mô hình dạy học tự làm của Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng
217	3	5	3.5.01		Các quyết định, danh sách cử giảng viên nghề Kế toán bồi dưỡng, thực tập tại doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020
218			3.5.02		Chương trình, kế hoạch học tập hàng năm nghề Kế toán năm 2018, 2019, 2020
219			3.5.03		Các hình ảnh giảng viên tham các lớp tập huấn, khóa học tập, chương trình tham quan học tập từ năm 2019 – 2019

220				1.1.09	Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
221			3.5.04		Báo cáo kết quả học tập của giảng viên nghề Kế toán sau khi tham gia học tập, bồi dưỡng năm 2018, 2019, 2020
222			3.5.05		Đường link khảo sát cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
223			3.5.06		Kết quả khảo sát CBQL, GV, NV về chất lượng các khóa học tập, bồi dưỡng NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
224	3	6		3.5.01	Quyết định, danh sách cử giảng viên nghề Kế toán bồi dưỡng, thực tập tại doanh nghiệp năm 2018, 2019, 2020
225			3.6.01		Đề cương thực tập tại doanh nghiệp của giảng viên
226			3.6.02		Báo cáo thực tập tại doanh nghiệp của giảng viên
227	3	7		3.1.01	Danh sách trích ngang giảng viên ngành Kế toán NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
228			3.7.01		Hồ sơ cán bộ quản lý và nhân viên Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng
229	3	8		3.2.03	Hồ sơ đánh giá và phân loại nhà giáo Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20
230				2.6.17	Báo cáo tổng kết hàng năm Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20
231			3.8.01		Quyết định số 17/QĐ-CDCT quy định về đánh giá, phân loại và xét thi đua khen thưởng
232				3.2.04	Báo cáo kết quả cụ thể đánh giá; phân loại nhà giáo của Trường năm 2018, 2019, 2020

233				1.2.04	Các Quyết định công nhận danh hiệu thi đua tập thể và cá nhân của Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng từ năm học 2019 đến 2019
234	4	1		2.1.02	Quyết định số 195/2017/GCNĐKHĐ-TCDN ngày 28/6/2017 Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động DN
235				1.1.02	Quyết định số 907/QĐ-CDCT ngày 15/12/2017 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng nghề Kế toán
236			4.1.01		Quyết định số 509/QĐ-CDCT ngày 05/9/2019 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành quy định xây dựng, thẩm định CTĐT trình độ cao đẳng trường CDCT
237				1.1.05	QĐ số 146/QĐ-CDCT ngày 7/5/2019 về việc thành lập tổ biên soạn CTĐT Cao đẳng ngành Kế toán
238				1.1.06	QĐ số 300/QĐ-CDCT ngày 26/6/2019 về việc thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT ngành Kế toán
239				1.1.07	Các biên bản, phiếu nhận xét, góp ý, phản biện trong điều chỉnh chương trình đào tạo
240				1.1.08	Quyết định số 352/QĐ-CDCT ngày 8/7/2019 ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kế toán của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TP HCM
241				2.7.01	Quyết định số 521/QĐ-CDCT ngày 05/9/2019 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành quy định về đào tạo liên thông
242			4.1.02		QĐ số 123/QĐ-CDCT ngày 2/4/2019 về việc thành lập tổ biên soạn CTĐT Cao đẳng liên thông nghề Kế toán
243			4.1.03		QĐ số 628/QĐ-CDCT ngày 23/9/2019 về việc thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng ngành Kế toán

244			4.1.04		Các biên bản, phiếu nhận xét, góp ý, phản biện trong xây dựng CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán
245				2.7.12	QĐ số 83/QĐ-CDCT ngày 14/2/2020 về việc ban hành CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán
246				2.7.02	QĐ số 1171/QĐ-CDCT ngày 31/12/2020 về việc công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập các môn học của sinh viên đang học liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng hệ chính quy nghề Kế toán khoá 2020-2020
247				1.1.14	Biên bản ngày 03/6/2020 họp về việc điều chỉnh chương trình đào tạo
248	4	2	4.2.01		Lý lịch khoa học
249				1.1.06	QĐ số 300/QĐ-CDCT ngày 26/6/2019 về việc thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT nghề Kế toán
250				1.1.07	Các biên bản, phiếu nhận xét, góp ý, phản biện trong điều chỉnh chương trình đào tạo
251				1.1.08	Quyết định số 352/QĐ-CDCT ngày 8/7/2019 ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kế toán của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TP HCM
252				4.1.03	QĐ số 628/QĐ-CDCT ngày 23/9/2019 về việc thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán
253				4.1.04	Các biên bản, phiếu nhận xét, góp ý, phản biện trong xây dựng CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán

254				2.7.12	QĐ số 83/QĐ-CDCT ngày 14/2/2020 về việc ban hành CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán
255	4	3		1.1.07	Biên bản, phiếu nhận xét, góp ý, phản biện trong xây dựng CTĐT
256				4.1.04	Các biên bản, phiếu nhận xét, góp ý, phản biện trong xây dựng CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán
257				1.1.09	Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20
258				1.1.11	Đường link khảo sát doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của SVTN, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20
259	4	4		1.1.07	Các biên bản, phiếu nhận xét, góp ý, phản biện trong xây dựng chương trình đào tạo
260				1.1.08	Quyết định số 352/QĐ-CDCT ngày 8/7/2019 ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kế toán của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TP HCM
261				1.1.11	Đường link khảo sát doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của SVTN, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20
262	4	5		3.1.01	Danh sách trích ngang giảng viên Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng
263				3.1.02	Hồ sơ giảng viên Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng

264				3.1.03	Báo cáo kết quả đánh giá trình độ giảng viên Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng theo Thông tư 08 năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20
265	4	6		1.1.08	Quyết định số 352/QĐ-CDCT ngày 8/7/2019 ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kế toán của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TP HCM
266				2.7.12	QĐ số 83/QĐ-CDCT ngày 14/2/2020 về việc ban hành CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán
267			4.6.01		Biên bản họp góp ý sự phù hợp phương pháp đánh giá kết quả học tập, mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học
268	4	7		1.1.07	Các biên bản, phiếu nhận xét, góp ý, phản biện trong xây dựng CTĐT
269				4.1.04	Các biên bản, phiếu nhận xét, góp ý, phản biện trong xây dựng CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán
270				1.1.08	Quyết định số 352/QĐ-CDCT ngày 8/7/2019 ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kế toán của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TP HCM
271				2.7.12	QĐ số 83/QĐ-CDCT ngày 14/2/2020 về việc ban hành CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán
272				1.1.11	Đường link khảo sát doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của SVTN, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20
273	4	8		2.7.12	QĐ số 83/QĐ-CDCT ngày 14/2/2020 về việc ban hành CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán

274			4.8.01		QĐ số 577a/QĐ-HCN-ĐT ngày 02/6/2020 về việc chấp thuận tuyển sinh viên trường Cao đẳng CDCT
275			4.8.02		Quyết định số 1411/QĐ-ĐHCN ngày 8/10/2020 của Hiệu trưởng Đại học Công nghiệp TP.Hồ Chí Minh về việc ban hành bộ CTĐT liên thông đại học - công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông đã được cơ sở giáo dục đại học ban hành
276			4.8.03		Các thông báo tuyển sinh liên thông đại học
277	4	9		1.1.08	Quyết định số 352/QĐ-CDCT ngày 8/7/2019 ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kế toán của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TP HCM
278				2.7.12	QĐ số 83/QĐ-CDCT ngày 14/2/2020 về việc ban hành CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán
279			4.9.01		Danh mục giáo trình chính cho từng mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo nghề Kế toán trình độ cao đẳng năm 2020, 2019, 2020
280			4.9.02		Bản in giáo trình nghề Kế toán trình độ cao đẳng
281			4.9.03		Quyết định số 599a/QĐ-CDCT ngày 21/11/2018 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành danh sách giáo trình được lựa chọn, sử dụng làm tài liệu chính phục vụ công tác giảng dạy và học tập của Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng trường CDCT
282	4	10		1.1.02	Quyết định số 907/QĐ-CDCT ngày 15/12/2017 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành CTĐT trình độ cao đẳng nghề Kế toán

283				1.1.08	Quyết định số 352/QĐ-CDCT ngày 8/7/2019 ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kế toán của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TP HCM
284				2.7.12	QĐ số 83/QĐ-CDCT ngày 14/2/2020 về việc ban hành CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán
285			4.10.01		Kế hoạch số 198/KH-CDCT ngày 10/10/2018 về việc triển khai đăng ký biên soạn giáo trình lưu hành nội bộ năm học 2019,2020, 2019
286			4.10.02		Biên bản họp Hội đồng thẩm định giáo trình
287				2.6.08	Phiếu đánh giá giáo trình của Hội đồng thẩm định
288			4.10.03		Danh mục các giáo trình đào tạo trước khi CTĐT thay đổi
289				4.9.03	Quyết định số 599a/QĐ-CDCT ngày 21/11/2018 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành danh sách giáo trình được lựa chọn, sử dụng làm tài liệu chính phục vụ công tác giảng dạy và học tập của Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng trường CDCT
290				4.9.01	Danh mục giáo trình chính cho từng mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo nghề Kế toán trình độ cao đẳng năm 2018 so với năm 2019 có sự thay đổi
291	4	11	4.11.01		Quyết định số 757a/QĐ-CDCT ngày 14/8/2018 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc thành lập Hội đồng khoa học thẩm định giáo trình đào tạo
292			4.11.02		Danh sách các thành viên tham gia Hội đồng khoa học thẩm định giáo trình đào tạo
293				1.1.08	Quyết định số 352/QĐ-CDCT ngày 8/7/2019 ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kế toán của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TP HCM

294				2.7.12	QĐ số 83/QĐ-CDCT ngày 14/2/2020 về việc ban hành CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán
295				4.9.01	Danh mục giáo trình chính cho từng mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo nghề Kế toán trình độ cao đẳng năm 2018, 2019, 2020,2020
296				4.9.02	Bản in giáo trình nghề Kế toán trình độ cao đẳng
297				4.10.02	Các Biên bản thẩm định giáo trình nghề C trình độ cao đẳng
298			4.11.03		Đường link khảo sát CBQL, GV và SV về giáo trình NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
299			4.11.04		Báo cáo kết quả thu thập ý kiến về giáo trình - CBQL, GV, SV
300	4	12		1.1.08	Quyết định số 352/QĐ-CDCT ngày 8/7/2019 ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kế toán của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TP HCM
301				2.7.12	QĐ số 83/QĐ-CDCT ngày 14/2/2020 về việc ban hành CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán
302				4.9.01	Danh mục giáo trình chính cho từng mô-đun, môn học của Chương trình đào tạo nghề Kế toán trình độ cao đẳng năm 2020,2019, 2020
303				4.9.02	Bản in giáo trình nghề Kế toán trình độ cao đẳng
304				4.9.03	Quyết định số 599a/QĐ-CDCT ngày 21/11/2018 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành danh sách giáo trình được lựa chọn, sử dụng làm tài liệu chính phục vụ công tác giảng dạy và học tập của Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng trường CDCT
305				2.6.08	Phiếu đánh giá giáo trình của Hội đồng thẩm định

306				4.10.02	Các Biên bản thẩm định giáo trình nghề C trình độ cao đẳng
307				4.11.04	Hồ sơ khảo sát về giáo trình nghề Kế toán
308	5	1	5.1.01		Bảng thống kê diện tích sử dụng các phòng học lý thuyết, thực hành, giảng đường phục vụ đào tạo
309			5.1.02		Hồ sơ hoàn công các khối công trình xây dựng
310			5.1.03		Hợp đồng cung cấp điện, nước của Trường
311			5.1.04		Danh mục thiết bị tối thiểu đào tạo ngành Kế toán
312				2.6.05	Danh mục thiết bị đào tạo hiện có của nghề Kế toán
313			5.1.05		Báo cáo của cơ sở đào tạo đánh giá về mức độ đáp ứng về số lượng phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa cho các CTĐT hàng năm
314			5.1.06		Đường link khảo sát ý kiến SV, GV, CBQL về phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, hệ thống điện, nước NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
315			5.1.07		Tổng hợp kết quả khảo sát ý kiến SV, GV, CBQL về phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
316			5.1.08		Bảng thống kê các phòng máy Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng - TCNH năm 2018, 2019, 2020
317	5	2	5.2.01	5.1.04	Hồ sơ xuất xứ các máy móc thiết bị thuộc Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng năm 2018, 2019, 2020
318			5.2.02		Biên bản kiểm kê tài sản cố định năm 2018, 2019, 2020
319			5.2.03		Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị và số lượng hiện có của cơ sở đào tạo với danh mục thiết bị và số lượng tối thiểu
320			5.2.04		Báo cáo chi tiết tài sản cố định năm 2018, 2019, 2020

321				5.1.06	Đường link khảo sát các đối tượng có liên quan về thiết bị đào tạo NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
322				5.1.07	Kết quả khảo sát các đối tượng có liên quan về thiết bị đào tạo NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
323	5	3		5.1.04	Danh mục thiết bị tối thiểu đào tạo ngành Kế toán
324				2.6.05	Danh mục thiết bị hiện có đào tạo ngành Kế toán
325				2.1.10	Quyết định biên chế các lớp và quyết định thí sinh đã trúng tuyển năm 2018, 2019, 2020
326				2.2.02	Danh sách SV các lớp nghề Kế toán năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20
327				2.2.03	Kế hoạch học tập và giảng dạy hàng năm của Trường NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
328				2.2.04	Tiến độ đào tạo NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
329				2.2.05	Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học của giảng viên Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
330				5.1.01	Bảng vẽ tổng thể thiết kế xây dựng trường; Bảng thống kê diện tích phòng học, phòng thực hành của nghề
331			5.3.01		Hình ảnh bố trí thiết bị tại các phòng thực hành máy tính; tiêu lệnh PCCC, bình PCCC
332			5.3.02		Quy trình đầu tư mua sắm tài sản
333	1	1	5.3.03		Quy chế bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất, thiết bị (lý lịch máy, hợp đồng bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị của nghề Kế toán
			5.3.04		Hình ảnh các biểu mẫu chứng từ
				5.1.04	<i>Danh mục thiết bị tối thiểu đào tạo ngành Kế toán</i>

				2.6.05	<i>Danh mục thiết bị hiện có đào tạo ngành Kế toán</i>
				5.1.01	<i>Bảng thống kê diện tích phòng học, phòng thực hành của nghề Kế toán</i>
334	5	4		2.6.05	Danh mục thiết bị hiện có đào tạo ngành Kế toán
				5.2.03	<i>Bảng so sánh đối chiếu danh mục thiết bị tối thiểu đào tạo nghề Kế toán</i>
				2.1.10	<i>Quyết định biên chế các lớp và quyết định thí sinh đã trúng tuyển năm 2018, 2019, 2020</i>
				2.2.02	<i>Danh sách SV các lớp nghề Kế toán năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020</i>
				2.2.03	<i>Kế hoạch học tập và giảng dạy hàng năm của Trường năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020</i>
				2.2.04	<i>Tiến độ đào tạo năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020</i>
				2.2.05	<i>Thời khóa biểu theo từng học kỳ, năm học của giảng viên khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020</i>
335			5.4.01		Qui định về quản lý sử dụng cơ sở vật chất của trường
336			5.4.02		Các sơ đồ, hình ảnh bố thiết bị, nguyên, nhiên, vật liệu các phòng thực hành
337			5.4.03		Quyết định số 316/QĐ-CDCT ngày 02/7/2018 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công
338			5.4.04		Biên bản kiểm tra máy móc, thiết bị Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng năm 2018, 2019, 2020
339				5.1.06	Đường link khảo sát các đối tượng có liên quan về thiết bị đào tạo NH 2017-18, 2018-19, 2019-20

340			5.4.05		Quy trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị của nghề Kế toán
341			5.4.06		Quyết định số 130/QĐ-CDCT ngày 10/6/2020 V/v ban hành quy định về quản lý phòng thực hành trong nhà trường, Sổ nhật ký xưởng
342			5.4.07		Báo cáo công tác quản lý, bảo dưỡng các thiết bị cho thực hành và biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng năm 2018, 2019, 2020
343	5	5	5.5.01		Quyết định số 881/QĐ-CDCT ngày 26/7/2019 của Hiệu trưởng trường CDCT về việc ban hành quy định định mức kinh tế kỹ thuật về đào tạo các nghề tại trường CDCT
344			5.5.02		Quy trình cấp phát, thu nhận trang thiết bị hàng hoá, vật liệu
345			5.5.03		Hồ sơ xuất nhập vật tư hàng hóa thiết bị năm 2018, 2019, 2020
346			5.5.04		Các đề xuất nhu cầu vật tư của các đơn vị năm 2018, 2019, 2020
347			5.5.05		Kế hoạch cung ứng vật tư theo kế hoạch đào tạo
348			5.5.06		Sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo CTĐT năm 2018, 2019, 2020
349			5.5.07		Báo cáo định kỳ hoạt động các kho và lưu trữ theo học kỳ, năm học
350				5.1.06	Các biên bản khảo sát đối với nhà giáo, học sinh của trường
351	5	6		1.1.08	Quyết định số 352/QĐ-CDCT ngày 8/7/2019 ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kế toán của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TP HCM
352				2.7.12	QĐ số 83/QĐ-CDCT ngày 14/2/2020 về việc ban hành CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán

353			4.9.01	Bảng kê danh mục chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt: tên giáo trình, năm xuất bản, đơn vị xuất bản, số lượng bản in, bản điện tử đã được phê duyệt
354			5.6.01	Danh mục tài liệu tham khảo được số hóa
			1.1.08	Quyết định số 352/QĐ-CDCT ngày 8/7/2019 ban hành Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng nghề Kế toán của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TP HCM
			2.7.12	<i>QĐ số 80/QĐ-CDCT ngày 14/2/2020 về việc ban hành CTĐT liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng nghề Kế toán</i>
			4.9.01	<i>Bảng kê danh mục chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt: tên giáo trình, năm xuất bản, đơn vị xuất bản, số lượng bản in, bản điện tử đã được phê duyệt</i>
355			5.6.02	Danh mục giáo trình được số hóa
356			5.6.03	Đường link khảo sát ý kiến SV và GV về thư viện
357			5.6.04	Kết quả khảo sát ý kiến SV và GV về thư viện
358	5	7	5.7.01	Hình ảnh sử dụng trang website thư viện điện tử
359			5.7.02	Hợp đồng cung cấp Internet; Tổng Cty viễn thông viettel
360			5.7.03	Báo cáo đánh giá hoạt động của thư viện hàng năm
361			5.7.04	Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện
362			5.6.03	Đường link khảo sát hàng năm về mức độ thư viện đáp ứng yêu cầu của người sử dụng
363			5.6.04	Tổng hợp kết quả khảo sát hàng năm về mức độ thư viện đáp ứng yêu cầu của người sử dụng
364	5	8	5.8.01	Danh sách mô-đun, môn học sử dụng các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy

365			5.8.02		Hồ sơ giảng dạy hệ cao đẳng các năm 2019,2020, 2019 gồm: Kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, giáo án của giáo viên các môn học, mô đun, sổ lên lớp, sổ tay giáo viên, bảng điểm của sinh viên các lớp
366			5.8.03		Hình ảnh giảng dạy một số MĐ/MH bằng phần mềm mô phỏng
367			5.8.04		Sổ nhật ký phòng thực hành
368	6	1	6.1.01		Kế hoạch tuần sinh hoạt công dân đầu năm năm 2018, 2019, 2020
369			6.1.02		Các tài liệu cung cấp cho người học khi nhập học và trong quá trình học
370				2.2.01	Quy chế tổ chức đào tạo, quy chế xét thi kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp của trường
371			6.1.03		Ban hành Nội quy HSSV
372			6.1.04		Thông báo về mức thu học phí hằng năm của Trường
373			6.1.05		Các QĐ về việc ban hành quy định cấp học bổng khuyến khích học nghề, Quy định xét, miễn giảm học phí cho HSSV của Trường
374				2.1.16	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến HSSV hàng năm
375				5.6.03	Đường link khảo sát của giáo viên, người học về Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của Trường và các chế độ, chính sách đối với người học
376	6	2		1.1.01	QĐ số 52/QĐ-CDCT ngày 01/02/2018 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Công Thương TP.HCM
377				6.1.04	Thông báo về mức thu học phí hằng năm của Trường

378			6.1.05	Các QĐ về việc ban hành quy định cấp học bổng khuyến khích học nghề, Quy định xét, miễn giảm học phí cho HSSV của Trường
379			3.4.01	Các quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018, 2019, 2020
380		6.2.01		Các QĐ khen thưởng đối với HSSV các năm - Danh sách sinh viên được khen thưởng các năm
381		6.2.02		Biểu tổng hợp số liệu học sinh khám sức khỏe đầu khóa các năm 2018, 2019, 2020
382		6.2.03		Hợp đồng khám sức khỏe hàng năm
383		6.2.04		Biên bản kiểm kê tài sản thiết bị, dụng cụ y tế
384		6.2.05		Thông báo kết luận họp giao ban hàng tháng năm học 2020, 2019
385		6.2.06		Các biên bản sinh hoạt lớp năm học 2018, 2019, 2020
386			1.2.03	Báo cáo tổng kết năm học của Trường
387			2.1.15	Đường link khảo sát Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
388	6	3	6.3.01	Kế hoạch tư vấn giới thiệu việc làm cho SV năm học 2018, 2019, 2020
389			6.3.02	Danh sách các nhà tuyển dụng tham gia phiên giao dịch, tuyển dụng việc làm hàng năm
390			6.3.03	Báo cáo về việc tư vấn và giới thiệu việc làm cho SV , 2017-18, 2018-19, 2019-20
391			6.3.04	Một số hình ảnh về việc tư vấn việc làm và tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp tại trường
392			6.3.05	Danh sách sinh viên đăng ký tìm việc làm

393			6.3.06		Hình ảnh trên website, facebook, Fanpage
394			6.3.07		Các thông báo về tuyển dụng lao động của các Doanh nghiệp đăng trên bảng tin nhà trường các năm
395				2.1.16	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến người học năm 2020, 2020
396	6	4	6.4.01		Hình ảnh các khu hoạt động và khuôn viên trường, Hình ảnh hoạt động thể dục thể thao, phong trào Đoàn Hội
397			6.4.02		Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao cho HSSV
398			6.4.03		Quyết định khen thưởng các hoạt động phong trào trong HSSV
399			6.4.04		Đường link khảo sát người học về các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
400			6.4.05		Kết quả khảo sát người học về các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
401	7	1	7.1.01		Quyết định số 64/QĐ-CDCT ngày 1/3/2010 về việc thành lập TT Khảo thí & Bảo đảm chất lượng của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công thương TPHCM
402				1.1.09	Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20
403			7.1.02		Ảnh chụp nội dung Phiếu khảo sát doanh nghiệp về về mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp và sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20

404				1.1.11	Đường link khảo sát doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của SVTN, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20
405			7.1.03		Danh sách các doanh nghiệp đã lấy ý kiến khảo sát năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20
406				1.1.12	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến doanh nghiệp về sinh viên tốt nghiệp ngành Kế toán NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
407	7	2		1.1.09	Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
408			7.2.01		Ảnh chụp Phiếu khảo sát SV tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của SV tốt nghiệp năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20
409			7.2.02		Đường link khảo sát về SV tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm NH 2020-2020
410				2.5.15	Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên tốt nghiệp năm 2017-18, 2018-19, 2019-20
411			7.2.03		Báo cáo kết quả điều tra lần vết về sinh viên sau tốt nghiệp NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
412	7	3		1.1.09	Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học NH 2017-18, 2018-19, 2019-20

413			7.3.01		Bản chụp Phiếu khảo sát GV, CBQL để thu thập thông tin về dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2017-18, , 2019-20
414			7.3.02		Danh sách cán bộ, giảng viên, nhân viên thuộc Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng - Tài chính ngân hàng
415			7.3.03		Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức thuộc Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng - TCNH được thu thập ý kiến hàng năm
416			7.3.04		Ảnh chụp phiếu ý kiến về công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, CBQL, NG, VC về công tác dạy và học NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
417				3.5.05	Đường link khảo sát về công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20
418				3.5.06	Tổng hợp kết quả khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý
419	7	4		1.1.09	Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
420			7.4.01		Ảnh chụp Phiếu khảo sát SV để thu thập ý kiến về về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học. năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20

421				2.1.15	Đường link khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
422				2.2.02	Danh sách SV các lớp nghề Kế toán năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20
423				2.1.17	Danh sách SV được khảo sát ý kiến về tuyển sinh, về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20
424				2.1.16	Tổng hợp kết quả khảo sát người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20
425	7	5	7.5.01		Quyết định số 1769/QĐ LĐTBXH ngày 25/11/2019 về việc Phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường cao đẳng, trường trung cấp được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025 của Thứ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội

426			7.5.02	Quyết định số 186/QĐ-CDCT, ngày 26/3/2020 về việc Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban soạn thảo báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TPHCM; Quyết định số 101/QĐ-CDCT, ngày 22/5/2020 về việc Điều chỉnh, bổ sung Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TPHCM; Quyết định số 993/QĐ-CDCT, ngày 6/11/2020 về việc Điều chỉnh, bổ sung Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TPHCM; Quyết định số 243a/QĐ-CDCT, ngày 22/5/2019 về việc Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TPHCM
427			7.5.03	Kế hoạch số 101/KH-HĐTDGCLGDNN, ngày 22/5/2020 về việc Điều chỉnh, bổ sung thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2020 của Chủ tịch Hội đồng- Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TPHCM; Kế hoạch số 242a/KH-HĐTDGCLGDNN, ngày 22/5/2019 về việc thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2019 của Chủ tịch Hội đồng- Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TPHCM
428			7.5.04	Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2018, 2019, 2020
429			7.5.05	Biên bản họp Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán ngày 10/11/2020; Biên bản họp Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán ngày 9/11/2019
430			7.5.06	Báo cáo số 298/BC-CDCT ngày 8/12/2020 Báo cáo tự đánh giá chất lượng năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương TPHCM

431			7.5.07		Đường link báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2020, 2019
432			7.5.08		Công văn số 33877/SLĐTBXH-GDDN ngày 22/10/2019 về việc thực hiện quy định hệ thống đảm bảo chất lượng GDNN năm 2019 của Phó Giám đốc Sở LĐ-TB&XH TPHCM
433	7	6		1.2.03	Báo cáo tổng kết hàng năm về kết quả hoạt động năm học trước và phương hướng nhiệm vụ năm học sau của Trường NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
434				2.6.17	Báo cáo tổng kết hàng năm Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
435				7.5.04	Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Kế toán trình độ cao đẳng năm 2017-18, 2018-19, 2019-20
436			7.6.01		Kế hoạch nâng cao chất lượng chương trình đào tạo ngành Kế toán năm 2017-18, 2018-19, 2019-20
437			7.6.02		Báo cáo kết quả thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo năm 2020
438				3.5.01	Các quyết định cử đi học tập nâng cao trình độ hàng năm của giảng viên ngành Kế toán từ năm 2019-2019
439				3.5.04	Báo cáo kết quả học tập của giảng viên ngành Kế toán sau khi tham gia học tập, bồi dưỡng từ năm từ năm 2019 – 2020
440				2.6.05	Danh mục thiết bị hiện có đào tạo ngành Kế toán
441				5.2.01	Hồ sơ xuất xứ các máy móc thiết bị thuộc Khoa Kế toán - Tài chính ngân hàng 2018, 2019, 2020
442				4.11.01	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình năm 2018, 2019, 2020

443				2.6.08	Phiếu đánh giá giáo trình của Hội đồng thẩm định năm 2018, 2019, 2020
444				4.10.02	Biên bản thẩm định giáo trình năm 2018, 2019, 2020
				4.10.03	<i>Phiếu đánh giá giáo trình của Hội đồng thẩm định năm 2018, 2019, 2020</i>
445				4.9.01	Danh mục giáo trình các môn học 2018, 2019, 2020
446				4.9.02	Bản in giáo trình nghề Kế toán trình độ cao đẳng [có trong Thư viện]
447				2.6.15	Quyết định phân công cố vấn học tập
448				2.6.16	Kế hoạch cố vấn học tập
449				2.6.17	Báo cáo tổng kết khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng năm học 2020- 2019, 2019-2020
450				1.1.09	Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20
451				1.1.12	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của doanh nghiệp về SVTN nghề Kế toán năm 2019-2020
452				2.6.04	Báo cáo kết quả điều tra lần vết về sinh viên sau tốt nghiệp năm học 2019-2020
453	7	7		1.1.09	Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
454				7.2.01	Ảnh chụp Phiếu khảo sát SV tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của Trường và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của SV tốt nghiệp năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20

455				7.2.02	Đường link khảo sát về SV tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
456				7.2.03	Quyết định công nhận tốt nghiệp và Danh sách Sinh viên tốt nghiệp năm 2017-18, 2018-19, 2019-20
457				2.6.04	Báo cáo kết quả điều tra lần vết về sinh viên sau tốt nghiệp NH 2017-18, 2018-19, 2019-20
458	7	8		7.1.01	Quyết định số 64/QĐ-CDCT ngày 1/3/2010 về việc thành lập TT Khảo thí & Bảo đảm chất lượng của Hiệu trưởng Trường Cao Công thương TPHCM
459				1.1.09	Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến các đối tượng liên quan về các cuộc khảo sát liên quan đến hoạt động dạy và học năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20
460				7.1.02	Ảnh chụp nội dung Phiếu khảo sát doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của SV tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp và sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20
461				1.1.11	Đường link khảo sát doanh nghiệp về mức độ đáp ứng của SVTN, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20
462				7.1.03	Danh sách các doanh nghiệp đã lấy ý kiến khảo sát năm học 2017-18, 2018-19, 2019-20
463				1.1.12	Báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của doanh nghiệp về SVTN nghề Kế toán